

## F O R U M



Nguyện cầu, Ea Sola (ảnh Lê Anh)

### mục lục

2 sinh hoạt, điểm sách

#### thời sự & những vấn đề

- |    |  |              |
|----|--|--------------|
| 1  | <i>Bình luận</i> : Những tiếng thở dài | Diễn Đàn     |
| 4  | Tín / Thời sự                          |              |
| 9  | Từ Aussaresses đến Kerrey              | Phong Quang  |
| 11 | Độc Hobsbawm (IV)                      | Nguyễn Quang |

#### Hồ sơ : Kinh tế tri thức

- |    |                                |                  |
|----|--------------------------------|------------------|
| 15 | Những vấn đề đặt ra cho VN     | Trần Việt Phương |
| 17 | Nhận diện nền kinh tế tri thức | Hoàng Tuệ        |

#### Văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- |    |                                      |                             |
|----|--------------------------------------|-----------------------------|
| 20 | Tình bạn, hồi sinh con mẹ            | Đinh Cường                  |
| 25 | Từ Linh Sơn, nhớ về...               | Nguyễn Tường Bách           |
| 27 | Mưa trên sông ( <i>truyện ngắn</i> ) | Thận Nhiên                  |
| 29 | Không dung một chữ <i>Phò</i>        | Nguyễn Văn Thọ              |
| 30 | Độc sách                             | Văn Ngọc, Hoà Vân, Kiến Văn |

### Đàn áp tôn giáo

## Những tiếng thở dài

Một tháng sau lễ đăng quang của tân tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh, những nhà ngoại giao phương tây ở Hà Nội đang đặt dấu hỏi về ý nghĩa của những vụ đàn áp một số giáo sĩ Kitô giáo, Phật giáo hay Hoà Hảo đang diễn ra ở Việt Nam.

Ngày 11.5, toà án tỉnh An Giang đã tuyên án hai giáo sĩ Hoà Hảo Trương Văn Đức và Hồ Văn Trọng, người 12 năm, người 4 năm tù ở, về tội “ phá rối trật tự công cộng ” và có hành động chống lại công an. Cả hai ông đã bị bắt từ 6 tháng trước trong một vụ biểu tình của Hoà Hảo ở làng Phù Mỹ. Người tổ chức biểu tình, ông Lê Quang Liêm, một nhân sĩ Hoà Hảo 81 tuổi đã bị quản thúc tại gia từ tháng 3 này.

Ngày 17.5, cùng ngày khai mạc hội nghị cấp thứ trưởng *Diễn đàn an ninh khu vực* của ASEAN (ARF) tại Hà Nội, với sự có mặt của đại diện 23 nước (ngoài 10 nước thành viên ASEAN, có Mỹ, Trung Quốc, Nam và Bắc Hàn...), linh mục Nguyễn Văn Lý bị bắt tại nhà xứ Truyền Nam, xã Phú An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên-Huế, về tội “ không chấp hành quyết định quản chế hành chính của chính quyền, vi phạm điều 269 bộ luật Hình sự ”.

Ngày hôm sau, hoà thượng Thích Quảng Độ bị công an thành phố HCM gọi lên hạch hỏi.

Cả hai là những nhân vật nổi tiếng với những hoạt động chống cộng. Linh mục Nguyễn Văn Lý hồi tháng 2 đã gửi thư kêu gọi quốc hội Mỹ dừng thông qua hiệp định thương mại với Việt Nam vì lý do nhân quyền, và sau đó đã bị quản chế tại thôn Truyền Nam từ ngày 26.2. Hành động chính trị của Linh mục Lý không mấy sáng suốt và chứng tỏ não trạng “ Cộng giáo Hồ Nai ”, “ ăn thua đủ với Cộng sản ” vẫn còn tồn tại trong giáo hội Kitô Roma ở Việt Nam. Thực ra, xu hướng cực đoan và xuẩn động này chỉ còn là thiểu số trong giáo hội. Nếu nhìn vấn đề ở khía cạnh thuần tuý chính trị, chính quyền chỉ cần phổ biến rộng rãi lập trường của tu sĩ này, tự nó sẽ cô lập ông. Song chính quyền (địa phương ?) đã không làm thế : họ gây sức ép với tổng giám mục Huế để cách chức LM Lý, áp lực không được thì bắt giam.

Trong mấy tháng vừa qua, do tình hình căng thẳng trong việc chuẩn bị đại hội đảng, và vụ biến loạn ở Tây Nguyên, Hà

(xem tiếp trang 10)

## SÁCH MỚI SÁCH MỚI SÁCH MỚI

**Trần Đăng Khoa, *Người thường gặp, ghi chép***, Nhà xuất bản Thanh Niên, 2001, 228 tr.

Đây là cuốn tiếp nối của *Chân dung và đối thoại* bán chạy như tôm tươi và đã gây ra tranh cãi ỏm tỏi trong làng văn Việt Nam. Vẫn có mặt những nhà văn : chân dung Vũ Cao, đối thoại với Tô Hoài (về phố xá Hà Nội), chuyện bà B. Dimitrova (nhà văn Bulgaria)... hay những quan chức (đại tướng Võ Nguyên Giáp, Hữu Thọ...). Nhưng chủ yếu là những con người “ bình thường ”, những nông dân, những người lính cũ, những con người mà Khoa dễ tiếp cận, dễ nắm bắt và kể lại với ngòi bút dí dỏm, bổ bã, ranh ma. Một ví dụ : *Kể tiếp chuyện lão Chộp* (tr. 121-131), chân dung ông già nông dân năm xưa đã bắt sống phi công Pete Peterson, nay là đại sứ Hoa Kỳ tại Hà Nội (đón xem trong số báo sau).

**Nam Dao, *Tiếng công, tiểu thuyết***, 2000, 182 tr ; ***Ba vở kịch***, 228 tr, Nhà xuất bản Thi Văn, 2000.

Sau *Gió Lửa* (xem bài giới thiệu của Nguyễn Thanh Nhã, *Diễn Đàn* số 104, tháng 2.2001 ), nhà xuất bản Thi Văn ở Canada cho ra liên tiếp hai tác phẩm khác của Nam Dao.

### *Loin du Vietnam*

*Exposition de*

**Tran Hue Dung Denise, Pham Ngoc Diep,  
Tran Van Liem, Dinh-Tho**

huile sur toile, couleurs sur soie marouflée sur contrecollé  
et sur toile, laque, aquarelle  
du 31 mai au 28 juillet 2001

(mercredi de 18 h à 21 h et samedi de 14 h à 20 h)

Librairie-Galerie IMPRESSIONS  
98 rue Quincampoix 75003 PARIS  
Tél 01 42 76 01 04 Métro Rambuteau

### CHARLES NGUYỄN VĂN DU

Peintures / Mosaïques

*Exposition du lundi 4 juin au samedi 16 juin*

Galerie Crous Beaux Arts  
11 rue des Beaux Arts, 75006 PARIS  
M° St Germain des Prés  
Tél : 01 43 54 10 99

[Ouvert du lundi au samedi de 11h à 20h]

### *Vở múa mới*

**REQUIEM / NGUYỆN CẦU**  
*của đoàn Ea Sola*

(do Ea Sola sáng tác, biên đạo, dựa trên bộ gõ và hò Huế)  
sau HANNOVER, AMSTERDAM, PARIS :

**BERLIN** (F. der Kontinente, *Hebbel Theater*,  
13-14-15 juin)  
**SINGAPORE** (Singapore Arts Fest., 22-23 juin)

*Tiếng công* vang lên ở Sapa, đưa những nhân vật của ngày hôm nay (Mĩ có, Việt có, trong nước, ngoài nước, Pháp gốc Việt...) vào thế giới huyền thoại của Lạc Long - Âu Cơ. Có thể đặt mua sách qua email ([thivan@videotron.ca](mailto:thivan@videotron.ca)), rồi trả bằng chi phiếu cho nhà xuất bản Thi Văn, 2699 Morgan, Ste Fot, Qc, CANADA G1W 4R9.

**Nguyễn Tường Bách, *Mùi hương trầm, ký sự du hành tại Ấn Độ, Trung Quốc, Tây Tạng***, Nhà xuất bản Trẻ, TP HCM, 2000, 400 tr.

Tôi có hai giấc mơ : một là đi thăm Trung Quốc cùng với một người giỏi thơ Đường, hai là đi một vòng Ấn Độ, Tây Tạng và Trung Quốc theo một bậc cao tăng. Chưa có giấc mơ nào thành, nhưng trong khi chờ ngày giấc mơ thứ nhì trở thành hiện thực, tôi tự an ủi với cuốn ký sự của Nguyễn Tường Bách. Theo chân tác giả, chúng ta làm cùng một lúc những cuộc du lịch độc đáo, những cuộc hành hương miên viễn, và được tác giả gợi mở cho những cuốn sách, những tác giả thiết yếu nhất khi ta muốn tìm hiểu tư tưởng Phật giáo (chúng tôi mạn phép tác giả trích đăng trong số này chương *Từ Linh Sơn nhớ về Yên Tử*, tr. 25).

Tác giả *Mùi hương trầm* còn là người thiết tha với công tác dịch thuật. Sau *Đạo của Vật lý* của Fritjof Capra, anh đã công bố bản dịch *Đường lên mây trắng* của Govinda (xuất bản ở trong nước, rất tiếc đã hết).

Cũng đã hết là bộ *Từ điển Phật học* (Nhà xuất bản Thuận Hoá, 1999) của nhóm Đạo Uyển (gồm Chân Nguyên, Nguyễn Tường Bách và Thích Nhuận Châu). Bạn đọc có người thân trong nước có thể nhờ tìm mua tái bản lần thứ hai (lưu hành nội bộ), 772 trang, tháng 3.2001. Đây là một từ điển rất giá trị, có phụ lục bằng tiếng Hán, Pali, Sanskrit và Anh để tiện tra cứu, tham khảo.

**Noah Gordon, *Người thầy thuốc, tiểu thuyết***, Lê Chu Cầu dịch, Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội, 2000, 1008 tr.

Sau *Mùi hương* (dịch cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của P. Suskind, đang được tái bản trong nước), Lê Chu Cầu mang lại cho bạn đọc bản dịch cuốn tiểu thuyết *The Physician* của nhà văn Mĩ Noah Gordon. Tác phẩm này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và phát hành hàng chục triệu bản.

Bạn đọc ở châu Âu có thể đặt mua với giá 40 DM + 2,50 DM cước phí bưu điện (*gửi ngân phiếu về địa chỉ Herr TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg, Đức*). Liên lạc qua địa chỉ email : [lekim1908@hotmail.com](mailto:lekim1908@hotmail.com)

### DIỄN ĐÀN FORUM

—  
*Chủ nhiệm* : Nguyễn Quang Đỗ  
*Tổng biên tập* : Hà Dương Tường  
*Ban chủ biên* : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,  
Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc  
*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý* :  
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,  
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,  
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,  
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,  
Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,  
Hải Văn, Hoà Văn

**Tố Hữu, *Nhớ lại một thời, hồi ký***, Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội, 2000, 432 tr.

Trí nhớ là một cái máy lọc, câu nói ấy vận đúng vào cuốn hồi ký của Tố Hữu công bố lúc ông vừa đúng 80 tuổi. 400 trang để nói tới 40 năm hoạt động cách mạng và sáng tác (cuốn sách ngừng năm 1975, nghĩa là chưa nói tới thời kì Tố Hữu làm phó thủ tướng “ nhà thơ đi làm kinh tế ”, với những hậu quả mà mọi người chưa quên), tất nhiên không thể nói hết, tất nhiên phải chọn lựa. Phần đầu (1930-50) khá lí thú, cho ta hiểu gia cảnh, môi trường niên thiếu (qua đó, được biết thêm Tố Hữu đã sinh trưởng ở Hội An, sau đó mới ra Huế), cũng như không khí hoạt động cách mạng và tù đầy những năm 1930 ở Trung Bộ. Cũng như không khí hào hùng của Khởi nghĩa Tháng Tám 1945 ở Huế (TH là người lãnh đạo, năm đó ông vừa đúng 25 tuổi). Bối cảnh không kém là những trang kể lại hoàn cảnh sáng tác những bài thơ nổi tiếng.

Ngược lại, người đọc hoàn toàn thất vọng và không thể không phẫn nộ khi Tố Hữu dành vài dòng để nói tới vụ Nhân văn Giai phẩm, và cả gan khẳng định đó là do “ gián điệp ” giết đây. “ Gián điệp ” đây chẳng phải là bà Thụy An, mà là nhà Việt học Maurice Durand (Trường Viễn Đông Bác cổ) mà Tố Hữu cũng không dám kể tên.

Vẫn biết trí nhớ là một cái máy lọc. Nhưng khi máy lọc biến thành nồi cháo lú thì quá thảm hại.

**Jean-Luc Einaudi, *Viet-Nam ! La guerre d'Indochine 1945-1954***, Le Cherche Midi éd., Paris, 2001, 264 p, 115 F.

J.-L. Einaudi là tác giả của 5 cuốn sách về chiến tranh Algérie, trong đó có cuốn *La Bataille de Paris (17 octobre 1961)*, Le Seuil 1991, điều tra về vụ tàn sát hàng trăm người Algérie ở giữa thủ đô nước Pháp (và với tư cách này, ông đã ra làm chứng trong vụ án Maurice Papon).

Cuốn sách mới này không phải là một cuốn lịch sử chiến tranh Đông Dương lần thứ 101, mà là kết quả một cuộc điều tra cận kề về những tội ác của quân đội viễn chinh Pháp (tra tấn, thủ tiêu, tàn sát...), với chứng từ của hàng chục người Pháp

(xem tiếp trang cuối)

### *Tin buồn*

Chúng tôi được tin

Ông *Phạm Văn Ngọc*

đã từ trần ngày 1.5.2001 tại bệnh viện Tournant, hưởng thọ 93 tuổi. Tang lễ đã cử hành ngày 5.5.2001 tại nghĩa trang Thiers.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn chị Ngưng Hương và toàn thể tang quyến.

Chúng tôi được tin

Ông *Nguyễn Văn Thiêm*

đã từ trần ngày 19.5.2001 tại Palaiseau, hưởng thọ 82 tuổi. Tang lễ đã cử hành ngày 29.5.2001 tại nghĩa trang L'Orme à Moineaux.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn chị Nguyễn Thị Nhựt, anh Đào Trọng Nguyên và toàn thể tang quyến.

## **Giá biểu quảng cáo và rao vặt**

**Rao vặt** : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo** : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

**Đăng liên tiếp nhiều số báo** : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

**Chứng từ đăng tải** : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

## **Phiếu mua báo *Diễn Đàn***

Họ và tên.....  
.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu ..... FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro ) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro ) .

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, gửi cho P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawa, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum) *đồng thời* gửi photocopy phiếu chuyển tiền về Mrs. LEDUC, 03-914 warszawa, Ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

# TIN TỨC

## Quốc hội có thể bỏ phiếu bất tín nhiệm chính phủ ?

Theo báo chí trong nước thì Quốc hội Việt Nam có thể bắt buộc các bộ trưởng chính phủ phải thường xuyên đối đầu với phiếu tín nhiệm của đại biểu quốc hội trong thời gian tới.

Ông Mai Thúc Lâm, phó chủ tịch QH, đã nói với báo **Nông thôn ngày nay** rằng những cuộc bỏ phiếu tín nhiệm một bộ trưởng sẽ diễn ra mỗi năm một lần hoặc mỗi kỳ họp quốc hội. Trong một thời gian xa hơn, quốc hội sẽ bỏ phiếu tín nhiệm hoặc bất tín nhiệm với những nhân vật cao cấp nhất của nhà nước. Tuần trước, uỷ ban thường vụ quốc hội đã cách chức ông Hà Quang Dự, bộ trưởng, chủ tịch uỷ ban thể dục thể thao quốc gia. Người ta cho rằng việc bãi miễn này dính líu đến công trình xây dựng một vận động trường quốc gia mới.

Khoá họp quốc hội kỳ này bắt đầu hôm 22.5, và sẽ kéo dài khoảng một tháng. Theo dự kiến, QH sẽ xem xét, thông qua các luật Di sản văn hóa, Hải quan, Giao thông đường bộ, Phòng cháy - chữa cháy..., và thảo luận về dự án luật Bảo hiểm xã hội, về một số điều khoản cần sửa đổi trong luật Lao động năm 1994. QH sẽ bàn về việc sửa đổi một số điều về tổ chức bộ máy nhà nước trong Hiến pháp 1992...

Về nhân sự, ngoài việc cử người thay thế chủ tịch Nông Đức Mạnh, câu hỏi chính là QH có tiến hành cải tổ chính phủ ngay từ bây giờ - sau những thay đổi vừa qua trong trung ương (xem ĐĐ số trước), hay sẽ đợi hết nhiệm kỳ vào giữa năm tới. Tin hành lang cho biết có thể các ông Vũ Khoan, bộ trưởng bộ Thương mại, Nguyễn Sinh Hùng, bộ trưởng bộ Tài chính sẽ lên hàng phó thủ tướng...

## Hiệp định thương mại Việt - Mỹ : thông qua hay lại trì hoãn ?

Quan hệ Việt - Mỹ mấy tháng qua... hơi bị căng thẳng. Trước hết là về vụ biến loạn và đàn áp ở Tây Nguyên mà đảng cộng sản cuối triều Lê Khả Phiêu một mực đổ tội cho những “phân tử xấu” do Mỹ giật dây. Tiếp đó, khi chuyện đấu đá ở đại hội IX đã ngã ngũ, là mối lo những lớp-bi chống cộng gắn gũi với đảng cộng hoà của tổng thống Bush tranh thủ được Nhà Trắng trì hoãn việc đưa ra quốc hội phê chuẩn hiệp định thương mại song phương (viết tắt : BTA) đã được hai nước ký kết vào tháng 7 năm ngoái (xem Diễn Đàn số 99), lấy lý do vi phạm nhân quyền, đàn áp tôn giáo...

Trong tháng 5, vấn đề phê chuẩn BTA lại nổi lên hàng đầu trong những sự kiện ngoại giao giữa hai nước.

Đầu tiên là chuyến đi thăm Việt Nam và dự hội nghị cấp thứ trưởng các nước tham gia Diễn đàn an ninh khu vực giữa

ASEAN và 13 nước khác của trợ lý bộ trưởng ngoại giao Mỹ đặc trách về Đông Á - Thái Bình Dương James Kelly, từ ngày 16 đến 18-5. Từ khi tổng thống Bush nhậm chức, ông J. Kelly là quan chức cấp cao nhất của chính quyền Mỹ thăm Việt Nam. Kết quả chính của chuyến đi, theo bài viết ngày 19.5 của báo Nhân Dân là việc ông Kelly khẳng định chính quyền Bush “*mong muốn tiếp tục thúc đẩy quan hệ với Việt Nam*” và “*ủng hộ hiệp định thương mại Mỹ - Việt Nam*”. Người đọc Nhân Dân sẽ không biết rằng thứ trưởng Mỹ đã nói lên với chính quyền VN mối quan tâm đối với những cuộc đàn áp tôn giáo (điển hình là vụ bất linh mục Nguyễn Văn Lý ngay trong lúc ông Kelly ở Hà Nội !), có thể làm chậm quá trình phê chuẩn hiệp định. Nhưng mấy ngày sau, báo cáo của chính phủ trước quốc hội đã nhấn mạnh lại lập trường quen thuộc, bác bỏ mọi ý kiến đòi gấn việc phê chuẩn với “các vấn đề khác”.

Thứ đến là việc đại sứ ‘Pete’ Peterson rũ áo từ quan.

Lời đồn đại loan truyền từ vài tuần trước vừa được xác nhận trong một thông báo của toà đại sứ Mỹ tại Hà Nội ngày 23.5. Thông báo nói rõ, ngày hôm trước ông đã nộp đơn từ chức tới tổng thống Bush, xin nghỉ từ ngày 15.7 tới. Chưa đầy sáu tháng sau khi đã nhận tiếp tục trách nhiệm với tân tổng thống, lý do nào đã thúc đẩy viên đại sứ đầu tiên của Mỹ tại Hà Nội thay đổi ý kiến ? Chắc không phải ham muốn về ở ẩn bên bờ Đại Tây Dương, bang Florida đầy nắng, gió, dù năm nay ông đã 65 tuổi. Và chăng, các nhà báo Mỹ nói nhiều tới khả năng ông sẽ ra ứng cử thống đốc Florida vào năm tới chống lại đương kim thống đốc Jeb Bush, anh của tổng thống.

Thực ra, tiếng đồn nói trên, xuất phát từ giới thân cận toà đại sứ Mỹ tại Hà Nội, liên quan nhiều hơn tới những lần ông Peterson tỏ ý bực dọc hoặc ít ra là không hài lòng vì chính quyền cộng hoà trì hoãn việc phê chuẩn BTA, dù trong cuộc tranh cử tổng thống, ông Bush và các cộng sự viên đã nhiều lần khẳng định là sẽ sớm đưa ra thông qua hiệp định này. Ngày 8.5, người đứng đầu cơ quan ngoại thương Mỹ (US Trade Representative), ông Robert Zoellick tuyên bố là mặc dù chính phủ “*vẫn rất muốn tiến tới việc phê chuẩn này*”, nhưng điều đó còn phụ thuộc vào lịch trình giải quyết các vấn đề ngoại thương khác. Cụ thể hơn, Nhà Trắng muốn được quốc hội Mỹ thông qua trước Quyền thương lượng mậu dịch (Trade Promotion Authority, viết tắt : TPA). Đây là một nghị quyết của quốc hội cho phép chính phủ toàn quyền thương lượng với nước ngoài các hiệp định thương mại, sau đó quốc hội chỉ có thể bỏ phiếu thông qua hay không thông qua chứ không được sửa đổi. TPA chót đã hết giá trị từ năm 1994. Vấn đề là việc thông qua TPA có thể kéo dài hàng năm trời hay hơn nữa, vì các nghị sĩ đòi hỏi phải ghi trong đó những giới hạn mà chính quyền không được vượt qua khi thương lượng với đối tác nước ngoài, như việc bảo đảm rằng nước đối tác tuân thủ các chuẩn mực về quyền lao động, về môi sinh, về nhân quyền... Do đó, sau tuyên bố của ông Zoellick, ông Thomas Siebert, chủ nhiệm Phòng thương mại Mỹ tại Việt Nam đã nhấn mạnh rằng việc đặt BTA Việt Nam vào bối cảnh chung của TPA “*tương đương với việc chính phủ Mỹ chối bỏ chữ ký của mình trong bản hiệp định*”. Thế nhưng, ngày 10.5, trong thư chính thức gửi quốc hội để thông báo về lịch làm việc năm 2001 trong lĩnh vực ngoại thương, sau khi nêu lên hàng đầu yêu cầu được

TPA, ông Bush cũng nêu thành những điểm riêng yêu cầu phê chuẩn các BTA đã được ký kết với 3 nước Jordan, Việt Nam và Lào.

Vậy là sẽ thông qua hay còn trì hoãn ?

Tuy Nhà Trắng chưa nói rõ ngày tháng sẽ đưa ra quốc hội thảo luận các điểm trên, các nguồn thạo tin cho rằng ông Peterson đã nhận được bảo đảm rằng BTA Việt Nam sẽ được đưa ra thông qua trong tháng 6 này, và do đó ông có thể coi như đã hoàn thành công vụ mà ông coi là quan trọng nhất đối với trách nhiệm đại sứ đầu tiên của Mỹ tại Việt Nam sau chiến tranh : “ bình thường hoá hoàn toàn mối quan hệ giữa hai nước ”.

Dẫu sao thì việc ông Peterson ra đi cũng sẽ để lại một lỗ trống không nhỏ trong quan hệ Mỹ-Việt mà ông là một trong những người tích cực xây dựng từ 4 năm nay. Nhất là, người ta được biết, đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn, ông Lê Văn Bằng cũng sẽ chấm dứt nhiệm kỳ vào tháng 6 này. Do đó, có thể trong một thời gian vài tháng, cả hai đại sứ quán sẽ vắng người thủ trưởng. (FT 9.5, AFP 11.5, Reuters 22, 23.5, DPA 23.5.2001)

### **Người Thượng vượt biên sang CPC bị trả về**

Trong một tuyên bố ngày 23.5, người phát ngôn bộ ngoại giao VN, bà Phan Thuý Thanh, một lần nữa đã tố cáo các tổ chức hoạt động nhân quyền là “ can thiệp vào nội bộ ” của Việt Nam. Tuyên bố này đáp lại lời kêu gọi của Uỷ ban Liên hiệp quốc về người tị nạn (HCR), kêu gọi chính phủ Cam Bốt đừng bắt buộc những người Thượng ở Tây Nguyên chạy sang đây sau vụ biến loạn tháng hai vừa qua phải trở về nước trong khi không có gì bảo đảm an toàn cho họ (xem thêm tin liên quan trong Diễn Đàn số 197).

Theo tin của tổ chức Mỹ Human Rights Watch ngày 19.5, có ít nhất 98 người thuộc các dân tộc Jarai, Pnong, Ede, chạy sang các tỉnh Mondolkiri, Ratanakiri, đã bị chính quyền địa phương cưỡng bức đưa trở về Việt Nam. Human Rights Watch đưa cụ thể những đợt đưa về từ cuối tháng 3 tới giữa tháng 5, với tên tuổi của một số người trong các đợt đó. Tin này được HCR xác nhận ngày 22.5, và người phát ngôn của HCR, ông Kris Janowski đã lên án việc “ cưỡng bách những người tị nạn phải trở về nước họ trước khi điều tra rõ ràng về những điều họ khai ra khi xin tị nạn ”.

Ngày 11.5, sau khi nhận được những tin tức theo đó Hà Nội đã treo giải cho các chính quyền địa phương Cam Bốt để họ bắt đưa người vượt biên trở về, HCR đã tổ chức dời 150 người trong trại tị nạn gần biên giới vào một trại an toàn hơn ở gần tỉnh lỵ Senmonoron. (Reuters 12 và 23.5.2001)

### **Truyền hình bằng tiếng dân tộc ít người**

Theo báo Tuổi Trẻ, đài truyền hình Việt Nam có kế hoạch sẽ bắt đầu từ cuối tháng 6 này những chương trình truyền hình bằng 5 thứ tiếng Ede, Jarai, Koho, Mnong và Sedang, mỗi tuần hai lần, mỗi lần 30 phút, hướng về các địa phương ở Tây Nguyên nơi các dân tộc này sinh sống. Theo tờ báo, từ năm 1995 tỉnh Đắc Lắc đã có một chương trình ngắn bằng tiếng Ede. Để phục vụ dự án này, các ăng-ten phát sóng mới sẽ được xây dựng tại Đắc Lắc và Kon Tum. Cùng ngày, tờ Lao Động

đưa tin tỉnh Gia Lai cũng có kế hoạch có những chương trình truyền hình bằng ba thứ tiếng, Bahnar, Jarai và Kinh. Từ nhiều năm nay, một đài Mỹ Far East Broadcasting International, trụ sở ở California đã có những chương trình phát sóng về Việt Nam bằng 20 thứ tiếng của các dân tộc người Thượng Tây Nguyên, với các ăng-ten đặt ở Philippines và quần đảo Saipan trên Thái Bình Dương. (AFP 1.5.2001)

### **Cơ sở mũ bảo hiểm xe gắn máy**

Sau hơn một năm vấn đề được đưa ra thảo luận, và nhiều bước thử nghiệm, việc “ ... bắt buộc đội mũ bảo hiểm (MBH) đối với mọi người khi đi mô tô, xe máy từ ngày 1.6.2001...” đã được chính phủ quyết định từ tháng 2 năm nay.

Đội MBH khi đi xe máy là một quy định bình thường đã áp dụng ở nhiều nước, và càng cần thiết ở Việt Nam, nơi tai nạn giao thông (TNGT) thực sự đã trở thành một quốc nạn. Năm 2000, cả nước xảy ra 23 184 vụ , làm chết 7 882 người, bị thương 25 678 người. Hơn 50% trong số đó là TNGT do mô tô, xe máy gây ra, làm hàng nghìn người chết và chấn thương sọ não. Thế nhưng, việc thực hiện nghị quyết chính phủ không là chuyện đơn giản !

Báo Lao Động điện tử đã mở hẳn một chuyên mục dành cho những bài viết, thư bạn đọc, phỏng vấn các nhà hữu trách về vấn đề này. Ngày 10.5, tờ báo đặt thẳng 2 bản khoản lớn trong nhân dân và dư luận xã hội : Việc đội mũ sẽ được tiến hành cụ thể như thế nào ? Chế tài xử phạt đối với những người vi phạm ra sao ?

Những câu hỏi cụ thể :

- Đi trong ngõ, trên đường làng, đi với tốc độ như... rùa bò của các con đường đô thị luôn luôn tắc nghẽn... thì có cần thiết phải đội mũ không ? Rồi còn đi đám cưới, đám ma ? Rồi gửi mũ ở đâu ? Đi xe ôm thì người lái xe có trách nhiệm phải lo mũ cho khách không ?

- Mũ như thế nào là bảo đảm chất lượng ? Hiện nay trên thị trường có quá nhiều loại mũ khác nhau về địa chỉ sản xuất, mẫu mã, chất lượng, giá cả..., người dân rất khó phân biệt, lựa chọn hàng đúng tiêu chuẩn, đúng giá để mua. Nếu đội mũ có dán tem Đăng kiểm, bị tai nạn, mũ vỡ mảnh đâm vào đầu thì "ông" Đăng kiểm có phải bồi thường cho người đội mũ không?... Tại cuộc họp báo ngày 16.5, khi trả lời câu hỏi về việc tổ chức kiểm định cũng như khả năng đáp ứng được nhu cầu kiểm định - dán tem của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mũ bảo hiểm xe máy, ông Nguyễn Văn Ban, cục trưởng cục Đăng kiểm VN, cho biết, hiện nay ở TP. Hồ Chí Minh mới có 500.000 mũ được dán tem, còn ở HN thì có 600.000 (cả nước có khoảng 7 triệu xe gắn máy).

- Gay go hơn nữa là vấn đề xử lý những trường hợp vi phạm. Chủ trương đội MBH đã có từ đầu năm 2001, thậm chí trước đó, từ 8.2000, nhưng một trong những nguyên nhân khiến chủ trương này chưa thực hiện được là do các cơ quan liên quan quá chậm trễ trong xây dựng chế tài xử phạt. Chế tài này cho đến nay vẫn chưa được công bố và rất nhiều khả năng trong tháng 6 tới, lực lượng CSGT vẫn chỉ có thể áp dụng biện pháp... nhắc nhở. Sự chậm trễ này chắc chắn sẽ gây nhiều khó khăn cho người dân trong việc thực thi pháp luật.

Trước dư luận nhiều thắc mắc không được giải đáp như vậy, ngày 15.5, phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã ký Văn bản số 407 CP-CN nói rõ “ *trước mắt chỉ nhắc nhở, chưa xử phạt những người không đội mũ bảo hiểm khi đi mô tô, xe máy trong nội thành, nội thị* ”. Chính phủ cũng đã đồng ý về việc tạm thời chưa bắt buộc người điều khiển xe máy đi trong nội thành phải đội mũ bảo hiểm.

Theo ông Đoàn Mạnh Giao, bộ trưởng, chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, “ *việc chưa bắt buộc người điều khiển xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm vào ngày 1.6 tại khu vực nội đô là vì một số điều kiện còn bất cập chứ không phải là thay đổi nghị quyết, nghị định của Chính phủ* ”. Ông cũng cho biết, chính phủ đã yêu cầu các bộ phải hoàn chỉnh sớm nhất dự thảo chế tài xử phạt, sau đó sẽ quyết định thời điểm thực hiện việc bắt buộc người điều khiển xe máy trong nội thành phải đội mũ bảo hiểm.

Giá một số loại mũ trên thị trường Hà Nội đầu tháng 5 là từ 70 000 đ đến 250 000 đ/chiếc. (tổng hợp tin các báo trong nước)

### **Cải tổ cơ cấu công nghiệp cà phê**

Tại hội nghị quốc tế về công nghiệp cà phê họp tại Luân Đôn, ông Đoàn Triệu Nhân, chủ tịch Hiệp hội Cà phê và Cacao Việt Nam đã tuyên bố Việt Nam sẽ nâng cao chất lượng cà phê của mình và đẩy mạnh tiêu thụ trong nước.

Cho đến nay công nghiệp cà phê Việt Nam phát triển nhanh nhưng tùy tiện, không theo một kế hoạch nào của nhà nước. Phần lớn là loại cà phê robusta chất lượng kém. Hiện nay Việt Nam đứng thứ nhì thế giới về tổng sản lượng cà phê và thứ nhất về loại robusta, và đang bị hầu hết các nước sản xuất cà phê chỉ trích vì đã tràn ngập thị trường với cà phê loại thấp gây thừa thãi kinh niên. Sản xuất của Việt Nam gần như tăng gấp đôi trong vòng 4 năm, từ 400 000 tấn năm 1995-96 lên trên 700 000 tấn năm 1999-2000.

Trong tình hình giá cả hiện nay, ông Nhân công nhận Việt Nam phải cải tổ kỹ nghệ cà phê của mình, góp phần đem lại thăng bằng cho cán cân cung cầu về cà phê trên thế giới. Kế hoạch cho mấy năm tới là giảm diện tích trồng cà phê từ 500 ngàn ha hiện nay xuống còn khoảng 300 – 400 ngàn ha, trong đó 100 000 ha trồng loại cà phê arabica có chất lượng cao hơn.

Ông Nhân cũng cho biết Việt Nam có kế hoạch nâng mức tiêu thụ trong nước, từ 0,2-0,3 kg bình quân mỗi đầu người/năm hiện nay lên khoảng 1 kg. (Reuters 18.5.2001)

### **Triển lãm 500 cổ vật cù lao Chàm thế kỷ XV**

Sáng 18.4.01, tại Bảo tàng lịch sử VN, TP. HCM, đã khai mạc triển lãm chuyên đề “ *Cổ vật cù lao Chàm thế kỷ XV* ”. Đây là lần đầu tiên những cổ vật tìm được trong chiếc tàu bị đắm từ thế kỷ XV (khai quật năm 1997-98, xem Diễn Đàn số 99), được đem ra trưng bày cho công chúng xem. Đó chủ yếu là những đồ gốm Chu Đậu, Tam Thái, gồm có gốm men xanh trắng và gốm nhiều màu sản xuất từ thế kỷ XV, phản ánh một thành tựu văn hoá mỹ thuật thời Lê sơ, và khẳng định hàng hoá VN thời đó đã đến với các nước qua đường biển. Được biết 24 294 cổ vật tìm được trong chiếc tàu bị đắm đã được chia cho 5 bảo tàng : Bảo tàng Hải Dương, Bảo tàng Mỹ thuật VN,

Bảo tàng Quảng Nam, Bảo tàng Lịch sử VN TP. HCM và Bảo tàng Lịch sử VN. (Tuổi Trẻ, 19.4.01)

### **Cơ sở văn hóa, giáo dục nước ngoài**

Ngày 4-5-2001, Chính phủ Nghị định " Quy định về lập và hoạt động của các cơ sở văn hóa, giáo dục nước ngoài (VHGDNN) tại Việt Nam ". Theo đó, Chính phủ khuyến khích mở cơ sở VHGDNN trong các lĩnh vực đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thông tin ; đào tạo công nhân kỹ thuật, kỹ thuật viên, cán bộ khoa học và cán bộ quản lý có trình độ cao trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ, khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên; hợp tác xây dựng các công trình văn hóa vật thể, nghiên cứu các công trình văn hóa phi vật thể. Chỉ Thủ tướng Chính phủ mới có thẩm quyền quyết định cấp hay không cấp giấy phép đối với cơ sở VHGDNN độc lập (do bên nước ngoài chịu chi phí toàn bộ trong việc xây dựng, tổ chức và điều hành hoạt động), cơ sở giáo dục ở bậc đại học và sau đại học, cơ sở văn hóa có quy mô lớn mang tính quốc gia, quốc tế...

### **ADB tài trợ Dự án Trường đại học Quốc tế RMIT**

Theo văn phòng thường trú Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tại Việt Nam, ban giám đốc ADB đã thông qua khoản tín dụng ưu đãi 7,5 triệu USD để xây dựng một trường đại học quốc tế lớn tại TP Hồ Chí Minh, Trường đại học Quốc tế RMIT Việt Nam. Khoản tín dụng này dành để xây dựng một khu giảng dạy gồm : văn phòng giáo viên, giảng đường, nhà nghỉ của giáo viên, sinh viên... ADB và Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) cung cấp 45,5% nguồn vốn của dự án có tổng vốn đầu tư 33 triệu USD, phần còn lại do Học viện Kỹ thuật Hoàng gia Melbourne (RMIT) của Australia đầu tư. Trường sẽ đào tạo sinh viên các ngành công nghệ thông tin, kỹ sư, quản trị kinh doanh... đạt trình độ quốc tế. Khi dự án đi vào hoạt động, trường có khả năng đào tạo 4.000 sinh viên các ngành công nghệ thông tin, kỹ sư và quản trị kinh doanh mỗi năm ; đào tạo tổng cộng 150.000 sinh viên trong thời gian dự án hoạt động. Theo ADB, đây là lần đầu tiên ngân hàng này đầu tư vào một dự án giáo dục tư nhân. (Báo Người lao động 3.5.2001)

### **Ba năm phòng, chống ma túy**

Ngày 3-5, tại hội nghị tổng kết chương trình hành động phòng, chống ma túy ba năm 1998 - 2000 và triển khai chương trình giai đoạn 2001 - 2005, bộ trưởng Công an Lê Minh Hương cho biết : ở nước ta hiện có hơn 10 vạn người nghiện ma túy có hồ sơ kiểm soát, mỗi năm số người này tiêu phí hơn 2.000 tỷ đồng để hút hít, chích, uống ma túy. Trong số 28.000 người nhiễm HIV và bệnh AIDS, 70% do tiêm chích ma túy bị lây nhiễm. Phần lớn đối tượng nghiện ma túy có tiền án, tiền sự, liên quan tội phạm hình sự. Hiện nay, 40 tỉnh, thành phố đã phát hiện, bắt giữ nhiều vụ buôn bán ma túy tổng hợp Methamphetamin. Hơn 51% tổng số vụ và 56,4% tổng số đối tượng bị phát hiện thời gian qua là ở địa bàn Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Thời điểm đầu năm 2001, số người nghiện ma túy giảm 4% so với cùng kỳ năm 2000. Trong đó, trẻ em có 4.799; học sinh, sinh viên 1.533 (giảm 43% so năm 1997). Ba năm qua,

có 76.822 lượt người nghiện được cai, tăng 64% so với ba năm trước, xuất hiện nhiều mô hình cai nghiện tốt. Đã xóa bỏ cơ bản diện tích trồng cây thuốc phiện. LHQ và Chính phủ các nước đều thừa nhận các kết quả PCMT của Việt Nam.

### **Bệnh sốt xuất huyết xuất hiện sớm và trầm trọng hơn năm ngoái**

Theo những cơ quan có trách nhiệm (Vụ Y tế dự phòng, Bộ Y tế), đến giữa tháng 5-2001, đã có gần 5.330 ca mắc sốt xuất huyết (tăng 31,5% so cùng kỳ năm 2000). Ở khu vực phía nam, số người mắc bệnh này tăng hơn 52% so cùng kỳ năm ngoái. Một số tỉnh, thành phố có số người mắc bệnh cao như TP Hồ Chí Minh (gần 760 ca), An Giang (hơn 800 ca), Tiền Giang (540 ca), Đồng Tháp (hơn 400 ca), Bình Thuận (360 ca)... Đặc biệt, số người bệnh tử vong lên tới 16 trường hợp (trong đó 13 ca thuộc các tỉnh phía nam).

Theo các nhà chuyên môn, năm nay bệnh sốt xuất huyết xuất hiện sớm và phức tạp, một mặt do biến đổi của khí hậu, thời tiết; mặt khác ý thức giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh của nhân dân ở các vùng này chưa cao. Virus gây bệnh sốt xuất huyết TYPD4 được truyền qua loại bọ gậy trong các chum, vại đựng nước mưa nhưng ít khi các chum vại này được làm vệ sinh. Thiếu kiến thức, xử lý các ca mắc sốt xuất huyết nặng không theo đúng phác đồ điều trị quy định cũng là nguyên nhân gây nên tình trạng tử vong trong một số cơ sở điều trị, kể cả bệnh viện Nhà nước và cơ sở y tế tư nhân. Số trẻ em mắc bệnh lên đến 70 %, nhưng cả nước thiếu bác sĩ nhi khoa.

### **Du học nước ngoài bằng ngân sách nhà nước**

Theo bộ giáo dục và đào tạo, từ nay đến năm 2005, mỗi năm ngân sách nhà nước sẽ chi từ 100 đến 300 tỷ đồng để gửi sinh viên đi du học ở nước ngoài. Năm nay, sẽ tiến hành tuyển 360 sinh viên, và các năm sắp tới chỉ tiêu tuyển sẽ tăng lên : năm 2002 tuyển 960 người, các năm 2003 - 2005 mỗi năm 1020 người, trong đó 600 sẽ đi đào tạo cấp tiến sĩ, 200 cấp thạc sĩ, 120 đại học và 60 thực tập sinh.

Ngoài việc trả học phí, thanh toán bảo hiểm y tế, Nhà nước cấp học bổng cho lưu học sinh ở Anh, Mỹ là 780 USD/tháng, ở Châu Âu là 630 USD/tháng, Australia và New Zealand là 500 USD/tháng. (SGGP 25.4 và Lao động 5.5.2001)

## **Tin ngắn**

\* Theo khảo sát mới nhất của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, hiện cả nước có 68 khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao (gọi chung là khu công nghiệp tập trung - KCN) tại 27 tỉnh, thành phố. Các KCN đã thu hút hơn 200.000 lao động trực tiếp và hàng chục nghìn lao động phụ trợ. Tập trung lao động nhiều nhất là các KCN Đồng Nai (103.646 lao động), TP Hồ Chí Minh (71.043 lao động), Bình Dương (35.958 lao động) và Cần Thơ (9.480 lao động).

\* Liên hoan phim quốc tế Singapore (diễn ra từ ngày 11 đến 28-4) đã trao giải Nữ diễn viên xuất sắc nhất cho Nguyễn Lan Hương (Nhà hát Kịch trung ương) với vai Thủy trong bộ phim Mùa ổi (đạo diễn Nghệ sĩ Nhân dân Đặng Nhật Minh, Hãng phim Thanh Niên sản xuất).

\* Sử thi Hy Lạp Odyssee vừa được xuất bản trong bản dịch mới của dịch giả Hoàng Hữu Đản. Đây là bản toàn văn (trước kia Odyssee đã từng được dịch trích đoạn và tóm tắt), có chú thích, phân tích và giới thiệu tỉ mỉ, thể hiện một phong cách sử thi vừa trữ tình và dạt dào cảm xúc, vừa hùng tráng tuyệt vời. Sách in đẹp với giá 115.000 đồng/cuốn.

\* Ngày 12-5, công trình thủy lợi Ea Súp Thượng, công trình thủy lợi lớn thứ hai ở Tây Nguyên (sau công trình Ayun Hạ, tỉnh Gia Lai) đã được khởi công xây dựng. Công trình có tổng vốn đầu tư 355 tỷ đồng, gồm hồ chứa gần 147 triệu m<sup>3</sup> và kênh chính tây dài 32 km, cung cấp nước tưới cho 8.200 ha ruộng lúa ở Ea Súp, dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2005.

\* Theo bộ Y tế, trong giai đoạn 1999-2000 các chỉ số sức khỏe cộng đồng đã được nâng lên : tuổi thọ trung bình tăng từ 65 lên 68 tuổi, tỷ lệ trẻ mới sinh có trọng lượng dưới 2,5 kg giảm 1,5 %, tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi giảm 13,4 %, chiều cao trung bình của thanh niên đã tăng lên 2cm, đạt 1,58 m. Trong giai đoạn 2001-2010 sẽ phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 20 % (hiện đang là 33,1 %).

\* Tại cuộc thi ảnh nghệ thuật quốc tế lần thứ 7 tại Pháp dưới sự bảo trợ của FIAP (Liên đoàn Nghệ thuật nhiếp ảnh quốc tế), tác phẩm Chị em của Nguyễn Thanh Liêm (Lâm Đồng) đã được trao Huy chương vàng FIAP thể loại ảnh màu. Tác phẩm Xuống núi của Nguyễn Ninh (TP Hồ Chí Minh) đoạt giải của Hội ảnh Pháp. 207 tác phẩm (105 ảnh màu và 102 ảnh đen trắng) tuyển từ 1.268 ảnh của 369 tác giả thuộc 20 quốc gia dự thi đã được chọn triển lãm.

\* Giám đốc Công ty Tin học DigiNet Technologies tại TP Hồ Chí Minh, anh Trần Đào Anh, 35 tuổi, vừa được tạp chí Asiaweek (Hong Kông), bình chọn là một trong 25 triệu phú trẻ trong lĩnh vực công nghệ cao và Internet của châu Á. DigiNet Technologies được thành lập cách đây 5 năm, có trị giá vốn hiện nay lên đến 1,6 triệu USD.

\* Như dự kiến (xem Diễn Đàn số 104), nhân sự của Ủy ban nhân dân TP HCM đã thay đổi sau đại hội IX. Từ ngày 18.5, ông Lê Thanh Hải, vừa được bầu vào trung ương, đã thay thế ông Võ Viết Thanh trong chức vụ làm chủ tịch UBND. Các phó chủ tịch khác được bầu bổ sung là Huỳnh Thị Nhân, Nguyễn Thành Tài, Mai Quốc Bình.

\* Một mỏ dầu trữ lượng khoảng 250 triệu thùng và trữ lượng tối đa có thể lên tới 400 triệu thùng vừa được phát hiện trong khu vực mỏ Sư tử đen, cách bờ biển phía tây nam Phan Thiết khoảng 60 - 70km. Tuy nhiên, trữ lượng chính xác còn cần được thẩm lượng kỹ lưỡng sau khi khoan thêm hai giếng thẩm lượng trong năm nay.

\* Chương trình hợp tác nghiên cứu để sản xuất trầm hương bằng công nghệ sinh học giữa Đại học khoa học tự nhiên TPHCM và Đại học Tokyo (Nhật) đã đạt kết quả bước đầu : nghiên cứu thử nghiệm trồng thành công được 3.000 cây dó bầu tại Đà Lạt, trong đó 700 cây có trên 5 năm tuổi. Dự kiến khi cây dó bầu trưởng thành, đạt khoảng 7 năm tuổi, các nhà khoa học sẽ cấy vào thân cây một loại men được nhân nuôi trước đó. Sau 6-12 tháng, men này sẽ khoét lỗ trong thân, tích tụ chất santalon trong nhựa, tạo dần thành trầm...

## Nhiều phát hiện khảo cổ mới

*Trong mấy tháng qua, báo chí trong nước đăng nhiều tin về những phát hiện di tích hoặc cổ vật, phần lớn là trong khi đào móng xây dựng nhà cửa, đường sá... : một ngôi mộ thế kỷ XV ở Quảng Trị, 4 chiếc rìu đá có niên đại 3000 năm ở Đà Nẵng v.v.*

### Dấu tích kiến trúc thời nhà Lý ở Dương Lôi ?

Khi thi công làn đường thứ hai Quốc lộ 1B (Hà Nội - Lạng Sơn), tại địa phận Dương Lôi (Từ Sơn, Bắc Ninh), máy ủi đã làm xuất lộ một phần nền móng của một công trình kiến trúc xây bằng gạch. Dấu tích kiến trúc này có mặt bằng hình chữ nhật, nằm theo hướng đông-tây, dài gần 5 m, rộng 1,45 m. Gạch được xây rất thẳng hàng và chông khít vào nhau. Kích thước gạch : dài 34-36 cm, rộng 16-18 cm, dày 4 cm. Dưới lòng nền công trình cũng lát loại gạch này. Hiện nay, do di tích mới xuất lộ một phần nhỏ, nên ngoài nền móng kiến trúc, ở đây chưa tìm thấy di vật cổ nào. Dựa vào chất liệu, hình dáng của gạch và kỹ thuật xây dựng, đặc biệt so sánh với gạch thời Lý (thế kỷ 11) đào được ở di tích tháp Tường Long (Đồ Sơn, Hải Phòng), một vài nhà sử học và khảo cổ học cho rằng đây là di tích kiến trúc thời Lý. Người ta đặt câu hỏi không biết đây có phải là khu mộ Tổ của nhà Lý, như sử cũ đã ghi trong truyện Thiền sư Vạn Hạnh, trong *Thiền uyển tập anh* (thời Trần) ? Từ lâu, trong tâm thức của dân địa phương còn lưu truyền về khu “ sơn lăng cấm địa ”, khu lăng mộ của dòng tộc và của các vua nhà Lý. Đó là một khu rừng nằm ở phía đông nam làng Dương Lôi, có diện tích rộng 24 mẫu. Phía nam là chùa Minh Châu, phía bắc là khu đền thờ bà Phạm Thị (còn gọi là Lý triều Thánh mẫu). Đền thờ bà Phạm Thị nay vẫn còn, nằm ở phía đông làng Dương Lôi, trong khuôn viên của khu sơn lăng xưa. Đình làng Dương Lôi hiện nay cũng là nơi phụng sự và tổ chức lễ hội tưởng niệm hàng năm đối với 8 vị vua nhà Lý. Ngoài ra, tại chùa Cha Lư, có tấm bia đá *Thiên hương trụ thạch*, niên đại thời Hậu Lê, ghi rõ : “ *Dương Lôi là đất tối thiêng của nhà Lý* ”. Minh văn khắc trên chuông đồng cổ treo ở ngôi chùa này còn cho biết thêm rằng : “ *Dương Lôi là ấp thang mộc của nhà Lý* ”. Như vậy, cho dù chưa thể đưa ra lời kết luận cuối cùng, nhưng rõ ràng việc phát hiện ra di tích kiến trúc nêu trên có một ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu về lịch sử, văn hoá, xã hội, thời Lý.

Di tích kiến trúc vừa phát hiện, nằm ngay dưới lòng Quốc lộ 1B, có nguy cơ bị phá huỷ một ngày gần đây, nếu Sở Văn hoá- Thông tin tỉnh Bắc Ninh không có biện pháp bảo vệ kịp thời. (Thanh Niên, 8.5.2001)

### Giếng cổ chùa Phật Tích

Ngày 19.4.2001, sau một tháng tiến hành tôn tạo lại "ao sen" trước giếng Rồng chùa Phật Tích (huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh), khi đào tới gần nền ao, sâu so với mặt đường khoảng 3,6m, so với mặt ao khoảng 2,2m, người ta đã phát hiện được một giếng cổ, trong giếng còn một số hiện vật có giá trị.

Theo một tấm bia còn lại một nửa đặt tại sân, chùa còn có tên là "Vạn Phúc đại thiên tự bi", được xây dựng vào đời vua Lý Thánh Tông (năm Long Thụy Thái Bình thứ 4-1057). Tới năm 1686 (thời Hậu Lê), chùa được xây dựng lại với quy

mô lớn hơn : Tổng thể kiến trúc trải dài trên 3 lớp nền (60x40m), mỗi cấp chèn nhau khoảng 4-5m, có bậc đá lên xuống... tổng cộng tất cả là 100 gian nhà bằng gỗ lim, có 100 pho tượng bằng gỗ, đá. Năm 1947, toàn bộ khu chùa cùng các tượng gỗ đã bị đốt cháy, chỉ còn lại một số di vật...

Giếng cổ có đường kính 0,80m, sâu 1,5m. Từ trên xuống đến đáy đều được kê bằng đá. Trong lòng giếng tìm thấy một số viên gạch cổ hầu hết không còn nguyên vẹn, trong đó có viên còn ghi cả niên đại. Viên thứ nhất chỉ còn lại mấy chữ "... đệ tam đế Long... Bình tứ niên tạo ". Nếu đầy đủ phải là "Lý Gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo". Viên thứ hai ghi "... gia đệ tam đế chương... Gia Khánh thất niên tạo ". Nếu đầy đủ phải là : " Lý gia đệ tam đế Chương Thánh Gia Khánh thất niên tạo ". Cả 2 viên gạch này đều thuộc thời Vua Lý Thánh Tông, nhưng viên thứ nhất có niên đại 1057 còn viên thứ hai là 1065.

Trong lòng giếng còn tìm thấy một vò sành đã bị vỡ thành nhiều mảnh, chắp ghép lại đo được bình cao 35,5 cm, đường kính miệng 14,5 cm, đường kính đáy 16 cm. Trên vò sành không có hoa văn nhưng có những đôi tai. Một hiện vật khác, bằng đất nung rất đẹp còn khá nguyên vẹn, là tượng mào của chim phượng trang trí hình cúc dây. Mào của chim phượng có kích thước khá lớn : chiều dài 36 cm, chiều ngang 30,5 cm, chiều dày ở gần đầu từ 4,5 cm đến 7 cm, còn ở phần đối diện chỉ có 3 cm. Từ đó có thể suy ra là tượng con chim phượng này có kích thước rất lớn và ít khi gặp trong các di tích thời Lý. (theo TS Nguyễn Lân Cường và TS Đỗ Thị Hảo, báo Lao Động 5.5.2001)

### Huế : tháp Chăm trong lòng cát

Sáng 18-4-01, tại thôn Mỹ Khánh, xã Phú Diên, huyện Phú Vang, đã phát hiện một công trình kiến trúc bằng gạch nằm sâu trong lòng cát, cách bờ biển khoảng 150 m.

Kết quả khảo sát của sở Văn hoá-Thông tin và Bảo tàng tổng hợp tỉnh cho thấy đây là một tháp Chăm bị vùi ở độ sâu 9,6 m so với mặt đất. Từ phân lộ ra của công trình xuống tới chân tháp sâu khoảng 8 m. Tháp có hình khối chữ nhật, kích thước vòng ngoài 5,8 x 5,25 m, vòng trong 3,75 x 3,43 m, tường dày 1 m, xây bằng loại gạch 30 x 20 x 6 cm, không có vữa kết dính. Một số viên gạch được khắc đẽo hình lưỡi búa, mũi bườ, v.v. Trong lòng tháp, có một Yoni (sinh thực khí âm) kích thước 60 x 60 x 10 cm. Niên đại của tháp có thể vào khoảng thế kỷ VII-IX. Đây là ngôi tháp còn nguyên vẹn nhất trong số các tháp Chăm đã được phát hiện ở khu vực Bình Trị Thiên. Các tháp Chăm khác ở Thừa Thiên-Huế (Liễu Cốc, Linh Thái, Vân Thạch Hoà, Quảng Thành) khi phát hiện đều đã ở trong tình trạng phế tích. Người ta cho rằng có thể vì một chấn động địa chất nào đó khiến ngôi tháp này đã bị chôn vùi trong lòng đất, trong khi các tháp Chăm từ Bình Thuận đến Quảng Bình đều ở trên đôi cao. Ở cách ngôi tháp nói trên chừng 60 m về hướng đông-nam, người ta cũng vừa phát hiện một bờ đất hình thang được đắp bằng đất sét, phân lộ ra chừng 15 m rất giống như một con đê. Bên ngoài bờ đất có một hàng cọc gỗ đường kính 10 cm được đóng sâu vào lòng đất dọc theo chân đập. Có thể đây là một loại đê chắn sóng chạy dọc theo bờ biển do các cư dân người Chăm thời bấy giờ đắp để chống xâm thực của sóng biển và bảo vệ tháp. (TTCN, 13-5-2001)



# LỜI THỨ NHẬN CỦA TƯỚNG AUSSARESSES VÀ THƯỢNG NGHỊ SĨ KERREY

Lời thứ nhận của tướng Pháp Paul Aussaresses về chính sách tra tấn và thủ tiêu người kháng chiến Algérie, cũng như lời thứ nhận của ông Bob Kerrey, cựu thống đốc, cựu thượng nghị sĩ Hoa Kỳ, về cuộc tàn sát dân thường ở Thanh Phong năm 1969 không gây chấn động trên màn ảnh truyền hình Pháp (từ một tháng nay, chỉ xoay quanh một sự kiện : cuộc làm tình trong bể bơi của cô Loana và cậu Jean-Edouard, trong chương trình *Loft Story* “ người thật việc thật ” của đài M6). Đó là những chuyện quá khứ xảy ra cách đây gần nửa thế kỉ, hay ít nhất 30 năm. Nhưng cả hai sự việc sẽ còn ám ảnh dư luận, cật vấn chính quyền Pháp và Mĩ. Bởi vì chúng buộc nhà cầm quyền phải lên tiếng, và qua đó xác định lập trường về quá khứ. Mà quá khứ tuy đang lùi vào dĩ vãng, vẫn còn ám ảnh trí nhớ tập thể của hàng triệu người đang sống, nên rốt cuộc nó vẫn là câu chuyện thời sự nóng bỏng hơn là bể nước tắm *Loft Story*.

## Algier : “ công tác đặc biệt ”

Ai cũng biết, sáu tháng sau Điện Biên Phủ, nước Pháp đã tiến hành chiến tranh ở Algérie. Tám năm dài, không có Điện Biên Phủ, nhưng cuối cùng Pháp phải rút quân, thừa nhận độc lập chủ quyền của Algérie. Điều đó, ai cũng biết cả. Điều ít ai biết, là suốt trong hai mươi năm sau đó, trong các văn kiện chính thức (pháp quy, hành chính), người ta chỉ nói tới “ *những biến cố ở Algérie* ” : chiến tranh Algérie không hề xảy ra trên những trang “ chính sử ”. Và một đạo luật ân xá (quốc hội Pháp thông qua năm 1966) đã miễn tố mọi tội ác do chính quyền và quân đội Pháp gây ra ở Đông Dương cũng như ở Algérie. Không có chiến tranh, không có tội ác chiến tranh, càng không thể có “ tội ác chống nhân loại ” : chính quyền Pháp, từ hữu sang tả, đã chọn giải pháp cháo lú, xoa trắng quá khứ.

Pháp không phải là nước duy nhất đã chọn giải pháp này : Tây Ban Nha hay Chile cũng đã muốn khép chặt quá khứ. Song một thẩm phán vô danh ở Tây Ban Nha đã gởi trát sang London, truy nã quốc khách bạn quý của bà Thatcher, và ngày nay, tướng Pinochet bị truy tố ngay tại Chile. Đó là ví dụ điển hình nhất chứng tỏ khái niệm quyền con người, khái niệm tội ác chống nhân loại, đã bắt rễ trong đầu óc công luận và bắt đầu trở thành một sức mạnh.

Lời thứ nhận của tướng Paul Aussaresses nổ ra trong bối cảnh đó : ai cũng biết quân đội Pháp đã tra tấn và thủ tiêu hàng loạt những người kháng chiến Algérie, ai cũng chắc rằng chính quyền Guy Mollet (đảng xã hội SFIO) rồi chính quyền De Gaulle đã bao che, nếu không nói là chỉ đạo những tội ác ấy, nhưng cho đến nay, chỉ có lời tố cáo của các nạn nhân và những nhà báo, những trí thức – nạn nhân không chỉ có người Algérie, mà còn có những người Pháp như nhà toán học Maurice Audin, “ biệt tích ” từ hơn 40 năm nay – nhưng đây là lần đầu tiên, những người chủ chốt trực tiếp (Massu, tư lệnh

quân khu Alger, Aussaresses, phụ trách “ công tác đặc biệt ” ở phòng nhì) thứ nhận đã tổ chức (và trong một số trường hợp, họ đã đích thân) tra tấn và thủ tiêu. Nghiêm trọng hơn, họ khẳng định : họ đã làm theo lệnh, hay ít nhất, với sự đồng ý của chính quyền trung ương. Tất nhiên, người ta có thể hoài nghi tướng Aussaresses khi ông này khẳng định bộ trưởng tư pháp F. Mitterrand lúc đó (năm 1956-57) có “ đặc phái viên ” thường trú ở phòng nhì. Đây hẳn là một vụ “ ân oán giang hồ ” giữa phe hữu và phe tả, giữa tướng lãnh quân đội và đảng xã hội. Song không ai nghi ngờ gì về trách nhiệm nặng nề của đảng xã hội SFIO và những chính quyền phái tả Pháp thời gian 1945-58 trong 2 cuộc chiến tranh Đông Dương và Algérie (1).

Vụ án Aussaresses, nếu nó được tiến hành, sẽ là vụ án về trách nhiệm của chính quyền, của Nhà nước Pháp. Ở Algérie và ở Việt Nam. Chỉ cần nêu hai chi tiết : trả lời phỏng vấn của báo *Le Monde* (10.6.2000) tướng Massu cho biết năm 1955 tới Alger, ông ta trông thấy tướng Bigeard đang dùng máy phát điện “ gégène ” (2) để tra tấn, Massu hỏi tại sao, Bigeard trả lời : “ *Ta đã dùng ở bên Đông Dương, tại sao về đây mà lại không dùng ?* ”. Chi tiết thứ nhì : vẫn theo báo *Le Monde* (5.5.2001), sau những “ chiến công ” ở Alger, tướng Aussaresses “ *đầu thập kỉ 60, trong ba năm trời, đã truyền lại kinh nghiệm cho quân đội Mĩ tham chiến ở Việt Nam* ”.

## Thanh Phong : vùng “ bắn giết tự do ”

Không biết trong thập niên 60, trung úy Bob Kerrey có trực tiếp thụ giáo Paul Aussaresses hay chăng. Chỉ biết viên sĩ quan này đã được thưởng quân công bằng nhiều huân chương (trong đó có huân chương cao nhất *Medal of Honor*) và sau khi giải ngũ, ông đã thành công trên chính trường : thống đốc bang Nebraska, rồi hai nhiệm kì thượng nghị sĩ (đảng Dân chủ). Nay ông làm chủ tịch trường đại học New School ở New York, tuyên bố ngưng hoạt động chính trị, nhưng vẫn có lời đồn ông toan tính ra ứng cử tổng thống năm 2004 tới đây.

Ở tuổi đời 57, tương lai còn đầy hứa hẹn. Nếu như không có quá khứ vẫn đè nặng lên con người ấy. Cuối tháng 4 vừa qua, nghị sĩ Kerrey thứ nhận : ngày 25-9-1969 ở làng Thanh Phong (quận Thanh Phú, tỉnh Kiến Hoà, đồng bằng sông Cửu Long), đội biệt động hải quân (SEAL) do ông chỉ huy đã tiêu diệt một đơn vị “ Việt Cộng ”, nhưng sau đó, họ phát hiện ra rằng những người chết (21 người) toàn là dân thường, không có ai có súng đạn gì cả. “ *Tôi cảm thấy hổ thẹn đến mức muốn chết đi cho rồi. Tôi chán ngấy được người ta gọi là anh hùng mà phải sống với nỗi niềm ấy trong lòng* ” (UPI, 24.5.01). Theo các hãng thông tấn Mĩ, Thanh Phong lúc đó được xếp là “ làng Việt cộng ”, nghĩa là thuộc “ free kill zone ” vùng tự do bắn giết. Thời điểm tháng 2.69 là đỉnh cao của kế hoạch Phụng Hoàng tìm bắt và giết tất cả những ai bị coi là VCI (cơ sở của VC) : sau này, W. Colby, giám đốc CIA, sẽ thừa nhận trước

(1) Theo J. Attali, ông Mitterrand có lần tâm sự “ *không kịp thời rút khỏi chính phủ Mollet* ” là “ *sai lầm chính trị duy nhất* ” mà ông phải tiếc nuối.

(2) Theo Jean-Luc Einaudi (*Viet-Nam ! La guerre d'Indochine 1945-1954*, Le Cherche Midi éd., Paris, 2001), chữ “ gégène ” (tiếng lóng chỉ máy phát điện được dùng làm công cụ tra tấn) đã ra đời trong chiến tranh Đông Dương, và quân đội Pháp đã tra tấn và thủ tiêu tù binh Việt Minh ngay từ năm 1945.

Quốc hội là Mĩ đã giết 70 000 người trong khuôn khổ kế hoạch này. Nhóm biệt động của trung úy Kerrey tới làng Thạnh Phong chính là để tiến hành “ công tác ” Phương Hoàng.

Vài ngày sau, những thông tin thu thập được khiến cho người ta đặt nghi vấn về mức độ thành khẩn của ông Kerrey. Người ta được biết : ông Kerrey ra tuyên bố khi hay tin ngày chủ nhật 29.4, báo *New York Times* sẽ đăng phỏng vấn Gerhard Klann. Klann ở trong đội SEAL của Kerrey năm 69 cho biết : đội SEAL có nhiệm vụ đi tìm giết một cán bộ Việt Cộng và khi gặp những thường dân thì Kerrey ra lệnh giết hết để không ai có thể chạy đi báo động. Hồ sơ của Lầu Năm Góc cho thấy trong bản báo cáo “ đếm xác VC ”, trung úy Kerrey không hề nói tới dân thường. Nghiêm trọng hơn, chứng từ của Klann lại ăn khớp với lời chứng của hai nạn nhân còn sống sót mà phóng viên Mĩ đã tìm lại ở Thạnh Phong : bà Bùi Thị Lượm, 44 tuổi, và bà Phạm Thị Lành 62 tuổi.

Tuy nhiên, các phóng viên điều tra cũng cho biết trong năm qua, trước khi tuyên bố công khai, ông Kerrey đã nhiều lần trao đổi (qua *email*) với bạn bè và đồng đội cũ về vụ tàn sát này và đã tỏ ra ăn năn.



Tướng Aussaresses thì ngược lại. Sau lời thú nhận (trả lời phỏng vấn của *Le Monde* và trong cuốn sách *Services Secrets* do nhà xuất bản Perrin vừa phát hành tháng 5.01), Paul Aussaresses vẫn một mực khẳng định ông chỉ “ làm nhiệm vụ do chính phủ giao cho ”, và nhấn mạnh tra tấn là “ cần thiết ” và “ có hiệu quả ” [đến mức một người con gái của ông không còn muốn mang tên bố]. Tướng Massu, cấp trên, thì tuyên bố nếu chính phủ Pháp ra tuyên bố “ sám hối ” về quá khứ ở Algérie thì ông sẽ “ tán thành ”.

Kerrey và Aussaresses trước khi mặc quân phục, không phải là những tên sát nhân khát máu. Paul Aussaresses thời thanh niên đã tham gia kháng chiến và lập nên nhiều chiến công anh dũng. Trong cuộc chiến tranh Đông Dương, ông ta nói không hề tra tấn vì ông ở dưới quyền tướng Paris de la Bollardièrre là người kiên quyết chống lại tội ác phi nhân này (năm 1957, cũng vì chống lại tra tấn mà de la Bollardièrre bị cách chức và kỉ luật).

Từ tiền lệ của Tòa án Nuremberg năm 1945, không ai có thể viện dẫn “ vâng lệnh cấp trên ” để lẩn trốn trách nhiệm cá nhân của mình trong các tội ác chiến tranh và tội chống nhân loại. Song điều ấy càng gia tăng trách nhiệm của những chính quyền đã tiến hành chiến tranh thuộc địa và xâm lược. Ở đây là trách nhiệm nặng nề của các chính quyền Pháp và Mĩ.

Phán xét những hành động xảy ra cách đây nửa thế kỉ là một điều không đơn giản, vì người phán xét khó hình dung ra bối cảnh lịch sử của những hành động ấy. Nhưng trong trường hợp cuộc chiến tranh Algérie, không có gì xoá sạch được tội ác của chính phủ (phái tả Pháp) : họ đã lú lẩn đến mức quên cả bài học Điện Biên Phủ. Hay, cũng như những tướng tá đã bại trận ở lòng chảo, họ chắc chắn có đủ kinh nghiệm để chiến thắng ở Bắc Phi ? Sự kiêu ngạo về sức mạnh cũng là một trong những nhân tố đã đưa đẩy các chính quyền Truman (Dân chủ), Eisenhower (Cộng hoà), Kennedy, Johnson (DC) rồi Nixon (CH) lao đầu vào cuộc chiến tranh tội ác ở Việt Nam. Quá khứ còn đè nặng lên giấc ngủ của ông Kerrey và cả triệu người Mĩ đã tham chiến.

Phong Quang

## Những tiếng thở dài

(tiếp theo trang 1)

Nội đã nhiều lần tỏ vẻ bức dọc đối với Mỹ, bị coi là thủ phạm sách động vụ biến loạn này (thông qua tàn dư của FULRO và một số nhà truyền giáo Tin Lành Mĩ). Nhưng nay cả hai chuyện đã qua, một bộ máy lãnh đạo mới đã lên thay thế ê-kíp cũ, đồng thời khả năng thông qua hiệp định thương mại cũng đã rõ hơn sau tuyên bố của ông Bush ngày 10.5, tại sao lại chọn thời điểm bất này đúng vào ngày mà trợ lý ngoại trưởng Mỹ James Kelly vừa tới Hà Nội để tham dự ARF và thảo luận với Việt Nam về việc thông qua hiệp định ? Những câu hỏi đang được nhiều người đặt ra, và chờ đợi câu trả lời để biết rõ hơn về thái độ của tân tổng bí thư, và khả năng dẫn dắt cuộc đổi mới chính trị, nếu có, của ông. (*AFP, Reuters* 18.5, *South China Morning Post* 19.5.2001).

Vượt qua những câu chuyện tương quan lực lượng nội bộ và thực tiễn ngoại giao, tình hình vừa qua cho thấy rõ sự lúng túng của ĐCS trước vấn đề tín ngưỡng và sự lỗi thời trong chính sách tôn giáo cổ truyền của ĐCS.

Sự thật, chính quyền thừa biết rằng các nhà hoạt động Công giáo và Phật giáo kể trên chỉ đại diện một thiểu số trong giáo hội và tín đồ ; khía cạnh tôn giáo ở Tây Nguyên chỉ là thứ yếu so với chiều kích kinh tế, dân tộc và xã hội ; khả năng sách động và tổ chức nông dân theo đạo Hoà Hảo thành một phong trào chính trị là không có, hay không đáng kể, nếu chính quyền dám thực hiện “ dân chủ ở cấp cơ sở ” và biết triển khai một chính sách tôn giáo nghiêm chỉnh.

Cả vấn đề là ở chỗ đó. Chính sách tôn giáo của ĐCS là kết quả, có thể nói : nạn nhân, của hai yếu tố khách quan và chủ quan. Yếu tố khách quan là lịch sử mấy chục năm đấu tranh vũ trang giành độc lập và thống nhất đã tạo ra những nghi ngại (không phải không có cơ sở) và những ngộ nhận (không căn cứ) về các tôn giáo và giáo phái, về quan hệ của các giáo hội với ngoại bang. Yếu tố chủ quan là quan niệm của ĐCS về tôn giáo. Cán bộ đảng viên, kể từ Ban tôn giáo, ai cũng thuộc lòng câu nói nổi tiếng của K. Marx, “ tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân ”. Ít ai biết rằng đó chỉ là câu cuối trong một đoạn văn quan trọng : “ Sự thống khổ tôn giáo một phần là biểu hiện sự thống khổ hiện thực, và phần nữa, là sự phản đối thống khổ hiện thực. Tôn giáo là tiếng thở dài của sinh vật bị đàn áp, là tâm hồn của một thế giới không có con tim, là tinh thần của những điều kiện xã hội trong đó tinh thần đã bị loại bỏ. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân ” (K. Marx, *Phê phán triết lí của Hegel*).

Có chủ quan lắm không, nếu nói rằng : quan niệm của Marx (xin đừng lẫn lộn với quan niệm của Lenin, Stalin hay Mao) về tôn giáo, cụ thể là đoạn văn vừa trích, sẽ giúp cho mọi người (bắt đầu là ĐCS) hiểu rõ thêm tình hình tín ngưỡng trong xã hội Việt Nam hiện nay.

Chính quyền Việt Nam không nặng tai đến mức không nghe thấy những *tiếng thở dài* nhiều khi phát ra ngay từ lòng ngực của đảng viên.

Diễn Đàn

đọc “*Thế kỉ ngắn XX*” của E. J. Hobsbawm

## Thời đại của những thái cực

Nguyễn Quang

(tiếp theo các số trước)

Trước khi bước vào giai đoạn kết thúc của Thế kỉ ngắn XX, bạn đọc chắc đã nhận thấy : trong ba phần trước, chỉ thấy Lịch sử của một phần nhân loại, một thứ lịch sử “*đĩ Âu vi trung*”, bỏ ra ngoài lẽ 3/4 loài người sống ở các nước thuộc 3 châu lục (Á, Phi, Nam Mĩ) mà người ta thường gọi một cách chung chung là “*thế giới thứ ba*”. Nguyên thủy, cụm từ này có một nội dung chính trị cụ thể (và hẹp), tương ứng với một giai đoạn lịch sử chính xác (phong trào của các nước “*không liên kết*” của thập kỉ 50), nhưng trong tâm tưởng của đông đảo công chúng, “*thế giới thứ ba*” đã đồng nhất với hai đặc điểm của lịch sử các nước này từ đầu thế kỉ XX : cuộc đấu tranh giành độc lập và giải quyết tình trạng chậm tiến.

### “*Thế giới thứ ba*” : một lịch sử

Dành cho Thế giới thứ ba một phần nhỏ nhoi như vậy trong cuốn sách, tất nhiên, là sự chọn lựa cố ý của E. J. Hobsbawm. Đọc giả của Diễn Đàn có thể thắc mắc là cuộc chiến tranh Việt Nam (kéo dài 30 năm, 2 triệu người chết) chỉ được tác giả viết vắn vắn 10 dòng, toàn văn như sau : “*Người Pháp, được sự ủng hộ của người Anh, rồi người Mĩ, đã tiến hành một cuộc chiến tranh tuyệt vọng nhằm tái chinh phục và duy trì một nước (Việt Nam) chống lại cuộc cách mạng trên đà thắng lợi. Bại trận, năm 1954 họ phải rút đi, nhưng Hoa Kỳ đã ngăn cản sự thống nhất quốc gia để duy trì một chế độ chũm hủ ở miền Nam. Khi chế độ này sắp sụp đổ tới nơi thì Hoa Kỳ lao mình vào một cuộc chiến tranh kéo dài 10 năm ở Việt Nam. Cuối cùng bị thua, năm 1975 họ phải rút đi sau khi đã ném thả trên đất nước đầu thương này một khối lượng chất nổ lớn hơn cả số bom đạn trên toàn thế giới trong cuộc đại chiến lần thứ nhì*” (tr. 287).

Nhưng sự chọn lựa của tác giả – thu nhỏ phần nói về Thế giới thứ ba trong lịch sử thế kỉ XX – cũng dễ hiểu nếu suy xét về mặt quyền lực. Hobsbawm giải thích một cách sáng suốt : “*Trong thế kỉ XIX, một nhóm nước – chủ yếu là những nước ở ven bờ bắc Đại Tây Dương – đã chinh phục phần đất còn lại ở các khu vực ngoài châu Âu một cách quá dễ dàng như trở bàn tay (...) Các quốc gia Tây phương còn chiếm ưu thế hiển nhiên hơn nữa nhờ hệ thống kinh tế và xã hội, tổ chức và công nghệ học. Chủ nghĩa tư bản và xã hội tư sản đã biến đổi và cầm đầu thế giới. Họ đã đề ra một mô hình – cho đến năm 1917, đó là mô hình duy nhất – cho tất cả những ai không muốn bị đè bẹp dưới cỗ xe của Lịch sử. Sau 1917, chủ nghĩa cộng sản đề ra một mô hình khác : nhưng xét cho cùng, cũng một kiểu, khác chăng là mô hình này không cần tới tư doanh và các định chế liberal. Cho nên, lịch sử thế kỉ XX của thế giới phi Tây phương chủ yếu bị quy định bởi các mối quan hệ của nó với những cường quốc đã trở thành bá chủ hoàn cầu từ thế kỉ XIX. Trong chừng mực đó, lịch sử của Thế kỉ ngắn XX bị bóp méo về mặt địa lí, sử gia muốn viết lịch sử Thế kỉ XX nhất thiết phải tập trung vào động năng của sự biến đổi thế giới* [chúng

tôi in đậm]. Điều đó không có nghĩa là người viết sử chia sẻ tình thân tự cao trịch thượng, quan niệm đĩ Âu (Mĩ) vi trung, thậm chí kì thị chủng tộc, và sự tự mãn hoàn toàn vô lối, vẫn còn khá phổ biến ở các nước Tây phương (...). Song sự thật là, trong Thế kỉ ngắn XX, động lực của đại bộ phận lịch sử [của thế giới thứ ba] là một động lực dẫn xuất (dérivé), không phải là động lực căn nguyên (original). Chủ yếu, đó là những nỗ lực của những thành phần ưu tú trong các xã hội [thuộc địa, nửa thuộc địa hoặc lệ thuộc] nhằm sao chép mô hình mà phương Tây là người khai phá : mô hình này, dưới dạng tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa, trước hết được coi như khuôn mẫu của những xã hội tạo ra tiến bộ, giàu mạnh và văn hoá nhờ sự “*phát triển*” kinh tế và khoa học kĩ thuật. Gọi nó là “*tây phương hoá*” hay “*hiện đại hoá*” hay gì gì đi nữa, nó là mô hình khả thi duy nhất” (tr. 266).

Sự phân tích này xem như rất xác đáng cho hai phần ba đầu thế kỉ của lịch sử thế giới thứ ba (giai đoạn đấu tranh giải phóng, xem phần dưới), liệu có còn giá trị cho phần ba cuối của thế kỉ nữa chăng ? Với sự xuất hiện của cả trăm quốc gia độc lập mới (85 % dân số toàn cầu), và trong số ấy, trỗi lên những cường quốc công nghiệp, thương nghiệp hay tài chính mới (Brasil, các nước “*rông*”, “*cọp*” châu Á, và ngay cả Trung Quốc, mà người ta vẫn báo hiệu sự “*thức tỉnh*” vị lai) ; với sự trỗi dậy “*mạt ki*” của các nền kinh tế và các xã hội Tây phương, một số nhà tương lai học đã không ngần ngại tiên đoán “*quả lắc sẽ quay sang bên kia*” (1). Hobsbawm nhận xét, dù cho “*những cường quốc lớn năm 1914, tất cả đều là những nước Âu châu, đã biến mất (...) hoặc đã xuống cấp, chỉ còn ở tầm cỡ khu vực, thậm chí tình lẻ (...), song sự đổi thay này có ý nghĩa gì lớn chẳng, ngoại trừ đối với các nhà sử học chính trị ? Có lẽ là không, vì nó chỉ phản ánh những biến chuyển thứ yếu trong cục diện kinh tế, trí tuệ và văn hoá thế giới. [Nếu ta coi] Hoa Kỳ là sự triển khai hải ngoại của Châu Âu, gắn liền với Cựu Thế giới dưới ngọn cờ chung “*văn minh Tây phương*” (...), thì đúng về toàn cục mà nói, các nước công nghiệp hoá từ thế kỉ XIX vẫn duy trì tập trung tài nguyên, quyền lực kinh tế, khoa học và kĩ thuật của thế giới, dân chúng các nước này vẫn có mức sống cao hơn hẳn đông loại. Vào cuối thế kỉ, điều này vẫn hoàn toàn nghiệm đúng, mặc dầu các nước ấy đã phi công nghiệp hoá và di chuyển sản xuất sang các lục địa khác. Trong chừng mực ấy, ấn tượng về một thế giới “*Tây phương*”, “*Áu Mĩ*” đang thoái trào, đi xuống, là một ấn tượng hơi hụt*” (tr. 36).

Chẳng lẽ các con “*rông*” chỉ là những con thần lùn ? Sau cuộc khủng hoảng châu Á năm 1997 – và bước sang thế kỉ mới, tình trạng trì trệ vẫn kéo dài – nhiều nhà bình luận, hôm qua còn ca ngợi hết lời, hôm nay hốt hoảng trước sự “*dễ vỡ*”, trước tình trạng “*latin hoá*” của khu vực Đông Nam Á “*trong một thời gian dài còn lẽo đẽo chạy theo sau*” (2). Sự bi quan quá mức của ngày hôm nay cũng lộ bịch như sự lạc quan quá mức của ngày hôm qua. Thế kỉ XXI có phải là thế kỉ của “*rông*” và “*cọp*” không, điều đó chỉ tương lai mới có thể trả lời. Đó là một khả năng, song còn xa mới là điều chắc chắn.

### Từ các đế chế đến Thế giới thứ ba

Ta hãy rời tương lai học để trở về với lịch sử. Đối với đa phần các nước thuộc thế giới thứ ba, lịch sử giai đoạn đầu của thế kỉ XX là lịch sử của quá trình giải thực. Trước thế chiến 1914, hầu hết các khu vực châu Á, châu Phi và vùng đảo Caraïbes ở trong tình trạng lệ thuộc, nghĩa là nằm dưới sự chiếm hữu, cai quản hay chỉ huy của một nhóm Nhà nước

thuộc bắc bán cầu. Đó cũng là số phận của cả những nước độc lập về danh nghĩa như Trung Quốc – người ngoại quốc được hưởng pháp quyền trị ngoại (*droits extra-territoriaux*) và trên thực tế đã kiểm soát một số chức năng chủ yếu của Nhà nước – hoặc các nước châu Mỹ Latinh bị Hoa Kỳ coi là cái “sân sau” (học thuyết Monroe). Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã lay chuyển định cơ của chủ nghĩa thực dân khi nó phá vỡ hai đế chế (Đế chế Đức và Đế chế Ottoman, bị Anh và Pháp dùng quy chế “ủy thác” để tước đoạt và chia nhau các thuộc địa<sup>(3)</sup>) và “bỏ vào trong ngoặc đơn” đế chế thứ ba là Đế chế Nga. Song các đế chế còn tồn tại, bề ngoài trông như được củng cố, nhưng bên trong đã bị chấn thương: các cuộc biến loạn đã liên tiếp xảy ra ở các thuộc địa Anh giữa hai cuộc đại chiến (Ireland, Trung Đông, và nhất là Ấn Độ, nếu không có Gandhi chủ trương ôn hoà thì đã nổ ra nội chiến). Sở dĩ hệ thống thuộc địa còn mua thêm được thời gian là vì cuộc đấu tranh chống thực dân do những phân tử ưu tú thiểu số lãnh đạo rất ít khi động viên được đông đảo quần chúng – quần chúng chỉ tham gia khi chính quyền thực dân đàn áp tới mức quá bi đỗi (ví dụ như cuộc tàn sát ở Amritsar<sup>(4)</sup>), khi sự kì thị chủng tộc của thực dân đã tạo ra sự liên đới giữa mọi tầng lớp dân chúng, khi những lãnh tụ có uy tín (như Gandhi) biết vận dụng tinh thần dân tộc và kết hợp được truyền thống với hiện đại... Cuộc đấu tranh chuyển sang một qui mô khác với cuộc đại khủng hoảng 1929-1933 làm rúng chuyển thế giới thuộc địa: đây là lần đầu tiên nổ ra mâu thuẫn lớn giữa quyền lợi kinh tế của thuộc địa và của chính quốc, giúp cho các tổ chức chống thực dân tạo ra cơ sở vận động quần chúng về mặt chính trị. Lấy trường hợp đế chế Anh giữa hai cuộc thế chiến làm ví dụ, Hobsbawm nhận xét: “chưa bao giờ nước Anh kiểm soát (một cách chính thức hay không chính thức) được một bộ phận lớn rộng như vậy trên địa cầu, nhưng cũng chưa bao giờ các nhà lãnh đạo Anh lại cảm thấy không chắc có khả năng duy trì ưu quyền đế quốc của họ đến mức ấy” (tr. 280). Song ông cũng viết: “tuy sự kết liễu chế độ thuộc địa là một khả năng, nhưng đến năm 1939, khả năng ấy xem ra chưa thực sự gần kề. Cuộc thế chiến lần thứ hai đã làm biến đổi hẳn tình hình ấy. Đại chiến lần thứ hai hiển nhiên là một cuộc chiến tranh phản đế (mặc dầu nó còn có một kích thước lớn hơn thế rất nhiều) và, cho đến năm 1943, các đế quốc thực dân lớn nằm trong phe thua trận (...). Sự kiện người da trắng và Nhà nước của họ có thể bị chiến bại một cách nhục nhã và thảm hại là một đòn chí tử đánh vào chế độ thực dân” (tr.285-286). Đại chiến đang tiếp diễn, vào đúng năm 1942, Ấn Độ, thuộc địa trung tâm của đế quốc Anh, bị lay chuyển bởi cao trào đấu tranh *Quit India*. Cùng chẳng đã, và cũng phải nói: biết rút kinh nghiệm, người Anh nói chung đành chấp nhận công cuộc giải thực. Khốn nỗi, sau năm 1945, các đế chế khác – Hà Lan và nhất là Pháp – lại dùng quân sự để giữ chặt thuộc địa, gây ra ở Việt Nam, Algérie... những cuộc chiến tranh giải phóng trường kì, tàn khốc, tổn kém với biết bao thảm họa cho các dân tộc.

Ngoại trừ Đông Dương, cuộc giải thực ở châu Á đã hoàn thành vào đầu thập kỉ 50. Năm 1956, cuộc viễn chinh ở kênh đào Suez thất bại, kết thúc “thời kì Anh ở Trung Đông” (tức là chấm dứt bá quyền của đế quốc Anh đã được thiết lập ở vùng này từ năm 1918). Đầu thập niên 60, cuộc giải thực ở châu Phi – đổ máu hay dưới dạng “phòng ngừa” – cũng kết thúc, trừ một vài “vùng lõm” của cái mà Hobsbawm gọi là “chủ nghĩa thực dân hình thức”: Angola thuộc Portugal, Nam Rhodesia (ly khai), Nam Phi (phải đến cuối thế kỉ, chế độ apartheid mới bị đập tan), và có lẽ phải kể Israel nữa<sup>(5)</sup>.

Thế là “thời đại đế chế đã chấm dứt. Chưa đầy ba phần tư thế kỉ trước đó, nó trông như còn vững như bàn thạch” (tr. 293).

Thay thế các đế chế bằng cái gì? “Không có gì đáng ngạc nhiên là việc máy chục nước hậu thuộc địa ra đời sau Đại chiến thế giới lần thứ hai, cũng như phần lớn các nước châu Mỹ Latinh là những nước đã thuộc lãnh vực của thế giới đế chế và công nghiệp cũ, đã nhanh chóng tập hợp lại dưới danh nghĩa “thế giới thứ ba”: cụm từ này dường như được tân tạo vào năm 1952, để đối lập với “thế giới thứ nhất” của các nước tư bản phát triển và “thế giới thứ hai” của các nước cộng sản (...). Sự chọn lựa này không phải là không có căn cứ trong chừng mực tất cả các nước này đều là những nước nghèo, nước nào cũng bị lệ thuộc, chính phủ nước nào cũng muốn “phát triển”, và sau Thời kì đại trì trệ, sau Đại chiến thế giới lần thứ hai, không một chính phủ nào lại tin được rằng thị trường tư bản hay sáng kiến tự phát của mỗi nước có thể giúp họ đạt được mục tiêu phát triển. Thêm nữa (...), tất cả những ai có một chút tự do hành động đều không muốn gia nhập một trong hai khối liên kết, họ đều muốn lánh xa một cuộc Đại chiến thế giới lần thứ ba mà ai cũng sợ sẽ xảy ra” (tr. 466). Thế là phong trào các nước “không liên kết” đã chính thức ra đời năm 1955 tại hội nghị Bandung (Indonesia), tức là vào lúc mà quá trình giải thực ở châu Á (trừ ba nước Đông Dương) đã hoàn tất. Người sáng lập và nhân vật chủ chốt của phong trào là những nhà cách mạng chống thực dân lão thành (Nehru, Sukarno, Nasser), mỗi người đều có xu hướng xã hội chủ nghĩa theo cách của mình, do đó, mặc dầu về mặt danh nghĩa họ là “không liên kết”, thiện cảm đẩy họ lại gần Liên Xô, hay đúng hơn, làm cho họ xa dần Hoa Kỳ từ buổi đầu chiến tranh lạnh đã trở thành hậu thuẫn của những chế độ bảo thủ tối tệ nhất thế giới. Phải nói, năm 1959 (sau ngày cách mạng Cuba thành công), khi nhóm “không liên kết” (đầu tiên chủ yếu là Á Phi) trở thành một tổ chức ba lục địa, thì các nước hội viên châu Mỹ Latinh là những nước ít chịu nổi “Big Brother” Hoa Kỳ (điều này cũng dễ hiểu). Tuy nhiên, các nước “không liên kết” không hề muốn đứng vào bên nào trong cuộc đụng độ toàn cầu giữa hai siêu cường, vì họ biết rằng trong một cuộc giao tranh như vậy, họ sẽ ở tuyến đầu (Triều Tiên, Việt Nam, Cuba).

Trong hai thập niên, “chủ nghĩa thế giới thứ ba” rất thịnh hành, không những ở các nước chậm phát triển, mà ở cả “thế giới thứ nhất”, với những phong trào ủng hộ khá ngoạn mục (nhất là ở các nước Bắc Âu như Thụy Điển), và ngoạn mục không kém là sự hấp dẫn của nó đối với phong trào thanh niên phản kháng (chân dung của Che được in trên ngực áo T-shirts, khẩu hiệu Ho Ho Ho Chi Minh được hô vang trong mọi cuộc biểu tình), và có lẽ tới cả xu hướng cực đoan và cực kì phi lí của những nhóm thiểu số sinh viên (sau cao trào 1968) đã tiến hành các hoạt động khủng bố thành thị (Lữ đoàn Đỏ ở Italia, Phân bộ Hồng quân ở Đức, Hành động Trực diện ở Pháp...). Điều nghịch lí là ở thời điểm đó (đầu thập kỉ 70), khái niệm thế giới thứ ba không còn cơ sở thực tiễn nào nữa: sự phát triển kinh tế đã làm nổ tung huyền thoại về một thế giới thứ ba thuần nhất. Giữa những nước xuất khẩu dầu mỏ trong tổ chức OPEP, ngời mát hốt bạc (với sự đồng loã của các đại công ti dầu khí: 1973 là năm cú “sốc” dầu mỏ thứ nhì); các NPI (các nước mới công nghiệp hoá) một chân còn ở thế giới thứ ba, chân kia đã bước sang thế giới thứ nhất, sau quá trình phát triển với nhịp độ tăng trưởng chưa từng thấy trong lịch sử (bốn con “rồng” châu Á Thái Bình Dương, và cả Ấn Độ, Brasil, Mexico...); và ở phía dưới cùng của bậc thang, các

nước gọi là “ đang phát triển ”, một cụm từ mỉa mai do các tổ chức quốc tế tạo ra để chỉ định tập hợp 3 tỉ người (đa số ở châu Phi) sống ở những nước nghèo, càng nghèo lại càng tụt hậu..., giữa các nước kể trên, có còn gì là tương đồng, là mẫu số chung nữa không ? Hầu như không. Bằng chứng là cuộc xâm lăng thậm vô lí của Irak ở Koweit năm 1989.

### **Hiện đại và chủ nghĩa truyền thống**

Ta hãy trở lại quá khứ để nhận ra những tuyến lực xuyên suốt lịch sử thế giới thứ ba trong Thế kỉ ngàn XX, từ cuộc giải thực đến giai đoạn phát triển (hay... không phát triển), một dòng lịch sử đầy gấp ghe, hỗn loạn. Từ năm 1945, “ thế giới thuộc địa đã biến đổi toàn diện, trở thành một loạt những quốc gia về mặt danh nghĩa có đầy đủ chủ quyền, thành thử sau đó, người ta ngỡ rằng đây là một hiện tượng tất yếu : hơn thế nữa, người ta ngỡ rằng dân chúng các nước thuộc địa đó đã mong muốn như vậy ” (tr. 275). Thực tiễn phức tạp hơn nhiều lắm. “ *Khát vọng giải phóng chắc chắn đã tồn tại ở các nước đã có lịch sử lâu đời, có truyền thống tổ chức chính trị : đó là trường hợp các đế chế lớn ở châu Á (Trung Quốc, Ba Tư, Ottoman) nhất là khi các thực thể chính trị ấy được xây dựng trên nền tảng của một Nhà nước - dân tộc [như nhà Hán ở Trung Quốc, hay đạo Islam chiite] (...). Nhưng phổ biến nhất là trường hợp dân chúng hoàn toàn không có ý thức gì về một thực thể chính trị lãnh thổ thường trực, với những biên giới quốc gia cố định, đặt dưới sự cai quản của một chính quyền thường trực duy nhất (tóm lại, ý thức về một quốc gia độc lập, có chủ quyền), hay ít nhất của một chính quyền cấp cao hơn là thôn làng [đó là trường hợp châu Phi và một số vùng Trung Đông] ” (tr. 275). Đó là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng không ổn định ở thế giới hậu thuộc địa, mọi cuộc xung đột có tính chất khu vực (như cuộc diệt chủng ở Rwanda và cuộc chiến tranh vùng Đại Hồ) đều nhằm “ thanh toán ” những vấn đề đường biên giới do đế quốc vạch ra. Cũng vì thế mà trong thời kì đầu của các cuộc đấu tranh chống thực dân, “ *nhiệm vụ lớn của các phong trào dân tộc chủ nghĩa [nói chung là của các tầng lớp thiểu số tư sản] là tập hợp được đông đảo quần chúng gắn bó với truyền thống và chống lại những gì là hiện đại, mà lại không tác động tới những dự án hiện đại hoá của họ ” (tr. 276). Điển hình là Gandhi (1869-1948), “ là người đã thành công trong việc huy động hàng chục triệu người ở các làng thôn và khu chợ bazar Ấn Độ qua cùng một lời kêu gọi nhắm vào tinh thần dân tộc và tâm linh Hindu, đồng thời lại tranh thủ được sự đồng tình của những người chủ trương canh tân [trong một ý nghĩa nào đó, Gandhi cũng là một người canh tân vì ông phủ nhận chế độ đẳng cấp] ” (tr. 276). Song cuối cùng Gandhi đã thất bại : người ám sát Gandhi là một người theo phái Tilak <sup>(6)</sup>, còn nước Ấn Độ độc lập sẽ đặt dưới quyền của đảng Quốc Đại, là những người “ *không màng tưởng gì sự hồi sinh của nước Ấn Độ xưa kia* ”, họ “ *không hề thiện cảm hay cảm thông gì [với những người chủ trương trở về truyền thống], chỉ chú mục vào phương Tây, bị tiến bộ của phương Tây quyến rũ mạnh mẽ* ” (Nehru, 1936).**

Như vậy là khởi đầu cuộc đấu tranh giải phóng, ở Ấn Độ, ở Trung Quốc hay ở Trung Đông, đâu đâu cũng một cung cách : một nhóm nhỏ những người chủ trương canh tân, không phải là đạo sĩ, tìm cách tranh thủ quần chúng vốn thù ghét thực dân nhưng cũng chẳng ưa gì giới tư sản thượng lưu tin tưởng rằng canh tân là cần thiết. Việc giới tư sản thượng lưu lãnh đạo cuộc đấu tranh là một hiện tượng kinh điển, vì tại các nước bị trị, “ *hầu như không có những định chế chính trị dân chủ, chỉ*

*có một tầng lớp rất nhỏ mới có đủ tri thức và được đào tạo, hoặc là có những căn bản sơ yếu nhất mà thôi* <sup>(7)</sup> ” (tr. 268).

Câu hỏi thú vị đặt ra là tại sao giới lãnh đạo lại chọn lựa chủ trương canh tân để gặp khó khăn trong việc vận động quần chúng như vậy. Một sự lựa chọn không tự nhiên chút nào. Tự nhiên hơn và dễ dàng hơn, lẽ ra là dựa vào truyền thống (tiếng Pháp hiện hành dùng chữ *fondamentalisme*) hay tôn giáo (chủ nghĩa toàn thống, *intégrisme*). Thật thế, điểm lại lịch sử, dù sơ lược, cũng thấy “ *không có một phong trào giải phóng thành công ở thế giới lạc hậu trước thập niên 70 lại bắt nguồn hay cảm hứng từ một hệ tư tưởng truyền thống hoặc tân truyền thống. Phải đợi đến những thập niên cuối cùng của thế kỉ XX mới thấy trở dậy chủ nghĩa truyền thống, mới chứng kiến cảnh tượng kì quặc là một số trí thức say mê những cái mà cha ông của họ, có văn hoá, sẽ gọi là mê tín hoặc man rợ* ” (tr. 268). Thế hệ cách mạng đầu tiên, rút kinh nghiệm thất bại của các cuộc nổi dậy của nông dân, nhận định rằng canh tân là bảo đảm cho đấu tranh hiệu quả <sup>(8)</sup>, họ chọn sự canh tân vì hiệu quả chứ không phải từ những suy tính về đạo đức : “ *Về mặt hệ thống đạo đức mà nói, với những quan niệm về chỗ đứng của con người trong thế gian, nhận chân ra bản chất và quy mô sự huỷ diệt do “ phát triển ” và “ tiến bộ ” đã gây ra, thì các hệ tư tưởng và hệ giá trị tiền tư bản hay phi tư bản thường hơn hẳn những tín điều mà tàu chiến, thương nhân, các nhà truyền giáo và viên chức thực dân đã đem lại. [Nhưng khi các hệ tư tưởng đó] đi ngược lại quá trình phát triển trong thực tiễn, chứ không phải chỉ trên mặt lí thuyết, thì thất bại và thua trận là cái chắc. Dùng phù phép để bẻ cong đường bay của đạn đại liên thì dù tin tưởng mạnh mẽ và thành khẩn tới đâu, cũng ít khi thành công. Điện thoại và điện tín đầu sao cũng là những phương tiện thông tin hiệu quả hơn khả năng thần giao cách cảm* ” (tr. 267).

Tóm lại, bất luận các nhà cách mạng đã làm nên lịch sử thế giới thứ ba đã đeo đuổi những mục tiêu tự giác hay không tự giác như thế nào, thì quá trình canh tân (theo mô hình phương tây) đã mang lại những phương tiện cần thiết để đạt mục tiêu đó : hệ tư tưởng, cương lĩnh chính trị, phương pháp sinh hoạt công cộng (báo chí, hội họp, tuyên truyền, vận động quần chúng), tổ chức chính đảng (chính đảng tư sản như đảng Quốc Đại Ấn Độ hay Trung Hoa Quốc Dân Đảng, hoặc đảng cộng sản nửa bí mật tổ chức theo mô hình bên sê vich <sup>(9)</sup>)... Tương tự, sau ngày độc lập, phần lớn các nước thuộc địa cũ đều tổ chức, hoặc bị ép tổ chức theo các hệ thống kinh tế - chính trị rập khuôn của chính quốc cũ. Số nhỏ còn lại (nói chung, xuất phát từ phong trào cách mạng xã hội hoặc cuộc chiến tranh giải phóng trường kì) thì chọn mô hình xô viết. Thành ra, về mặt lí thuyết, toàn bộ thế giới thứ ba đều theo chế độ “ dân chủ ” (nghĩa là có những nước “ dân chủ ” hơn những nước khác, vì nhiều nước bệ mô hình Tây phương lên cái nền cũ là dạng thức quyền lực thị tộc, vi phiệt <sup>(10)</sup> hay Khổng giáo). Điều cần nhấn mạnh là tất cả đều là những cơ cấu “ nhập khẩu ”, nên Hobsbawm mới nói rằng lịch sử thế giới thứ ba “ *đẫn xuất* ” (dérive) từ lịch sử của hai thế giới kia.

Trở lại lịch sử cuộc giải thực và cuộc khủng hoảng 1929-1933. Như đã nói ở phần trên, chính cuộc khủng hoảng kinh tế đã thúc đẩy quần chúng thuộc địa tham gia cuộc đấu tranh chống thực dân. Sự thúc đẩy này gần như có tính chất của một định luật cơ học. Thật vậy, vào cuối Thời đại các đế chế, nền kinh tế tư bản thế giới (dù ngừng lại ở bên này biên thuỳ Liên Xô) đã thu hút tài nguyên, văn hoá và chính thể của mọi nước

vào phạm vi của nó như một con “bạch tuộc” (chữ của tác giả). Trong hệ thống ấy, kinh tế thuộc địa giữ một vị trí đặc biệt. Đối với thị trường thế giới, “*giá trị [của thuộc địa] chủ yếu là giá trị của người cung cấp vật phẩm cơ bản – nguyên liệu, năng lượng, sản phẩm nông nghiệp và chăn nuôi – và của nơi đầu tư cho tư bản phương bắc, đặc biệt dưới dạng công trái hay xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông vận tải, thành phố), nếu không có thì không thể khai thác tài nguyên của các thuộc địa*” (tr. 271). Tuy nhiên đầu tư như vậy hoàn toàn không có nghĩa là chính quốc muốn công nghiệp hoá các nước thuộc địa. Thí dụ như đường bộ hay đường xe lửa (ngày nay vẫn còn được sử dụng) không mang lại công nghiệp cho Việt Nam, và chính quyền thực dân mở mang đường sá cũng không hề nhắm mục đích ấy. “*Phần lớn chính phủ và doanh nhân các nước phương Bắc đeo đuổi một mô hình trong đó thuộc quốc bán sản phẩm cơ bản cho chính quốc và dùng tiền đó để mua hàng hoá công nghiệp của chính quốc. [Quyền lợi tự nhiên của chính quốc và doanh nhân chính quốc] là làm cho thị trường thuộc địa hoàn toàn lệ thuộc vào nền sản xuất của chính quốc (...) [và mặt khác] củng cố độc quyền công nghiệp của những trung tâm sản xuất cổ truyền của chính quốc. Trong chừng mực ấy, người macxit trong giai đoạn giữa hai cuộc đại chiến và những nhà lí luận về sự lệ thuộc ở nhiều trường phái khác nhau có đầy đủ cơ sở khi họ tố cáo chủ nghĩa đế quốc, coi nó là phương tiện để duy trì sự lạc hậu của các nước thuộc địa*” (tr. 272-273). Cố nhiên, cơ cấu kinh tế thuộc địa làm cho nó rất dễ bị chao đảo : trong cuộc khủng hoảng, giá cả nguyên vật liệu (nguồn sống của các nước thuộc địa) sụt nhanh và nhiều hơn giá hàng công nghiệp Tây phương. Trước đó, về toàn cục mà nói, thời kì đế chế là một thời kì tăng trưởng hầu như liên tục, với những tác động tích cực của nó, nên trong một ý nghĩa nào đó, chủ nghĩa thực dân có mặt “chấp nhận được”. Kinh tế suy sụp làm đảo lộn nền tảng trật tự đó, gây ra mất ổn định trong đời sống chính trị quốc gia cũng như quốc tế. Giới thượng lưu mất đi các ưu quyền đã dành, “*lần đầu tiên (trong những thời kì không có chiến tranh), cuộc sống của người dân bình thường bị đảo lộn như trải qua những động đất, mà rõ ràng đây lại không phải là thiên tai, cầu nguyện cũng vô phương, chỉ còn con đường phản đối*” (tr. 283). Thập kỉ 1930 do đó là những năm tháng then chốt của thế giới thứ ba, “*phần nào vì khủng hoảng đưa tới triệt để hoá về chính trị, nhưng quan trọng hơn, nó tạo dịp tiếp xúc giữa các phần tử chính trị thiểu số và người dân bình thường (...). Những năm khủng hoảng đã cắt đứt mối liên hệ giữa chính quyền thuộc địa và quần chúng nông dân, do đó mở ra một không gian mới trong cục diện chính trị*” (tr. 283-284).

Một khi quần chúng đã bước lên sân khấu chính trị, không dễ gì họ chịu rút lui, mặc dù nhìn về bề ngoài, thấy họ im ắng cam phận trong những thập niên sau ngày độc lập. Trong khi đó, nền kinh tế đế quốc chủ nghĩa đã mang lại nhiều biến đổi trong cuộc sống của giới nông dân, nhất là ở những vùng sản xuất hướng về xuất khẩu (đảo lộn lớn nhất là trong vùng trồng cao su, lợi nhuận cao hơn trồng lúa). Cuộc cải cách ruộng đất được tiến hành rộng rãi mọi nơi, dưới bất cứ chính thể nào, trong giai đoạn 1945-1960 (tr. 462-463), đã làm cho nông dân thấy ra rằng hiện đại hoá mang lại hứa hẹn hơn là đe dọa. Bất luận chính trị của nền kinh tế thuộc địa là như thế nào, sự phát triển các thị trường địa phương, sau đó là sự phát triển công nghiệp địa phương (đúng như sự tiên liệu của chủ nghĩa Marx về sự triển khai tận cùng của cách mạng công nghiệp, điều này sẽ nói ở một phần dưới) đã tạo ra và thúc đẩy một cuộc di dân

khổng lồ từ nông thôn về các đại đô thị mới thành hình ở các nước phương Nam, khai sinh ra một “nền kinh tế không chính thức” (économie informelle) khá đặc trưng của thế giới thứ ba, trước khi mà “sự phân công lao động quốc tế” mới (giữa các nước phát triển và các nước chậm phát triển, nhưng là trong nội bộ thế giới thứ ba, xem ở dưới) lại tạo ra một cuộc di dân mới, vượt qua những ranh giới khu vực và phân loại. Kết quả những cuộc biến thiên ngấm ngấm ấy, vào những năm bản lề 70-80, các cuộc vận động quần chúng sẽ nổi lên công khai, dưới hai dạng đối lập. Ở các NPI (như Brasil, Hàn Quốc...), những biến đổi cơ cấu trong xã hội đã đưa đời sống chính trị vào con đường quen thuộc của thế giới thứ nhất : sự hình thành những giai cấp công nhân công nghiệp mới đòi hỏi sự tôn trọng quyền lợi thợ thuyền và công nhân các công đoàn. Còn ở những vùng rộng lớn khác của thế giới thứ ba (vừa mất ổn định, vừa dễ bùng nổ), chủ nghĩa truyền thống (đôi khi kết hợp với chủ nghĩa toàn thống) đã hồi sinh mạnh mẽ, với đỉnh cao là cuộc cách mạng Iran (1979) : trong khi động lực của thời đại 1789-1917 (từ Cách mạng Pháp đến Cách mạng Nga) có vẻ như đã mất đà, cuộc cách mạng Islam đang giương cao ngọn đuốc cách mạng xã hội. Nhưng lần này, để **chống lại** hiện đại.

**Nguyễn Quang**  
(Kiến Văn biên dịch)

Kì sau : **Thời mạt kỉ**

- 
- (1) Một số nhà kinh tế, chỉ dựa vào những con số cộng, còn liêu lĩnh xếp Trung Quốc là cường quốc kinh tế đứng đầu thế giới.
  - (2) J.-C. Pomonti, *L'Asie du Sud-Est durablement à la traîne*, Le Monde ngày 02.05.2001.
  - (3) Dấu hiệu chứng tỏ chủ nghĩa đế quốc càng ngày càng bị chèn trách : người ta không dám nói tới “thuộc địa” nữa, mà nói lãnh thổ “ủy thác” (mandat), nghĩa là nhân loại để tỏ lòng biết ơn đã “ủy thác” những lãnh thổ ấy cho các cường quốc chiến thắng, không phải để “bóc lột” các “dân tộc bán khai” (cường quốc nào lại “nghĩ” đến chuyện bóc lột như vậy, Hobsbawm viết mỉa, tr. 59) mà là để dẫn dắt họ trên đường tiến bộ.
  - (4) Năm 1919, ở Amritsar (Ấn Độ), một tên tướng Anh đã ra lệnh nã súng vào đám đông tay không đang chen chúc trong một khoảng đất khép kín, không lối thoát. Trong một chuyến đi thăm Ấn Độ mới đây, hoàng đế Philip đã tìm cách giảm nhẹ tội ác này, khiến cho dư luận hết sức công phẫn.
  - (5) Để tránh đi vào một cuộc luận chiến bất tận, xin nói ngay : đây là lập trường chung của các nước Ả-rập. Đối với họ, Israel chỉ là khúc ruột thừa của Tây phương ở Trung Đông. Thực tế là vậy.
  - (6) Bal Ganghadr Tilak (1856-1920), một trong những chiến sĩ quốc gia đầu tiên của Ấn Độ, chủ trương trở về với nền văn minh và tôn giáo Ấn Độ cổ đại. Gần đây, những người kế tục Tilak đã thắng cử đảng Quốc Đại và lên nắm chính quyền.
  - (7) Nhắc lại vài con số : trước độc lập, 90 % dân số Ấn Độ mù chữ, và trước năm 1914, trên 600 người dân mới có một người biết nói tiếng Anh (hay một tiếng phương Tây).
  - (8) Nói đến canh tân và hiệu quả, kẻ viết bài này rất mong được đọc giả lí giải cho điều bí ẩn này : người Trung Hoa đã sáng chế ra thuốc nổ, nhưng cái máy nổ (*arquebuse*) và súng đại bác lại do người Âu sáng chế.
  - (9) Người ta nhớ tới bài viết nổi tiếng của Hồ Chí Minh khi tìm thấy ở chủ nghĩa macxit-leninit con đường cứu nước.
  - (10) oligarchie.

## Hồ sơ : Kinh tế tri thức

Hai năm gần đây ở Việt Nam đã diễn ra một cuộc thảo luận về “ kinh tế tri thức ” (KTTT). Người ta có thể ngạc nhiên tại sao một nước chưa làm ra được những sản phẩm cổ điển thiết yếu cho đời sống như cái xe hơi, có dầu thô mà phải bán để nhập xăng, 70% dân số là nông dân... mà lại đi bàn chuyện kinh tế tri thức, đi trước đón đầu, v.v. Nhưng trường hợp Việt Nam không độc nhất, từ 1997 Trung Quốc đã đặt vấn đề này, và trước đó, không kể Singapur, Mã Lai cũng khẳng định quyết tâm đi vào kinh tế tri thức.

KTTT bao gồm các ngành kinh tế trực tiếp làm ra các sản phẩm “ tri thức ”, chẳng hạn các phần mềm máy tính, các dịch vụ tổ chức, quản lý, sinh hoạt xã hội... Nhưng không phải chỉ có thế, có thể vẫn tất đặc trưng của nó là “ hàm lượng tri thức ” cao trong mọi loại hình sản phẩm và dịch vụ, cộng với một tỷ lệ lớn các sản phẩm và dịch vụ thuần tri thức, trong một xã hội có trình độ giáo dục cao và một mạng thông tin phổ cập, nhạy bén.

Nhưng, trong hoàn cảnh toàn cầu hoá hiện nay, các nước đang phát triển không thể không có một chính sách về KTTT. Vì dầu muốn dầu không những khía cạnh của nền kinh tế này cũng đã xâm nhập khắp nơi. Các nước đang phát triển chủ yếu tiêu thụ, hay khá hơn thì làm gia công bằng lao động cấp thấp cho các sản phẩm của KTTT, kết quả của trình độ tri thức cao, và thuộc sở hữu của người sáng chế ra nó. Người chủ sở hữu của tri thức lấy được phần lời rất lớn so với phần gia công. Chẳng lẽ chúng ta cứ đóng vai trò “ tay chân ” mãi, dưới sự điều động của các “ bộ óc ” bên ngoài ?

Một hình ảnh : khoảng đầu thập kỷ 60 thì trình độ Việt Nam và Hàn Quốc là tương đương, nhưng hiện nay thu nhập (GDP) trên đầu người của Hàn Quốc đã 30 lần hơn. Dĩ nhiên trong thời gian đó là một cuộc chiến mà một bên chịu tàn phá khủng khiếp và một bên thì phần nào hưởng lợi. Nhưng chắc lý giải không phải chỉ có thế. Người ta cho rằng phân nửa thành công của Hàn Quốc là do chú trọng đến phát triển tri thức.

Một hình ảnh khác : cuộc cách mạng xanh, bắt đầu từ những năm 50, là thành quả của nghiên cứu sinh học, đã được áp dụng khắp thế giới. Chính nhờ thế mà từ đó đến nay sản xuất nông nghiệp của cả vùng châu Á đã nhân ba, nếu kể từ 1975 thì nhân đôi. Ở Việt Nam thành công thế nào ai cũng biết, nhưng còn phải bỏ đi hơn 10 năm trước thời đổi mới. Cho nên áp dụng KTTT không đơn thuần là vấn đề khoa học và giáo dục.

Chính sách ngày nay là ưu tiên phát triển công nghệ thông tin, đặc biệt công nghiệp phần mềm. Nhưng để làm gì ? để xuất khẩu hay để cải tiến việc quản lý đất nước là chính ? đâu là điều kiện thành công ? và ai là người gặt hái ?

Làm sao tiến đến một xã hội tri thức đích thực năng động và có hiệu quả kinh tế cao, trong khi còn chưa có được một nền học thuật nghiêm chỉnh, tự do, dân chủ và đa dạng ?

Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề KTTT đặt ra cho Việt Nam, chúng tôi xin mời bạn đọc cùng suy nghĩ trên đề tài này qua hai bài viết đi kèm. Một của ông Trần Việt Phương, thuộc văn phòng thủ tướng, và một của nhà toán học Hoàng Tuy. Cũng xin giới thiệu thêm bài “ Hướng tới thế kỷ 21 : xã hội tri thức và vài suy nghĩ về con đường hội nhập của chúng ta ”, của Gs Phan Đình Diệu, tạp chí Thời Đại số 5, năm 2001.

Diễn Đàn

## Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam

Trần Việt Phương

### I. Nhắc lại một vài nhận thức về nền kinh tế tri thức.

1. Nếu nói một cách chặt chẽ, tôi không đồng ý với cách gọi : “ Nền kinh tế tri thức trong xã hội thông tin ” mà tôi muốn gọi : “ Nền kinh tế và xã hội của trí tuệ sáng tạo và phát triển tự do của con người, cho mỗi người và cho mọi người ”.

Nền kinh tế dựa trên tri thức, hoặc ngắn gọn hơn, nền kinh tế tri thức, theo cách hiểu và cách gọi xuất xứ từ Mỹ-Âu chừng một thập kỷ nay, là tiền đề vật chất cho sự xuất hiện trải qua cách mạng giải phóng con người của xã hội mới.

Loài người còn phải trải qua những chặng đường dài đầy đau khổ, hy sinh và gian truân, vất vả mới đến được xã hội ấy, song ánh sáng của nó đã hé lên ở chân trời xa.

Nguyên nhân ra đời của nền kinh tế mới và xã hội mới là toàn diện. Ở đây, cùng với vai trò của cách mạng khoa học và công nghệ (KH-CN) và của nền kinh tế thị trường hiện đại đang toàn cầu hóa, là 2 nguyên nhân đã được phân tích nhiều lần. Tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của nguyên nhân chính trị và văn hóa : khủng hoảng toàn diện của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, chính vì hiện đại nên càng lỗi thời, bất lực và đầy tội ác, thất bại của chủ nghĩa tân tự do, phá sản của nền dân chủ đại diện Âu - Mỹ, bế tắc của hình thức tổ chức các đảng chính trị, bất trắc và xung đột trong một thế giới chồng chất mâu thuẫn. Và mặt khác, thức tỉnh của con người và của các dân tộc, phát triển của dân chủ trực tiếp, xã hội dân sự và các hiệp hội phi chính phủ, tự khẳng định của các bản sắc dân tộc, trọng lượng của văn hóa và con người trong phát triển, đấu tranh của các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội vì một xã hội tốt đẹp hơn.

Tác động của quá trình xuất hiện xã hội mới ấy là toàn diện, làm chuyển biến sâu sắc cả 10 nhân tố thường được coi là những nhân tố hợp thành của xã hội. Đó là : dân chủ chính trị ; giáo dục suốt đời ; tăng trưởng kinh tế ; phát triển văn hóa; công bằng xã hội ; giữ gìn môi trường ; an ninh quốc phòng; bản sắc dân tộc ; hội nhập quốc tế ; và cuối cùng là bùng nổ con người.

Điều đáng chú ý là ngày càng nhiều công trình của nhiều nhà nghiên cứu, từ những chân trời chính trị khác nhau, công nhận rằng cách mạng KH-CN không chỉ là lực lượng sản xuất trực tiếp cực kỳ to lớn, mà, hơn thế nhiều, đó chính là sức mạnh bên trong và là chất keo kết dính tất cả 10 nhân tố của xã hội mới nêu trên.

Theo chúng tôi, một cái nhìn tổng thể và toàn diện như vậy giúp chúng ta không bị rơi vào cái cảnh : “ tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa ”, chuyển một cách nguy hại không kém gì nhau từ sai lầm kinh tế luận phủ định thị trường sang sai lầm kinh tế luận sùng bái thị trường.

Kinh tế là trung tâm, điều ấy đúng, song nói tâm tức là nói đến diện, không có diện thì tâm chỉ là điểm chứ không còn là tâm. Quan hệ giữa tâm và diện không phải là tâm trước diện

sau, cũng không chỉ là tâm chính diện phụ, mà là quan hệ tương tác sâu sắc và phong phú.

Để thuận tiện cho sự trình bày, sau đây tôi tạm dùng thuật ngữ đã khá phổ cập là “nền kinh tế tri thức”, được hiểu theo cách nhìn tổng thể và trong mối quan hệ giữa tâm và diện như vừa nêu trên.

2. Không có hai nền kinh tế tri thức nào giống nhau, tuy kinh tế tri thức có một số đặc trưng chung, đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới và ở nước ta giới thiệu khá rõ. Mỗi nước xây dựng nền kinh tế tri thức của mình, trong hoàn cảnh và với đặc điểm của mình, theo chiến lược, chính sách, giải pháp và bước đi của mình. Cố nhiên, có thể và cần học tập từ kinh nghiệm của nhiều nước khác nhau.

3. Nhưng nước, rất nghèo và rất chậm phát triển, ở hạng chót trên thế giới, cần hay chưa cần, có thể hay chưa thể tính ngay đến việc chuẩn bị từ bây giờ và tiến lên thực hiện nền kinh tế tri thức trong một triển vọng không xa? Nếu cần và có thể làm, thì làm những gì, như thế nào, bằng nguồn lực nào, với những ai, vào lúc nào?

Hình như trong ý kiến của những nhà hoạch định chính sách và những nhà nghiên cứu trên thế giới, về câu hỏi này, có hai cách trả lời trái ngược hẳn nhau. Việt Nam ta phải có câu trả lời của chính mình. Chúng ta đã đặt ra câu hỏi này và đã có câu trả lời chưa?

## II. Thực trạng hiện nay ở nước ta về nhận thức và hành động chuẩn bị và tiến tới nền kinh tế tri thức.

1. Việc giới thiệu ở nước ta về nền kinh tế tri thức trên thế giới, tuy chỉ mới làm từ cách đây không lâu, song đã có không ít bài vở, sách báo. Đó là những tư liệu nói về một số nhận thức chung và những việc làm của thiên hạ, kèm theo một vài gợi ý còn rất đại thể về những hệ quả đối với nước ta.

Sự phổ biến, tìm hiểu, nghiên cứu những tư liệu giới thiệu này ở nước ta hiện rất ít ỏi, lơ mơ, ngay trong giới quản lý và nghiên cứu. Doanh nghiệp và dân hầu như chưa biết đến.

2. Trong nghiên cứu chiến lược 10 năm và kế hoạch năm năm tới, cụm từ “kinh tế tri thức” có được nhắc đến một cách lướt qua, và nền kinh tế tri thức có được như một tâm nhìn triển vọng, song chưa thể nói rằng chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm tới đã tính toán được đầy đủ và thiết thực những công việc chuẩn bị và tiến tới nền kinh tế tri thức ở Việt Nam. Chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa định hướng rõ về nền kinh tế tri thức tuy đã có những yếu tố có tính chất chuẩn bị theo định hướng ấy.

3. Xem xét cân nhắc về thuận lợi và khó khăn của Việt Nam, thì thấy, suy đi xét lại, so với những nước hiện nay ở cùng một trình độ kinh tế còn rất kém phát triển, nước ta có nhiều thuận lợi hơn để chuẩn bị và tiến đến nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.

## III. Những công việc chúng ta có thể và cần làm.

Theo tôi, không nên coi việc chuẩn bị cho nền kinh tế tri thức ở nước ta là còn xa vời, chưa nên đặt ra, bây giờ mà mơ tưởng đến thì chỉ như “con ếch muốn to bằng con bò” mà trái lại đó chính là con đường phát triển rút ngắn, “vượt quá mà không đuối kịp”, tạo ra nhịp tăng trưởng và phát triển nhanh với chất lượng và hiệu quả cao, con đường của tinh thần tiến công

bút phá, của quyết tâm vươn lên nắm bắt và tận dụng thời cơ.

Vậy công việc chúng ta có thể và cần làm là gì? Theo tôi có lẽ công việc quan trọng hơn cả lúc này là: đứng trên quan điểm tích cực chuẩn bị, và ở nơi nào có thể thì bắt đầu thực hiện ngay kinh tế tri thức, tức là một quan điểm mới hơn và rõ hơn hiện nay, tiến hành soát xét lại toàn bộ các chủ trương đối mới và phát triển đất nước trong 10 năm từ 2001 đến 2010, từ đó bổ sung và điều chỉnh những điều cần thiết, đặc biệt là về 7 lĩnh vực thường được coi trọng trong chiến lược, quốc gia thực hiện nền kinh tế tri thức của nhiều nước đã phát triển và đang phát triển, như sau:

- Chủ trương công nghiệp hóa và hiện đại hóa;
- Mở mang nền kinh tế thị trường văn minh;
- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế;
- Phát triển KHCN nhất là công nghệ tin học viễn thông và công nghệ sinh học: Giáo dục và đào tạo;
- Văn hóa và xã hội;
- Đổi mới thể chế quản lý và cải cách hành chính.

Có lẽ sự bổ sung và điều chỉnh chủ yếu không phải là đặt ra những việc mới, hiện nay chúng ta chưa hề tính toán (số việc hoàn toàn mới cần đặt ra, nếu có, cũng không nhiều), mà chủ yếu là xử lý theo một nội dung mới hơn và một cách thức mới hơn những việc đã được nghiên cứu và nêu lên trong chiến lược.

Đồng thời, điều có ý nghĩa quyết định là bổ sung và điều chỉnh chủ trương đến đâu, thì ráo riết chuẩn bị, và phần nào có thể thì bắt tay thực hiện ngay đến đó.

Ở đây tôi không mạo muội đi sâu vào nội dung từng lĩnh vực đã có cả một đội ngũ chuyên trách nhưng về cách làm việc, tôi muốn nêu lên một số câu hỏi chung, có thể đặt ra cho mỗi lĩnh vực trong 7 lĩnh vực, để nghiên cứu tìm những câu trả lời.

1. Với những chủ trương và giải pháp như hiện nay, sau 10 năm, đến 2010 chúng ta gần lại hay xa ra so với nền kinh tế tri thức? Chỗ nào gần lại, chỗ nào xa ra, chỗ nào giữ nguyên khoảng cách? Gần lại và xa ra như thế nào, chừng nào và vì sao? Hay đặt câu hỏi một cách khác: Dự thảo hiện nay về chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm tới của chúng ta đã có thể xem là hội đủ những nhân tố có thể và cần thiết để chuẩn bị tiến tới nền kinh tế tri thức ở nước ta chưa? Có chứa đựng những nhân tố nào trái chiều đưa nền kinh tế nước ta xa thêm ra so với nền kinh tế tri thức không. Cần bổ sung và điều chỉnh những gì?

Cụ thể hơn:

2. Có những điều gì (về nội dung chính sách và về cách thức thực hiện giúp chúng ta tiến gần tới nền kinh tế tri thức mà hiện chưa được đề ra? Vì sao lại như vậy? Có cần và có thể bổ sung những điều ấy vào chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm tới không?

3. Có những điều gì (về nội dung chính sách và về cách thức thực hiện) khiến chúng ta dậm chân tại chỗ hoặc thậm chí xa ra so với nền kinh tế tri thức, mà lại đang tồn tại trong chiến lược, chính sách và biện pháp của chúng ta? Lẽ phải của sự tồn tại như vậy là ở chỗ nào? Có thích đáng không (nghĩa là có lợi cho dân, cho nước không)? Có cần và có thể loại bỏ những điều ấy đi không? Hoặc xử lý ra sao?

Xem tiếp trang 19



# Nhận diện nền kinh tế tri thức

Hoàng Tuy

1. Gần đây, kinh tế tri thức được bàn luận sôi nổi khắp nơi. Nhiều người rất háng hái xem đây là cơ hội nghìn vàng cho đất nước ta nhanh chóng bứt ra khỏi nghèo nàn lạc hậu. Nhưng cũng có ý kiến cảnh báo rằng đặt cược quá cao vào kinh tế tri thức có thể làm chúng ta xao lãng những vấn đề cấp bách nhất của nền kinh tế đang còn quá thấp kém. Có lẽ mỗi ý kiến đều có phần đúng. Cái khó đầu tiên trong chuyện này là nhận thức vấn đề sao cho khách quan, đúng mức và thực tế.

Ngày nay, xu thế toàn cầu hóa là bước tất yếu, có những mặt tiêu cực cần đấu tranh chống lại, nhưng vẫn phải chấp nhận nó, chịu chơi với nó, hơn nữa tuân thủ các luật chơi mới để tìm cách vươn lên. Mà luật chơi mới là : ganh đua, cạnh tranh trí tuệ. Nói cách khác, sân chơi mới là kinh tế tri thức.

Vì vậy không thể phát triển kinh tế tri thức mà từ chối toàn cầu hóa, cũng như không thể cạnh tranh nổi trong nền kinh tế toàn cầu hóa nếu không mở được cánh cửa vào kinh tế tri thức. Những diễn biến gần đây cho thấy ta hội nhập quốc tế mà không theo kịp họ trong kinh tế tri thức thì sẽ thua thiệt.

2. Khái niệm kinh tế tri thức xuất hiện vào đầu những năm 80 của thế kỷ 20, nhưng chỉ gần đây mới rộ lên, nhất là từ khi phát triển máy tính cá nhân, rồi Internet và xa lộ thông tin. Hiện nay chúng ta đang đứng giữa cơn lốc nên cũng chưa xác định được gió sẽ ngả theo chiều nào. Cách đây khoảng một năm thị trường chứng khoán ở Mỹ bốc lên đột ngột theo sự bùng nổ các công ty dot.com, nhiều người tưởng thế giới này chỉ có đầu tư vào đó mới là khôn ngoan nhất. Nhưng rồi cũng xẹp xuống như bong bóng. Thất bại dẫn đến thất vọng. Sau một thời các ngành kinh doanh dựa vào công nghệ thông tin phát đạt chưa từng thấy, nay bóng ma suy thoái lại rình rập. Thị trường vi tính chững lại, hàng loạt công ty công nghệ cao, kinh doanh điện tử, ngay cả ở Silicon Valley, bắt đầu những cuộc sa thải, co cụm lại để chống đỡ luồng khí lạnh có cơ lan tràn (riêng cổ phiếu Microsoft đã sụt hàng chục tỷ USD). Tuy nhiên, nhiều người đánh giá, đây chỉ là thời kỳ tạm lắng để chuẩn bị bùng lên theo một hướng mới. Chính vì thế mà chính phủ Nhật Bản, mặc dù kinh tế còn ảm đạm, vẫn dự định đầu tư 30 tỷ USD vào công nghệ thông tin trong vài năm tới, coi đó là một trong các hướng chính để thoát ra khỏi thế trì trệ kéo dài mấy năm nay. Nói cho đúng, Nhật Bản đã gặp khó khăn vì đã ngủ quên trên những thành tựu công nghiệp điện tử dân dụng trong thập kỷ 80, cho nên chậm bước trong cách mạng số hóa qua Internet. Hiện nay, đến lượt Mỹ hình như cũng đã quá say sưa với những thành công theo hướng số hóa nên có nguy cơ sắp tới sẽ bị các đối thủ qua mặt khi tiến vào thời đại hậu vi tính. Các bộ óc lớn đang chuẩn bị cho một bước ngoặt công nghệ mới : sau máy tính cá nhân là gì ? Phải chăng là truyền thông đa phương tiện không dây, từ điện thoại di động 3G, 4G, phát triển lên truyền thông đa phương tiện gọn nhẹ, nhanh chóng mà không cần dây nhợ lòng thông, cho phép không chỉ điện thoại, thư điện tử và fax, mà cả kết nối Internet, truy cập Web, thực hiện mọi dịch vụ điện tử hai chiều, ở đâu

cũng nhận được và gửi đi được mà không cần đến máy tính cá nhân hay để bàn cố định như hiện nay. Có nghĩa là xã hội đa phương tiện không dây đang tới gần. Các hãng Nokia (Phần Lan), Ericsson (Thụy Điển), DoCoMo (NTT Nhật Bản) hiện đã đi trước Motorola của Mỹ trong cuộc chạy đua về cái đích đó. Trong khi chờ đợi, mọi việc bớt ồn ào, không khí trầm lắng hồi hộp trước những thay đổi lớn có phần dự đoán được nhưng cũng nhiều phần chưa thể lường hết. Bên cạnh đó, nào là bản đồ *gene* người, nhân bản người vô tính, thực phẩm biến đổi *gene*, rồi bệnh bò điên, dịch súc vật lở mồm long móng, v.v., biết bao nhiêu chuyện rắc rối nảy sinh từ cách mạng công nghệ và toàn cầu hóa. Kinh tế tri thức không phải chỉ có màu hồng. Tình hình không phải chỉ sôi động một chiều có những cơ hội phát lên hiếm có, mà cũng lắm bước thăng trầm ẩn chứa không ít rủi ro bất trắc. Đây không phải là thứ trận địa cứ ào ào xông lên xung phong và chiếm lĩnh được, mà cần có chiến lược thông minh, chuẩn bị kỹ và tổ chức tốt.

3. Vì là sự vật lộn trí tuệ nên cần có quyết tâm, dũng cảm, nhưng đầu óc và tài năng mới thật sự quan trọng. Phải thực hiện cuộc cách mạng tư duy, thay đổi hẳn cách nghĩ trong hàng loạt vấn đề đời sống kinh tế, xã hội cũng như khoa học, công nghệ, văn hóa, giáo dục. Có người gọi kinh tế tri thức là kinh tế mạng, để nhấn mạnh rằng chưa bao giờ thế giới tràn ngập những tổ chức mạng như bây giờ, cho nên cách nghĩ, cách quản lý, cách làm việc theo một hệ thống có trên có dưới, tôn ti trật tự theo kiểu phong kiến hay tư bản thời công nghiệp hiện đại cũng đã lỗi thời. Nói theo thuật ngữ khoa học, chưa bao giờ thế giới bộc lộ tính hệ thống phức tạp cao như bây giờ. Không gian mở rộng, thời gian rút ngắn, thông tin dồn dập, các loại hiệu ứng dây chuyền (kiểu như khủng hoảng tài chính châu Á vừa qua), hiệu ứng phụ (kiểu như các hiệu ứng môi trường), hiệu ứng cộng năng (như Internet), ngày càng tác động mạnh. Sự vật biến hóa theo những quy luật phi tuyến (cấp số nhân hay hàm mũ : chẳng hạn cứ 18 tháng, tính năng máy tính tăng gấp đôi nhưng giá thành còn bằng nửa), với độ ngẫu nhiên và phức tạp không ngừng tăng lên. Nhiều vấn đề quản lý kinh tế xã hội đều không thể nhìn nhận theo tầm mắt và quan niệm cũ. Hơn bao giờ hết, thành công trên các lĩnh vực kinh doanh hay khoa học, công nghệ thường bắt nguồn ở những ý tưởng mới, ngược lại thất bại thường do tư duy xơ cứng, không chuyển kịp tình hình. Đã bước sang kỷ nguyên kinh tế tri thức với những đột biến công nghệ liên tục thì trên mọi mặt đời sống kinh tế xã hội, đối với từng người hay từng cộng đồng sự thành bại được quyết định trước hết bởi khả năng nhận thức được kịp thời những thay đổi và thích ứng mau lẹ với những thay đổi đó, kể cả bằng cách tự thay đổi và hoàn thiện bản thân. Nhìn lại xã hội Việt Nam ta cũng thấy rõ mọi thành công hay hư hỏng đều có nguồn gốc sâu xa là tư duy có đổi mới kịp tình hình hay không.

Toàn cầu hóa chỉ mới biểu hiện tính hệ thống của thế giới trên phương diện kinh tế, thương mại. Còn có những biểu hiện khác của tính hệ thống của thế giới, nhất là trong quan hệ thiên nhiên - con người mà ta phải chú ý để đối phó kịp thời trong thời đại kinh tế tri thức. Chẳng hạn, tin tức cho biết nếu các nước giàu không thay đổi chính sách phát triển công nghiệp của họ thì tới giữa thế kỷ 21, với mực nước biển dâng cao dần do nhiệt độ quả đất tăng lên bởi hiệu ứng nhà kính, Ai Cập, Việt Nam và Ba Lan sẽ là ba nước bị thiên tai nặng nề nhất. Trước viễn cảnh đó, các nước nghèo không thể khoanh tay ngồi đợi thảm họa đến để rồi kêu gọi sự giúp đỡ nhân đạo

của thế giới mà phải nhanh chóng chủ động thu hẹp khoảng cách trí tuệ với các nước giàu. Chỉ có như thế mới ngăn được xu thế các nước giàu độc quyền phát triển các ngành công nghiệp cao, vừa sạch sẽ vừa thu lời nhiều, sử dụng toàn cầu hóa và khoảng cách số để chuyển tất cả các ngành công nghiệp năng lượng và chế biến ô nhiễm sang cho các nước nghèo hứng chịu hậu quả.

**4.** Trong bối cảnh vừa có sáng có tối, có thuận có nghịch đó ta cần làm gì, cần có những cải cách gì, để mở đường cho xã hội Việt Nam gỡ lại sự chậm trễ thời gian qua, nhanh chóng tiến kịp thế giới trong kỷ nguyên trí tuệ ?

Trước hết và căn bản nhất là phải đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý (thể chế, chính sách, luật pháp, bộ máy). Nói theo thuật ngữ thông tin, đây chính là phần mềm hệ thống để vận hành xã hội. Người Việt Nam thường được coi là thông minh, nhưng đó mới chỉ là thông minh cá nhân, chưa phải thông minh cộng đồng. Ta cũng thường nói dân tộc ta có tiềm năng trí tuệ lớn, nhưng từ lâu chúng ta cứ tự hào mãi về cái tiềm năng ấy mà đất nước vẫn cứ lạc hậu, Việt Nam vẫn thuộc những nước nghèo nhất thế giới, GDP bình quân của Việt Nam mới bằng 1/14 Malaysia, 1/30 Hàn Quốc, tại sao như vậy ? Tại sao cái tiềm năng ấy chưa được phát huy, điều gì ngăn trở giải phóng cái tiềm năng ấy ? Giải đáp nghịch lý này chỉ có một cách trả lời : vì cơ chế quản lý chưa thuận, vì trí tuệ cộng đồng chưa cao, vì cái phần mềm hệ thống còn nhiều trục trặc, vì trí tuệ và tài năng đang bị vướng mắc bởi một cơ chế tự thân mâu thuẫn, thiếu nhất quán. Do đó vấn đề cốt tử là nên tập trung trí tuệ cải cách quản lý, xây dựng một môi trường kinh tế xã hội lành mạnh và thoáng đãng, tự nó khuyến khích mọi sáng kiến chủ động, tự nó phát huy mọi tài năng sáng tạo, đồng thời tự nó hạn chế, loại trừ những yếu tố và xu hướng tiêu cực.

Nhiều thí dụ lịch sử đã cho thấy tầm quan trọng của vấn đề này, tưởng không cần nhắc lại vì ai cũng đã biết rõ :

- Khoảng cách công nghệ giữa Tây Âu và Mỹ những năm 60 không phải do người Mỹ tài giỏi gì hơn mà chủ yếu do cách quản lý của Mỹ thuận lợi hơn cho tài năng nảy nở và phát triển.

- Singapore, Hàn Quốc, Hồng Kông lên nhanh đâu phải vì các dân tộc họ thông minh hơn Việt Nam.

- Ngẫm lại bản thân ta cũng thấy quá rõ : nếu 15 năm trước, Việt Nam không đổi mới thì bây giờ Việt Nam đang ở đâu trên thế giới này ?

**5.** Trong cơ chế quản lý thì bộ phận lạc hậu cần cải cách nhất là quản lý tài chính, tiền tệ và quản lý hành chính. Tài chính tiền tệ là lĩnh vực nhạy cảm nhất trong kinh tế thời nay, còn hành chính là bộ máy trực tiếp hàng ngày với người dân. Riêng đối với chúng ta, có hai căn bệnh kinh niên trầm trọng, mà nếu không khắc phục được thì có bàn tới kinh tế tri thức cũng vô ích :

- Tham nhũng. Chuyện này quá cũ, quá nhàm, nếu cứ tiếp tục cách chống tham nhũng như chúng ta đã làm từ hàng chục năm nay thì có lẽ mười năm nữa tình hình cũng chẳng sáng sủa gì hơn. Cần phải thay đổi cách nhìn, đi sâu vào những nguyên nhân gì đưa đẩy cả một xã hội vốn rất tốt đến chỗ một bộ phận tham nhũng, đối trá xuất hiện ở mọi ngành, mọi nơi. Trong y tế có thời chúng ta đã đề ra một khẩu hiệu cực kỳ sáng suốt : phòng bệnh hơn chữa bệnh. Khẩu hiệu ấy cũng đúng cho mọi lĩnh vực. Chống tham nhũng tất nhiên phải trừng trị

và trừng trị nghiêm, song điều quan trọng hơn là phải phòng tham nhũng, và muốn vậy phải có phương thức quản lý tài chính và chế độ phân phối thu nhập hợp lý. Trong khi tiền lương không đủ sống thì chống tham nhũng thế nào đây ? Do đó, nếu không khẩn trương cải cách quản lý tài chính tiền tệ như các nước văn minh thì mọi cải cách khác đều khó.

- Quan liêu, lãng phí. Chuyện này cũng quá cũ và cũng như tham nhũng, đây là hậu quả không thể tránh của cách quản lý tài chính tiền tệ luộm thuộm, và chế độ lương phi lý, khiến cho các cơ quan hành chính, thay vì phục vụ dân, đã vi phạm quyền làm chủ của dân. Do đó phải coi cải cách hành chính là việc cấp bách để có thể thực hiện thuận lợi các cuộc cải cách khác. Vấn đề chỉ ở chỗ cải cách như thế nào cho có hiệu quả vì sau mấy năm thực hiện, dư luận chung cho rằng chính công tác này cũng chưa làm tốt : chưa ổn, tiêu tốn nhiều tiền của, công sức, thì giờ, mà kết quả chẳng được mấy.

**6.** Nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong điều kiện toàn cầu hóa và kinh tế tri thức phải bắt đầu từ việc nâng cao sức cạnh tranh ở các lĩnh vực công nghiệp thấp và vừa của nông, công nghiệp truyền thống. Tình trạng hiện nay là ngay trong các lĩnh vực này, năng suất lao động của ta quá thấp, không đủ sức cạnh tranh với các nước vì làm ăn kém thông minh, thể hiện ở sự thiếu tính toán hiệu quả, không có tư duy so sánh (mía đường, xi-măng là thí dụ). Ta bản khoản cân nhắc giữa tư nhân hay nhà nước, tập thể hay cá nhân, mà không thấy điều quan trọng hơn là phân phối của cải làm ra sao cho công bằng để kích thích được kinh tế phát triển lành mạnh.

**7.** Phát triển kinh tế tri thức hiển nhiên đòi hỏi phải xây dựng kết cấu hạ tầng thích hợp. Tuy nhiên, đi đôi với kết cấu hạ tầng vật chất kỹ thuật sờ mó được, và hơn nữa có tiền là xây dựng được, phải hết sức chú trọng kết cấu hạ tầng tâm lý xã hội, trước hết là giáo dục và khoa học, là những thứ mà chỉ có tiền thôi cũng chưa đủ để xây dựng tốt.

Chúng ta đã bàn nhiều về giáo dục, đã có nghị quyết T.Ư, đã có luật giáo dục, chẳng còn thiếu thứ gì, mà vẫn ì ạch, tại sao ? Tôi đã có nhiều dịp phát biểu và kiến nghị cụ thể, ở đây chỉ xin nhấn mạnh thêm : muốn tiến nhanh và vững trong thời đại kinh tế tri thức, ưu tiên hàng đầu phải đặt vào việc chấn hưng, cải cách, hiện đại hóa giáo dục, và hơn nữa, phải nhanh chóng tiến tới phổ cập đại học - chứ không chỉ dừng ở trung học cơ sở (THCS) hay trung học phổ thông (THPT). Mới nghe tưởng chừng là một mục tiêu quá xa vời, nhưng suy nghĩ kỹ hơn và nhìn xu thế ở các nước ngay trong khu vực, chứ chưa nói tới các nước tiên tiến trên thế giới, tôi tin rằng đối với Việt Nam không có cách lựa chọn nào khác nếu thật sự muốn vươn lên nhanh bằng con đường trí tuệ. Phổ cập đại học sẽ giải quyết được nạn thất học, nhu cầu học tập chính đáng của nhân dân, sẽ có điều kiện tốt hơn để phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ, mở rộng các cánh cửa vào kinh tế tri thức, đồng thời là biện pháp gián tiếp giải quyết nhiều vấn đề bức xúc : phát triển dân chủ, hạn chế và chống tội phạm, tạo công ăn việc làm ổn định. Câu hỏi đặt ra là : giáo dục THCS và THPT còn chưa xong thì làm sao phổ cập đại học ? Để trả lời câu hỏi đó nên dựa vào kinh nghiệm chống mù chữ và phát triển giáo dục phổ thông ngay trong kháng chiến trước đây. Sự thật là nếu cải tổ giáo dục, sử dụng hợp lý hơn đội ngũ trí thức và thầy giáo các cấp, sửa đổi cách thi cử, tránh được những lãng phí cực kỳ to lớn trong quản lý giáo dục hiện nay, đồng thời tận dụng các thành tựu công nghệ thông tin thời đại Internet thì sẽ đủ khả

năng vật chất đi nhanh đến phổ cập đại học. Tất nhiên có nhiều khó khăn, nhưng chắc không thể khó hơn phát triển giáo dục trong hai cuộc kháng chiến. Mà cần nhớ rằng chính nhờ có người lính, người dân có trình độ học vấn khá cao so với thời kỳ trước đó, mà ta đã đánh thắng được kẻ địch mạnh hơn gấp nhiều lần về vũ khí tối tân. Tôi nghĩ rằng tiến nhanh đến phổ cập đại học là tiếp tục con đường truyền thống đó của kháng chiến.

8. Cuối cùng về khoa học, công nghệ, nên lưu ý những bước chuyển mới của công nghệ đang chuẩn bị hình thành trong vài thập kỷ đầu của thế kỷ 21, cho nên khi phát triển công nghệ phần mềm cần tính đến nguyên tắc quan trọng : muốn đột phá và thành công, nên tránh chen chân vào một thị trường đã ở giai đoạn 2. Chợ sắp tàn mới vào thì không phải là khôn ngoan.

Các nước chung quanh ta đều đã đi trước ta quá xa về sử dụng Internet. Thế mà ngay thư điện tử ở ta cũng còn rất trực trực, giá truy cập rất đắt, kết nối quá chậm, trong khi đó phát triển điện thoại di động có vẻ chạy theo thời thượng hơn là thực chất. Như vậy ngay trong các lĩnh vực này chúng ta cũng chưa tỏ ra trí tuệ cao siêu gì, cho nên tới đây cần phải thay đổi chính sách. Trong lúc đó, Singapore đang có kế hoạch phát triển điện thoại 3G, Hàn Quốc đã có nửa số dân nối mạng Internet, hơn nửa số dân dùng điện thoại di động.

Trong thời đại này, phát minh, sáng tạo đi vào đời sống sâu sắc nhất và có hiệu quả nhất là những phát minh sáng tạo dựa trên tri thức tổng hợp của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, và trong mỗi ngành, là tri thức tổng hợp của nhiều phân ngành, phân lĩnh vực. Hơn bao giờ hết, những bước tiến lớn của khoa học và công nghệ là sản phẩm trí tuệ tập thể của nhiều người, nhiều đơn vị nghiên cứu, nhiều chuyên ngành khác nhau. Vì vậy, việc tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ và việc đào tạo chuyên gia phải đổi mới, chú trọng khuyến khích và tạo khả năng hợp tác liên ngành. Điều này là điểm yếu căn bản của nền khoa học và giáo dục của chúng ta hiện nay, tuy đã được báo động từ nhiều năm nhưng chưa có tiến bộ gì.

Đi vào văn minh số hóa vai trò của khoa học cơ bản nói chung và toán học nói riêng ngày càng quan trọng. Đọc cuốn sách của Gatlin viết về Bill Gates (đã được dịch ra tiếng Việt) sẽ thấy vai trò trung tâm của tư duy toán học trong sự phát triển công nghệ thông tin và nói chung trong cuộc cách mạng số hóa (tất cả những tên tuổi lớn nhất trong lịch sử phát triển công nghệ thông tin đều là nhà toán học : Pascal, Turing, Shannon, Von Neuman). Các cường quốc công nghệ thông tin đều là cường quốc toán học. Những phát minh công nghệ, khoa học lớn nhất đều dính đến toán học, và những lĩnh vực nghiên cứu nóng nhất ngày nay đều sử dụng toán ở trình độ rất cao. Một thí dụ khá tiêu biểu : hãng IBM đã trả lương cho một nhà toán học hàng chục năm chỉ với nhiệm vụ tự do theo đuổi những ý tưởng toán học của mình, nhờ đó ông này đã phát minh ra lý thuyết fractals ngày nay có ứng dụng rộng rãi, chẳng những trong công nghệ thông tin mà cả nhiều lĩnh vực khác, kể cả nghệ thuật. Gần đây, người ta đã nói tới khả năng các máy tính lượng tử có thể xuất hiện trong mười mười lăm năm tới, và cách đây vài năm một nhà toán học khác đã nghĩ ra một thuật toán mà nếu chạy trên máy tính lượng tử có thể bẻ khóa dễ dàng các loại mã an toàn nhất hiện đang sử dụng trong ngân hàng và các ngành hoạt động khác. Khi đó các ứng dụng công nghệ thông tin sẽ bị đảo lộn hết, cho nên các trung tâm toán học đang làm việc căng thẳng để tìm ra những

phương pháp mã hóa an toàn ngay cả đối với máy tính lượng tử. Công nghệ Nano chắc sẽ đưa đến nhiều sự bất ngờ nữa. Ngay trước mắt 5 - 10 năm thì truyền thông không dây sẽ giảm vị trí quan trọng của máy tính cá nhân với những loại chip như Intel đang sản xuất. Trong tình hình khoa học và công nghệ tiến nhanh như vậy, nếu không có cách nào chuyển kịp, chỉ theo thôi cũng hụt hơi chứ đừng nói cạnh tranh nổi với ai trong kinh tế tri thức. Đó là điều mà các nhà chiến lược kinh tế và khoa học Hàn Quốc, Singapore đã ý thức rất rõ qua việc họ đang cố gắng xây dựng những trung tâm khoa học cơ bản trình độ cao ngang tầm quốc tế. Rất rõ ràng thời đại văn minh số hóa cũng là thời đại cần đến tính toán nhiều nhất. Con đường đi tới thịnh vượng vững bền của đất nước không thể rút ngắn bằng cách bỏ qua khoa học cơ bản nói chung, toán học nói riêng. Hơn bao giờ hết cái nguyên lý “ dĩ bất biến ứng vạn biến ” tỏ rõ là một chân lý có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Nhưng nói gì thì nói, để phát triển khoa học, giáo dục được, vấn đề then chốt lại vẫn là cơ chế quản lý, và cách dùng người mà muốn thay đổi những cái này, lại vẫn là phải thay đổi tư duy trước hết. Con người là vốn quý nhất cho nên trong mọi sự lãng phí thì lãng phí tài năng là lớn nhất, tệ hại nhất. Phải khắc phục sự lãng phí đó trước khi bàn tới những điều cao xa.

**Hoàng Tuy**

Văn Nghệ, 4.2001

### Kinh tế tri thức và những vấn đề...

tiếp theo trang 16

Như chúng ta đã biết qua kinh nghiệm nhiều lần, có hai cách trả lời những câu hỏi trên đây :

- Cách thứ nhất : Trả lời dễ dãi, qua loa, mà kết quả là viết thêm một số câu và xóa đi một số câu khác trong các dự thảo chiến lược, kế hoạch và chính sách hiện có. Thực tế, kết quả ấy bằng không.

- Cách thứ hai : Trả lời nghiêm túc, thỏa đáng, có hiệu quả là thực sự nghiên cứu cẩn thận, hoạch định các chính sách điều chỉnh, bổ sung, và khẩn trương chuẩn bị thực hiện.

Công việc này gặp khó khăn nhiều mặt song không có khó khăn nào đến mức hiện nay chưa thể vượt qua.

Có lẽ điều quan trọng có ý nghĩa quyết định ở đây là mang những hiểu biết về nền kinh tế tri thức, những vấn đề đặt ra cho nước ta và những giải pháp dự kiến cho những vấn đề ấy phổ cập một cách sâu rộng nhất đáng tin cậy nhất để nhận được hồi âm của dân tộc ta, thế hệ trẻ của nước ta, từ đó phát huy trong các tầng lớp nhân dân ta một nền văn hóa thích hợp với kinh tế tri thức, nền văn hóa đổi mới và sáng tạo, thực hiện một cuộc tổng động viên mọi nguồn lực của dân tộc, của đất nước vươn lên mạnh mẽ theo hướng hiện đại hóa ấy.

Liệu chúng ta có đủ quyết tâm và có làm được công việc tìm câu trả lời theo cách thứ hai, nghiêm túc, thỏa đáng, có hiệu quả (không câu toản, song phải đạt bước tiến rõ rệt) trong thời gian chừng 1 năm trước mắt không ?

**Trần Việt Phương**

Tạp chí hoạt động khoa học, 9/2001

# TÌNH BẠN, HỒI SINH CƠN HÔN MÊ

Đình Cường

*“ May thay trong đời vừa có tình yêu vừa có tình bạn. Tình bạn thường có khuôn mặt thật hơn tình yêu. Sự bội bạc trong tình bạn cũng có, nhưng không nhiều. Tôi thấy tình bạn quý hơn tình yêu vì tình bạn có khả năng làm hồi sinh một cơn hôn mê và làm phục sinh một cuộc đời tưởng rằng không còn tái tạo được nữa. ”*

(Trịnh Công Sơn).

Tôi và Sơn cùng tuổi Kỷ Mão. Sơn sinh ngày 28 tháng 2 (bốn năm mới có ngày 29). Theo mấy con giáp Tây Phương thì Sơn con Cá, tôi con Cua. Trở thành bạn với nhau năm 20 tuổi. Lúc tôi ra Huế học Mỹ Thuật, năm 1959. Huế là quê ngoại, và nhà thờ Nội tôi cũng ở đây (làng Nam Trung - những người trong Nam ra Huế làm việc dưới triều Nguyễn). Thời gian này, Sơn cũng vừa từ già Sài Gòn, từ già mái trường trung học Chasseloup Laubat (\*) mà Sơn đang học năm cuối, classe philo. Để về Huế sống với gia đình.

Những năm sống tự lập, Sơn kể đã trọ tại nhà bác Kính tại Sài Gòn, là gia đình người bạn thân của ba Sơn. Sau khi ba Sơn mất năm 1954 trong một tai nạn xe, khi đang đi vespa. Sơn kể là hồi nhỏ đã từng vào ở trong tù với ba Sơn ở lao Thừa Phủ thời kháng chiến chống Pháp.

Những tối đi chơi khuya về, Sơn thường rủ tôi ở lại nhà, lúc đó là tiệm Thanh Tâm, bán xe đạp ở Ngã Giữa (đường Gia Long, rồi Phan Bội Châu, nay là Phan Đăng Lưu). Tôi còn nhớ rõ, ở chân cầu thang lên lầu, bên vách, Sơn treo bức hình James Dean thật lớn, hình như Lê Vinh vẽ. Lúc đó, Lê Vinh là họa sĩ vẽ phong xi-nê rất giỏi, không ai vẽ đẹp và nhanh bằng - cả Sài Gòn và Huế.

Má Sơn thường nhường cho chúng tôi ngủ trên chiếc giường Hồng Kông rộng, có bốn cột trụ treo mùng bằng sắt đen, chạm trổ... đêm, cứ nằm nói chuyện bằng quơ, không dứt. Chuyện gì cũng tâm sự. Ngay cả chữ ký cũng hỏi nhau. Tôi còn nhớ, Sơn ký nhiều chữ ký, rồi quyết định chọn chữ có gạch ngang chạy dài trên đầu, hỏi tôi chịu không. Tôi nói, gạch ngang phía trên là cao thượng, chịu chứ. *Sao ông không vẽ thêm con cá vào cho vui.* Thế là Sơn vẽ con cá dưới góc mặt

chữ ký, như cái triện của mình. Sơn chỉ vẽ một nét với cái vòng tròn con cá trước mặt tôi, tôi nói *ông phải thành họa sĩ mới đúng...* Những năm sau này, Sơn thường nói với bạn bè, Sơn vẽ là vì sự kích thích và gắn gũi với những nơi chốn mà tôi đặt atelier. “ *Tôi là khách vãng lai thường trực của atelier Đình Cường. Đêm cũng như ngày. Thế giới tranh của Cường đối với tôi không có gì xa lạ, bởi vì chúng tôi đã cùng sống trong thế giới ấy từ những ngày lòng chửa hể vương bạn về một tiếng thờ dài...*” (Trịnh Công Sơn - Thanh Niên số 47, 21.11.1988).

Chữ ký có gạch ngang kéo dài trên đầu và con cá, biểu trưng cho tuổi Sơn, đã theo Sơn suốt từ những sáng tác nhạc, tranh và trên thư từ gửi cho bạn bè. Cho đến gần mười năm sau cùng, Sơn mới đổi chữ ký, bỏ gạch ngang. Ký ba chữ với ba chữ hoa ở đầu, lên xuống tùy theo tâm trạng... “ *Trong từng giọng nói có màu tàn phai*”, nghe Sơn hát đến câu này khi nào tôi cũng thấy rung rung, và tôi hay nói với Sơn “ *có nghe đời nghiêng* ”.

Đời mới nghiêng thôi mà Sơn đã rơi xuống vực... “ *Con diều rơi cho vực thẳm buồn theo*”. Vực thẳm là tôi, đang âm thầm khóc bạn. Tôi cứ ngồi nhìn qua cửa sổ, khu rừng đằng sau nhà mà nhớ lại bao nhiêu kỷ niệm... “ *Giữa cuộc đời điên đảo này đây, tôi chỉ còn sống trong vùng kỷ niệm. Lạ lùng thay cho phần số tôi : quân bình giữa cuộc đời này và một cõi đời khác, giữa ranh giới những gì đã qua và những cái nhãn tiền.*” (Paul Klee).

Kỷ niệm đã ghi dấu trên từng năm tháng, từng chặng đường. Còn để lại gì .

## THỜI XUÂN XANH

Khi tôi ra Huế, thì đã nghe “ ba Sơn, ba Hải, ba Hà ”, các bạn hay gọi nhau như vậy. Đó là Trịnh Công Sơn, Thanh Hải và Hà Thanh (không phải Thanh Hải hát nhạc Sơn sau này, hiện sống ở Đức). Ba người bạn đã đàn ca với nhau rất sớm, bằng tất cả tấm lòng say mê âm nhạc thuở xuân xanh. Năm 1957, Hà Thanh đã hát trên đài Phát Thanh Huế. Sơn sáng tác những bản nhạc đầu tay và Thanh Hải thì đàn guitare rất bay bướm, hay biểu diễn cho bạn bè xem, đàn ở nhiều vị thế ... Thời đó còn có Đặng Nho thổi clarinette. Hà Thanh là ca sĩ đầu tiên bạn của Sơn và hát nhạc Sơn. Hà có nhiều em gái, Ph. Th. là đẹp nhất. Sơn ngỡ đó là mối tình đầu của mình. Đã ghi trong “ *Nhật Ký tuổi 30* ” - “ *Thời gian mơ ước được làm người lớn cũng là thời gian của mối tình đầu tiên. Cũng là thời gian được yêu và được nhìn người yêu mình đi lấy chồng. Cuộc tình duyên không cân xứng về tuổi tác nhưng cân xứng về danh vọng và nhan sắc. Điều này đã trở thành cổ điển và không gây thêm được một chút ngạc nhiên nào trong xã hội nhỏ của thành phố. Tuy thế, riêng tôi, là một thất vọng không lường được. Sau đó là những mối tình khác nhau nhưng tôi vẫn khó xóa được mặc cảm (tuy càng ngày càng mỏng dần trong tôi) đối với thành phố này ...*” (Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 8.4.2001).

Đúng là các gia đình Huế thường chọn môn đăng hộ đối, để ý đến bằng cấp khi cưới hỏi cho con. Đạo ấy, Sơn thường rủ tôi đến nhà Hà Thanh ở đường Huyền Trân Công Chúa. Trước mặt nhà là dòng sông Bến Ngự, khúc sông gần nhà ga và trường dòng Pellerin. Nhớ là tôi có đem đến tặng Hà Thanh bức tranh vẽ cô gái ngồi trước biển với con dã tràng đỏ, mà Hà

(\*) thật ra thì lúc đó tên trường đã đổi thành □Jean Jacques

Thanh cứ cười : “ *cổ con gái chi mà dài ngoằn ríu* ” - cái thời mẹ Modigliani mà .

Tháng 4 vừa qua, sau hai tuần Sơn mất, bạn bè ở Washington D.C. làm lễ cầu siêu cho Sơn tại chùa Hoa Nghiêm. Cách một tuần sau, Hà Thanh từ Boston lên hát cho ngày lễ Phật đản. Tôi và Hà cùng nhắc lại những ngày xa xưa ấy..., mà “ *Nắng Thủy Tinh* ”, “ *Nhìn Những Mùa Thu Đi* ”, “ *Gọi Tên Bốn Mùa* ” là cảm hứng từ một vẻ đẹp thánh thiện “ *em đứng lên gọi mưa vào hạ...*”, để rồi sau đó Ph. Th. đi lấy chồng, là một viện trưởng viện đại Học Huế , rồi Bộ Trưởng Giáo Dục... Sau năm 1975, ở trại cải tạo về, một thời gian thì mất. Ph. Th. ở vậy cho đến nay tại Boston. Là một phụ nữ Huế đoan trang, đức hạnh.

## MỐI ĐỒNG CẢM NGHỆ THUẬT

Năm 1958, Trịnh Cung từ Nha Trang ra Huế học Mỹ Thuật. Làm thơ với bút hiệu Thương Nguyệt, trong nhóm bạn thơ Nha Trang, với Thanh Nhung, Cao Hoàn Nhân. Những bài thơ tình đầy sương khói Huế.

Sơn đã phổ nhạc bài thơ 4 chữ “ *Cuối Cùng Cho Một Tình Yêu* ” của Trịnh Cung, và sửa câu cuối. “ *Lời ca anh nhỏ, nỗi buồn hôm nay* ” thành “ *nỗi lòng anh đây* ”. Sơn nói, “ *nỗi buồn hôm nay* ” có vẻ thời thượng quá. Thật vậy, câu Sơn sửa trong nhạc nghe thật hơn, hay hơn. Sau đó in trong tập nhạc Sơn tự chép tay 1968.

Nguyễn văn Liễu (tên thật) và Thương Nguyệt đã thành Trịnh Cung từ đó.

Tôi về Huế sau Trịnh Cung một năm. Và đã thuê chung với Trịnh Cung nhà ở đường Nguyễn thị Giang, chợ Cống. Căn nhà giữa đồng lúa hoang vắng. Chúng tôi đã vẽ với tất cả “ *cuồng nộ sáng tạo* ”. Những bức tranh cực kỳ lãng mạn của thời xanh lam. Năm 1962, Trịnh Cung ra trường, về lại Nha Trang rồi vào Sài Gòn làm việc. Sau đó nhập ngũ...

Tôi, Sơn, Hoàng Phủ Ngọc Tường càng ngày càng thân nhau hơn. Tường đã viết những bài ký kể về một “ *Tuyệt Tình Cốc* ” (Ngọn Núi ảo ảnh - Thanh Niên 1999). Đó là một căn nhà lá thấp, xưa cổ của ba mẹ Tường trong xóm. Nơi tôi và Tường ở trong sự tịch lặng, thảnh thơi bạn bè thân thiết đến chơi, cũng là nơi để tiếp những bạn ở xa về . Như lần tiếp Thế Uyên từ Sài Gòn ra (Thế Uyên lúc đó là nhà văn đang ở trong quân đội, bạn Tường). Sơn đã hát, đã trao đổi những suy nghĩ về một cuộc chiến... Tường đã viết về những ngày Đà Lạt trong mùa lễ Giáng Sinh đáng nhớ nhất của chúng tôi, lần tôi và Sơn đang ở cùng nhau trên cao nguyên một thời gian dài. Thời Sơn dạy học ở Blao. Xe đồ thoải đi về giữa Blao, Đà Lạt, Đơn Dương... quá thơ mộng và giang hồ. “ *Những chuyến xe đồ thoải đi về, nổi lên tiếng chim cao nguyên với loài hải âu vùng biển. Rồi lời sóng chưa kịp tan đã vội vàng nghe ra điệu suối. Kỳ thú như một con gió lảnh loàn...*” (TCS, Thanh Niên, 21.11.1998).

“ *Đà Lạt, Noël 1965 và Đình Cường* ” (Thanh Niên, xuân 1993), và “ *Căn Nhà của Những Gã Lang Thang* ” (Thanh Niên, xuân Tân Tỵ 2001), nói về căn nhà nơi Sơn đã ở, có những hàng cây long não mà Sơn đã gửi hồn mình trên những phiến lá ánh bạc mỗi lần ra đứng ngoài bao lơn , nhìn xuống chờ D. đi ngang qua.

Tôi kể lại cũng không bằng Tường. Tường là người bạn một thời tôi gần gũi, tôi hiểu, một người chỉ thích :

*Mùa xuân lên đồi cỏ thơm  
Mùa hạ nhìn trời mây khói*

(Dù Năm Dù Tháng, Người Hái Hoa Phù Dung, thơ, nxb HNV 1992).

Một người yêu sự mong manh của hoa phù dung, nhớ hoài một màu hoa violette. Luôn giữ tình cảm lãng mạn thuần khiết với đời, với bạn . Mà cứ mãi gặp những oan khiên, hiểu lầm, gán ghép...

Mọi biến cố ở Huế, đều có tôi và Sơn. Từ mùa xuân Mậu Thân 1968. Lúc đó gia đình tôi tản cư về Hồ Mung, còn gia đình Sơn vào trú trong thư viện Viện đại Học. Sau cái Tết thảm khốc đó, Sơn làm nhiều ca khúc gây những xúc động mạnh (“ *Chiều đi qua Bãi Dâu, hát trên những xác người.* ”) Bãi Dâu, cái tên nghe đã rờn rợn của những hố hầm chôn người... của bao nhiêu vành khăn tang trắng. Rồi mùa hè đỏ lửa 1972, những ngày trước tháng 4.1975... Huế đi tản...

Lần nào Sơn cũng cùng chung lo cho gia đình bạn bè có phương tiện di tản. Nhờ anh Hồ Đăng Lễ đang làm trưởng khu công chánh, giúp cho xe chuyên chở. Việc dựng tượng cụ Phan Bội Châu, Sơn cũng nhờ anh Lễ , khi Lê Thành Nhơn đưa ra ý kiến làm và đúc tượng đồng. Vì Huế còn có Phường đúc, nơi đúc đồng nổi tiếng còn lại. Nhơn ra Huế dạy điều khác, có nhiều tâm huyết. Anh Lễ đã xoay xử vật liệu, tài chánh ban đầu để có thể khởi công. Rong rã nhiều tháng, bao nhiêu công sức. Có lúc phải dở dang vì thiếu phương tiện. Sau cùng cũng hoàn thành. Tượng đúc đồng để mãi tại Phường đúc, đến sau tháng 4.1975, nhiều tiếng nói đóng góp vào, tượng được đem về dựng tại nhà thờ cụ Phan Bội Châu tại Bến Ngự.

Nhắc đến Lê Thành Nhơn, cũng là nhắc đến căn nhà 101 Nguyễn Du, nơi Nhơn ở. Những ngày trước tháng 4.75, Sơn đã đem nhiều thùng sách nhạc mới in xong đến gửi đó. Sơn và Nguyễn Trung có những ngày ở luôn tại đó. Những ngày đầu giải phóng, Sơn đến tìm lấy lại những thùng sách nhạc, thì thấy la liệt trước sân, bị lấy làm vật lấp những vũng bùn. Úa lẹ thay, những ngày đầu của thanh lọc văn hóa. Tranh của chúng tôi còn lại, tại Dolce Vita, gallery nhỏ thuộc khách sạn Continental, cũng bị xe ba gác chở đi vất.

## HUẾ, NHÓM BẠN MỘT THỜI, MÃI MÃI

Ban đầu là Sơn, Tường và tôi. Sau có thêm Ngô Kha và Bửu Ý. Tường sau khi làm luận án cao học Triết, đại học Văn Khoa Sài Gòn (giáo sư Nguyễn Văn Trung bảo trợ), về dạy triết trường Đồng Khánh. Ngô Kha sau khi tốt nghiệp đại học sư phạm khóa đầu tiên của đại học Huế (1959), dạy tại Quốc Học. Kha lấy thêm cử nhân Luật (1962). Bửu Ý thì làm trưởng khoa Pháp văn, đại học sư phạm Huế. Chúng tôi thường nói với nhau : có nhạc, có triết, có họa, nay có thơ và dịch thuật nữa thì còn gì hơn. Thật vậy, với tình bạn, với say mê văn chương nghệ thuật, bổ sung cho nhau những kiến thức, chúng tôi đã một thời làm việc đầy hưng phấn. Ngô Kha cho in “ *Hoa Cô độc* ”, do Rừng vẽ bìa 1962, gây luồng gió mới cho thơ. Bửu Ý dịch “ *Vườn đá Tảng* ” của Nikos Kazantzakis, “ *Con Lừa Và Tôi* ” của Ramon Rimenez rất thơ mộng. Tường say

sua với siêu hình học. Còn Sơn và tôi với những quả chín đầu mùa : “ *Diễm Xưa* ” của Sơn, và “ *Miền Lệ Xanh* ” của tôi, được chọn dự triển lãm lưỡng niên họa sĩ trẻ tại Paris, 1962.

Ngô Kha bị công an Huế bắt và bị chết ngay sau khi hiệp định Paris vừa được ký kết 1973 (đến nay vẫn chưa biết đích xác bị chết như thế nào, chưa tìm ra dấu tích).

Thời gian này có thêm Bửu Chỉ. “...*Trong những năm chiến tranh ác liệt nhất ở miền Nam, nếu ở địa hạt âm nhạc tôi viết những ca khúc phản chiến và khát vọng hoà bình, thì ở phía hội họa, họa sĩ Bửu Chỉ gần như là người duy nhất vẽ rất nhiều về đề tài chiến tranh và hoà bình. Anh nổi tiếng vào thời ấy với những tranh nhỏ trên giấy vẽ bằng bút sắt với mực đen...*” (TCS, Bửu Chỉ Một Cuộc Truy Hoan Vô Tận Về Cõi Vô Thường).

Không khí bạn bè lúc ấy, phải kể anh chị Đỗ Long Vân, từ Pháp về. Anh Đỗ Long Vân từ đại học Sorbonne về dạy đại học Văn Khoa Huế. Đêm nào chúng tôi cũng cùng anh chị Vân, Quỳnh đạp xe đạp vào cà phê Dung trong thành nội, ngồi nói chuyện với nhau cho đến khuya. Hai người bạn ngoại quốc nữa là Christian Cauro, dạy đại học Văn Khoa, và bác sĩ Eric Wulff, dạy đại học Y Khoa... Cauro và Wulff hiện ở Paris và ở Đức, vẫn liên lạc với chúng tôi, tình nghĩa như xưa...

## VÀI NGƯỜI BẠN GÁI CỦA SƠN MÀ TÔI BIẾT.

Trở thành bạn thân thiết chung của chúng tôi sau đó. Cho đến nay, Tôn Nữ Bích Kh. trong “ *Biển Nhớ* ” còn ở Nha Trang, tôi có lần ghé thăm. Hai chị em Bích D., và Dao A., ở California, trong “ *Diễm Xưa* ” và “ *Xin Trả Nợ Người* ”. Tháng cuối cùng trước khi Sơn mất, Dao A. về thăm, suốt tuần sáng nào A. cũng đến ngồi trên chiếc xe lăn của Sơn, chỉ còn biết nhìn Sơn, cho đến chiều tối mới về nhà. Chúng tôi thường đùa với Sơn : “ D. xưa, A. nay ”. Đạo đó, nhà Sơn dọn về ở khu nhà mới xây của Dòng Chúa Cứu Thế, 11/3 Nguyễn Trường Tộ. Địa chỉ của Sơn cho đến sau 75. Hiện nay gia đình Hoàng Phủ Ngọc Tường đang ở : “...*Hình như trong mỗi góc đây bóng tối của căn nhà này, trên chiếc bàn viết gỗ mục của Sơn để lại, và trong chiếc ghế bằng sợi mây hều to của Cường thường ngày vẫn ngồi vẽ, đều dậy lên mùi hương lặng lẽ của tuổi trẻ chúng tôi.* ” (HPNT- Căn Nhà của Những Gã Lang Thang - Thanh Niên, xuân 2001).

Căn nhà mang nhiều kỷ niệm của Sơn, nhất là tháng ngày sau giải phóng. Khi cả gia đình Sơn đã ở tại căn nhà mới xây không lâu trước 75, 47C Duy Tân, nay là Phạm Ngọc Thạch, Sài Gòn. Sơn trở lại Huế một mình với bạn bè, sống những ngày đầu sau giải phóng, còn biết bao khó khăn, nghi kỵ. Sơn vào sinh hoạt tại hội Văn Nghệ Bình Trị Thiên, thường đi lao động chung cùng Bửu Chỉ, khi tại Huế, khi tại Quảng Trị (không hề đi cải tạo hay kinh tế mới ở Khe Sanh như nhiều tin đã viết).

Mỗi đêm, chúng tôi vẫn đến nhà cùng Sơn uống rượu, Lữ Quỳnh và tôi ở trong Thành Nội, đạp xe qua Sơn, Quỳnh thường lấy chai đi mua rượu để (chai mua hôm trước, hôm sau đến đổi lấy chai mới về). Phần lớn là rượu dỏm, vì khan hiếm gạo nếp... còn nghe nói bỏ cả thuốc rây vào cho trong. Ôi, một thời của những buổi rượu độc hại như thế, mà quây quần và

nói cười, vẽ chân dung bạn bè treo đầy tường, nhất là Bửu Chỉ. Phải kể đến người bạn mới quen sau 75 mà chúng tôi rất quý mến : Thái Bá Văn, người viết phê bình nghệ thuật được các họa sĩ nể trọng. Vân mất trước Sơn hai năm, cũng vào tháng 4. Vân đã viết : “...*Riêng tôi, mãi sau khi miền Nam giải phóng, nhờ những chuyện dạy học ở Huế, 1978-1981, tôi mới được gần Trịnh Công Sơn, trên căn nhà nhỏ đường Nguyễn Trường Tộ, đầy kỷ niệm với bạn bè trong đó. Niềm an ủi ấy là của hàng triệu người đã khuất, dành cho chúng tôi, và mỗi lần nhớ lại, chúng tôi đều thấm rơi nước mắt.* ” ( Thái Bá Văn - Tiếp Xúc Với Nghệ Thuật , Viện MTVN 1997).

Chính tại căn nhà này Sơn đã viết bài “ *Diễm Xưa* ”, ghi một dấu mốc cho ca từ đầy chất huyền thoại của Sơn “...*Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau* ”. Có lần Sơn bắt gặp một nhánh hoa sấu đông tím cắm trước cửa sổ nhà. Mà còn ai, ngoài cô gái mỗi ngày vẫn đi học ngang qua đó. Tất nhiên là Sơn kể cho tôi ngay với nhiều xúc động. Và, Sơn đã bạo dạn một lần, nhờ tôi đi cùng , qua thăm D., nhà bên kia sông, qua cầu Phú Cam, rẽ mặt, đi một đoạn đường Phan Chu Trinh... Lúc này, tôi cũng đã thuê phòng trọ trong con hẻm đá gần nhà D. và nhà Túy Hồng (chị dạy Việt văn trường trung học Hàm Nghi, đã viết truyện ngắn đăng ở Bách Khoa, gây chú ý nhiều độc giả). Tường về đó ở chung cùng tôi để đi dạy gần hơn. Tôi còn nhớ nét mặt nghiêm của ông cụ D. , giáo sư Pháp văn trường Đồng Khánh. Ông cụ đã nhìn chúng tôi bằng đôi mắt nghi kỵ, nhất là Sơn, tóc dài, có râu thưa thưa dưới cằm. Nhưng đã liêu thì phải chịu trận. Lúc D. đưa chúng tôi ra cổng, cổng sân là hai liếp cửa gỗ thấp. Còn nhớ rõ là lúc đó, em gái D., còn nhỏ lắm, chạy theo ra nhìn Sơn. Ai ngờ sau này Sơn đã da diết với cái dáng vẻ khoan thai, áo lụa vàng của A. , để rồi, thất vọng, để rồi... hai mươi năm sau mới được : “...*Hai mươi năm em trả lại rồi. Trả nợ một đời xa vắng vòng tay ...*”.

“ *Biển Nhớ* ”, hay bóng dáng của Bích K.. Là một giai đoạn ngắn, vì hoàn cảnh và thời cuộc lúc đó. Sơn vào Qui Nhơn nấp dưới bóng trường Sư Phạm. Hè 1962, tôi vào thăm Sơn vì Sơn ở lại, không về Huế. Đêm nào Sơn cũng rủ Bích K. cùng tôi ra biển ngồi đến khuya. Bích K. từ Nha Trang ra Qui Nhơn học, cùng lớp, hay săn sóc cho Sơn, lúc ấy chỉ thấy khi nào Sơn cũng mặc chiếc áo chemise kaki vàng. K. thường đem cà phê đến tặng Sơn. Chúng tôi đã ngồi uống cà phê với nhau dưới mái quán thấp ven biển lợp bằng lá kê. “ *Biển Nhớ* ” là cảm hứng từ muôn vàn đợt sóng lấp lánh trong những đêm khuya khoáng ấy, mà Sơn đã kéo cao cổ áo, chọt rùng mình, rồi có một ngày sẽ xa những dấu chân trên cát, có còn “ *trời cao níu bước Sơn Khê ...*”. Thời Qui Nhơn này của Sơn phải kể đến “ *Trường Ca Tiếng Hát Dã Tràng* ”, mà hè 1964, trong lễ ra trường, Sơn đã dàn dựng cùng bạn bè hát rất thành công. Sơn đã chép tặng tôi mấy trang bản trường ca này. Tôi đem về, dán đầy các ô cửa kính. Tiếc là bây giờ thất lạc, không tìm lại được.

Nhắc đến Sơn - Khê, Sơn hay ghép tên bạn gái vào lời nhạc của mình một cách hồn nhiên như vậy. Như sau này, một cô gái bình thường, có sắc đẹp quyến rũ, ở cạnh nhà Tôn Thất Văn, làng Báo Chí, Thủ Đức. Tôn Thất Văn là họa sĩ vẽ tranh lụa nổi tiếng, bạn thân của chúng tôi. Tuần nào chúng tôi cũng về nhà Văn uống rượu. Sơn đi chiếc xe PC màu vàng cam ...

“ *Cây sẽ cho Lộc và cây sẽ cho hoa.* ” Lộc là cô láng giềng của Văn mà Sơn đã si tình.

Cũng như “ *Bóng hồng ơi* ” sau này của Sơn. Bóng là tên gọi ở nhà của Hồng Nhung :

*Ngày Bóng Mẹ hồng  
Nhẹ quá tơ tằm  
Lay nhẹ bóng hồng hồng  
Lay nhẹ đóa Hồng Nhung.*

Và còn nữa, Quỳnh H. của “ *nụ cười khúc khích trên lưng* ”, Chu Nguyệt Ng., mà chúng tôi đã sửa soạn đi ăn cưới , Michiko, cô gái Nhật rất thương Sơn, chơi bóng rổ giỏi, đã làm luận án về nhạc Sơn tại đại học Sorbonne, Paris...

## ĐÀ LẠT MÙ SƯƠNG 1965

Là những tháng ngày sương khói, lãng đãng nhất. Hình ảnh phải ghi lại kẻ quên, là chiếc khoen tai lớn với mái tóc dài, đang băng qua đồi Cù. Phùng thị L. , hình ảnh của “ *Như Cánh Vạc Bay* ” :

*Gió sẽ mừng vì tóc em bay  
Cho mây hôn ngủ quên trên vai  
Vai em gầy guộc nhỏ  
Như cánh vạc về chốn xa xôi...*

mà tôi đã gặp lại bên này, khi đến Canada, về thăm Ottawa.

“ *Tóc gió thổi bay* ” như một âm hưởng của nhạc Sơn khởi đi từ Đà Lạt. Như “ *Đàn Bò Vào Thành Phố* ” khởi đi từ B’lao.

Sau triển lãm tranh một mình đầu tiên ở Huế, rồi Đà Nẵng, Noël 1965 triển lãm tại Alliance Francaise, Đà Lạt. Nơi nào Sơn cũng ở bên tôi . Thời gian này Sơn gặp Khánh Ly, mới hát ở Night Club Đà Lạt. Sau đó về hát với Sơn ở sân trường Văn Khoa, Quán Văn, Sài Gòn, được sinh viên nồng nhiệt tán thưởng.

Đà Lạt, căn phòng tôi thuê ở đường Hoa Hồng. Những chiều chúng tôi thường ra Kiosque cô Ba, gần hồ Xuân Hương, uống bia. Sơn giới thiệu tôi với cô Ba, tôi làm nghề sửa xe, vì tay chân lem luốc sơn màu. Cô Ba thấy chúng tôi còn trẻ, mà chiều nào cũng ra quán ngồi, thắc mắc lắm. Sau đó, khi bày tranh, Sơn nói tôi mời cô Ba đến dự. Lúc đó cô mới ưu đãi chúng tôi hơn nữa. Uống bia nửa giá...

Những đêm khuya Đà Lạt, lúc đó Nguyễn Xuân Thiệp, trung úy, mới nhận chức trưởng đài phát thanh quân đội Đà Lạt, có chiếc jeep, cứ tối xuống là cùng nhau uống rượu, khuya về, lái xe cứ lòng vòng vì say...

Bên cạnh Sơn, còn có em Sơn, Trịnh Xuân Tịnh. Thời ở Đà Lạt, Tịnh là người gần gũi, chăm sóc cho Sơn, lo in và phát hành nhạc, từ những bản nhạc rời cho đến in thành tập. Thời gian đầu tiên đó, tôi luôn vẽ bìa cho Sơn và được “ nổi tiếng lây ”, khi tờ Le Monde, tờ báo lớn và uy tín của Pháp, có bài của Pomonti viết về Sơn, in kèm cái dessin tôi vẽ Sơn rất kỹ bằng bút sắt, trong tập ca khúc đầu tiên của Sơn được in ra, rất đẹp, nhà xuất bản An Tiêm. Tô Thùy Yên viết bài giới thiệu. Chắc Tịnh không quên được cái đêm Sơn và Tịnh vợ hết tiền của anh em khi Sơn và Tịnh đánh xì tẩy trắng, lặn tiền dày cộm trong áo, đi giữa khuya Đà Lạt. Sơn chơi binh xập xám và xì tẩy chì lắm.

## TRỞ LẠI SÀI GÒN, THỜI □ CẬU □

Còn non choẹt lúc đó, mà đêm nào chúng tôi cũng vào dancing Tự Do, được tài-pán Cường lúc nào cũng ngả người “ chào cậu ” và luôn dành cho cái bàn nhỏ trên lầu. Sơn nhảy bebop bay bướm và thích nhất điệu này. Những đêm đi phòng trà thường có cả Trịnh Cung, lúc đó, đang thuê căn phòng trong khu phố sau chợ Trương Minh Giảng, cạnh phòng Huy Cường, tài tử xi-nê đang ăn khách. Có những đêm tôi và Sơn lên Trịnh Cung chơi, vì hết tiền. Đang ngồi lơ mơ với nhau, đã khuya, mà có người gõ cửa mua tranh. Cung bán được tám tranh, chúng tôi lại xuống phố...

Sơn có những cuộc si tình kỳ lạ. Kỷ niệm si tình đáng nhớ nhất, là không biết Sơn mua chiếc nhẫn bằng platine bạc lúc nào, đeo ở ngón tay. Đêm đó, sau khi nhảy xong - thường là với Dung và Thanh Thúy Tàu (vì cô lai Tàu, và để phân biệt với ca sĩ Thanh Thúy), Sơn nói là có món quà tặng Thúy, chốc nữa về sẽ trao. Khi ra khỏi cửa phòng trà, giữa khuya, đi một đoạn đường Tự Do, thì Sơn nói Thanh Thúy nhắm mắt lại, Sơn lấy chiếc nhẫn đeo vào ngón tay đeo nhẫn cưới của Thanh Thúy, làm Thanh Thúy cảm động, bỏ chạy tới trước, chiếc robe trắng tung bay trong phố khuya...

Đêm trên phố khuya ấy là một kỷ niệm đẹp. Trong chúng ta, ai mà không có những góc phố kỷ niệm :

*Niu vai phố rộng xin về  
Với cây gió trúc với hè nắng rưng*

(Bùi Giáng)

Với Sơn thì :

*Về trên phố cao nguyên ngồi  
Tiếng gà trưa gáy khan bên đồi*

như còn nghe rõ “ *ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì* ” của chúng tôi trên phố Blao, Đon Dương, Đà Lạt ...

Năm 1965, có lẽ là năm tháng đáng ghi nhớ nhất của tôi và Sơn. Sơn được các bạn ở Sài Gòn tổ chức buổi ra mắt đầu tiên trước quần chúng tại khu đất trống sau lưng trường Văn Khoa Sài Gòn cũ (nay là Thư Viện Quốc Gia). “ *...Với tôi, đây là buổi thử nghiệm xem mình có thể tồn tại trong lòng quần chúng được không. Trước mặt đám đông đến mấy nghìn người gần đủ thành phần văn nghệ sĩ, trí thức, học sinh, sinh viên, tôi cảm thấy mình quá trở trối và đầy lo âu trên bục gỗ với cây đàn guitare dưới ánh sáng đèn... Buổi hát đã để lại một ấn tượng khá tốt đẹp cho người trình bày lẫn người nghe...* ” (TCS) Còn tôi có cuộc bày tranh Noël ở Đà Lạt với đồng bạn bè lên dự, có cả Phạm Duy, Nguyễn Văn Trung, Đỗ Long Vân, Tôn Nữ Kim Phượng, Christian Cauro... Tôi, Sơn và Tường không còn gì hạnh phúc hơn tình bạn... Phòng tranh này tôi để tặng Tuyết Nhung...

## THỜI GIAN XA BẠN

Tôi có 15 năm sau giải phóng, còn ở lại cùng Sơn. Sài Gòn - Huế - Hà Nội. Cùng gặp những người bạn vong niên rất quý : Nguyễn Tuấn, Văn Cao, Bùi Xuân Phái, Hoàng Cầm, Quang Dũng, Phùng Quán, Thái Bá Vân... Các anh Tuấn và Văn Cao thân thiết với Sơn nhất. Đến chơi với Sơn cũng là đến với bạn bè Sơn, vì lần nào Sơn cũng gọi chúng tôi đến cùng uống rượu. Sơn và Văn Cao có dáng dấp giống nhau. Người gầy, hai bàn

tay ngón dài tài hoa. Thơ, nhạc, vẽ đều tài hoa. Hoàng Ngọc Hiến đã tiến cử một bài thơ tình hay nhất của thế kỷ, nhân một nhóm những người yêu thơ yêu cầu, đó là lời của bài nhạc “*Đêm Thấy Ta Là Thác Đổ*”. Tôi cũng đồng ý như vậy. Mấy năm ở Sài Gòn, tôi có vẽ bức sơn dầu “*Bỏ Tôi Đứng Bên Đồi Kia*”, cảm xúc từ mấy câu của Sơn :

*Lòng tôi có đôi lần khép cửa  
Rồi bên vết thương tôi quỳ  
Vì em đã mang lời khấn nhỏ  
Bỏ tôi đứng bên đồi kia.*

Sau đó bán cho người khách đem về Nhật. Tháng trước khi Sơn mất, tôi còn gọi điện thoại về đùa với Sơn : Hoàng Ngọc Hiến bình chọn ông có bài thơ tình hay nhất thế kỷ, bây giờ mình sẽ bình chọn ông là người vẽ hay nhất của thế kỷ. Sơn cười khoái chí, nói, đừng nói vậy mà người ta ghét. Sơn sợ người ta ghét lắm. Vì Sơn chẳng ghét ai bao giờ. Thầy kệ (không phải thôi kệ) là chữ Sơn hay nói khi có ai xấu với mình...

Tôi cùng gia đình qua Mỹ cuối năm 1989. Những ngày đầu năm 1990, Sơn đã viết thư chia sẻ với tôi những lo toan lúc ban đầu khi đến Salt Lake city, tiểu bang Utah : “*Mình nghĩ ban đầu có khó khăn, nhưng dần dà rồi đầu cũng vào đấy cả. Lẽ ra cái tuổi bọn mình, phải bắt đầu nhàn thì bây giờ chỉ mới khởi công. Cũng gay go thật. Chúc tất cả hãy can đảm và thiên trước mọi cảnh đời đa đoan phức tạp*” (trích thư Sơn, 5.3.1990).

Hai năm sau, đang nhớ bạn, thì Sơn nhắn, sẽ qua Montreal, Canada thăm gia đình các em. Lúc đó là tháng 3.1992, Canada còn tuyết nhiều. Tôi qua thăm Sơn ngay, có gặp cả Khánh Ly. Lại suốt ngày lang thang ở phố thị, St. Laurent, Duluth, ... Sơn cứ chỉ bảng số xe của Canada có hàng chữ “*Je Me Souviens*” mà nói : thành phố này có tình. Có đêm vào quán nhạc Jazz nổi tiếng vừa uống rượu vừa nghe đàn. Tôi vẫn mê tiếng đàn trầm contrebasse. Sơn thì saxophone. Sau đó về nhà ngồi uống rượu tiếp đến 2, 3 giờ sáng và vẽ. Sơn thích vẽ trong những lúc thấm rượu và khuya khoát như thế. Lần đó Sơn hát cho tôi nghe “*Tôi Ở Đỉnh Tuyết Vọng*”. Tôi thật sự xúc động, khi nghe câu : “*Con diều rơi cho vệt thảm buồn theo*”. Tôi cứ thâm hát cùng Sơn câu này. Nét phóng bút của lời nhạc Sơn chép tặng tôi, vẫn treo trên cánh cửa từ ngày Montreal về cho đến nay, mới đó mà đã gần 10 năm.

## HỘI HOA, GIẤC MỘNG KHÔNG BỜ BẾN CỦA SƠN

Đến với nhạc Sơn là đến bằng linh cảm, bởi vì tâm hồn Sơn là một tâm hồn nhạy bén không cùng, với hội họa cũng vậy. Sơn cũng vẽ dễ như nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát nói : “*Trình Công Sơn viết dễ như lấy chữ từ trong túi ra*”.

Không gian tranh của Sơn bao giờ cũng dờ dang, nhưng lại đầy tinh khiết, sáng tạo : “*Nghệ thuật dạy cho tôi biết biên giới của hữu hạn và sự vô cùng. Riêng trong hội họa tôi còn bắt gặp thêm cái không bờ bến của một giấc mộng tự do tinh thần.*” Sơn phát biểu như một tuyên ngôn nghệ thuật. Tranh Sơn thanh thoát đến hư tưởng. Người xem thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, khác với những “*lời ca thơ*” đầy nước mắt của Sơn “*tôi không thể phân biệt được nước mắt với âm nhạc*” (Nietzsche).

Những hình thể mảng màu trong tranh xếp đặt ngộ nghĩnh

và đầy suy tính, lại rất đúng với nguyên lý của nghệ thuật mới. Những họa sĩ chuyên nghiệp đôi lúc cũng ngỡ tay, khó bóp méo hình thể và sắp xếp không gian được như vậy.

Sơn rất giỏi về nắm bắt những nét đặc trưng khi vẽ chân dung, nhất là chân dung những người bạn thân thiết. Sơn vẽ nhiều chân dung Văn Cao rất đẹp. Lột tả được nét tinh tế trên từng khuôn mặt. Chân dung thiếu nữ như chân dung Linh Đan, chân dung M., là những bức tranh đẹp nhất của Sơn.

Nguyễn Trung đã viết “*hôm nay chúng ta nói về Trịnh Công Sơn họa sĩ. Michel Ragon, nhà lý thuyết người bình vực nghệ thuật mới, nghệ thuật trừu tượng, có viết rằng trong thời đại chúng ta, không còn những họa sĩ vẽ chơi (peintre du dimanche) nữa. Rất đúng với Trịnh Công Sơn. Anh mới vẽ một vài năm nay và đã trở thành họa sĩ thực thụ*” (phòng tranh ĐC, ĐQE, TCS, Sự Phối Hợp Thú Vị Của Ba Tính Chất Khác Nhau, Tuổi Trẻ CN, 5.1.1989).

Đó là lần bày tranh tại nhà hữu nghị Tiệp Khắc 1989. Tôi, Đỗ Quang Em và Sơn. Trước đó, năm 1988, một phòng tranh tại nhà Sơn của Tôn Thất Văn, Sơn và tôi, cũng rất thành công.

## HÃY TRỞ LẠI, SƠN ƠI

Lần cuối cùng tôi và Sơn còn bên nhau là tháng 8, năm 2000. Mùa hè tôi từ Virginia về ở tại nhà Sơn một tháng, trưa chiều đều ngồi với nhau ở căn phòng đầy hơi hướm bạn bè tứ xứ của Sơn. Cái mặt bàn tròn là thân cây đại thụ chở từ Campuchia về, bốn chiếc ghế mây, và một dãy ghế để cạnh. Cái thùng ván thông lớn, trang trí đầy màu sắc, đựng những chai rượu chát. Chiếc đàn piano đen ám bụi, đóng màu dầu và acrylic để trong góc. Tranh dựng, treo ngổn ngang. Sơn đã vẽ tại đây, hát tại đây. Xấp bản thảo nhạc là những tờ giấy rời luộm thuộm. Cuốn sổ ghi địa chỉ và số phone úa vàng, Sơn đã ghi chú chi chít trên đó. Mấy năm sau này, Sơn đã bỏ hẳn thuốc lá, chỉ còn uống ít rượu. Đang uống Black Label nhãn đen.

Cuộc bày tranh chung giữa ba người bạn : Trịnh Công Sơn, Bửu Chỉ và tôi tại gallery Tự Do (từ 20.8 - 3.9.2000) mà Sơn đã tự mình phát biểu : “*Nghệ thuật đích thực là một thứ thông điệp còn lại sau cùng, khi mọi hình thức tồn tại khác đã mất đi.*”

Là cuộc chơi cuối cùng sao Sơn ?

Tôi trở lại Mỹ, chỉ mới bảy tháng sau mà Sơn đã bỏ tôi ở lại bên đời.

Tôi thấy lòng đau và buồn bã. Lúc gần ba giờ sáng bên này, có tiếng điện thoại reo. Tôi biết là tin dữ.

Tháng 4. Mùa xuân bắt đầu, hoa rục nở, mà lòng tôi chùng xuống lạnh tâm. Như trở lại với màu xám chì của mùa đông dài tuyết phủ vừa qua.

Suốt hơn cả tháng nay, tôi còn như thảng thốt. Tình bạn có hồi sinh được con hôn mê không Sơn. Hãy trở lại và ra dấu, như Bửu Chỉ đã nhắn, để chúng ta lại nhận ra nhau, lại ôm chàng lấy nhau mà khóc.

**Đình Cường**

Virginia, 16.4.2001



# TỪ LINH SƠN NHỚ VỀ YÊN TỬ

Nguyễn Tường Bách

Có nhiều truyền thuyết giải thích tại sao núi Linh Thứu(\*) còn có tên là “đỉnh kên kên”. Có thuyết cho rằng tôn giả A-nan, một vị học trò thân cận của Phật, trong lúc thiền định trong động đá bị ma quỷ hiện thành chim kên kên doạ nạt. Tồi không hiểu nếu hiện hình con gì thì còn có người sợ chứ chim thì mấy ai sợ. Lại có người cho rằng nơi đây chim kên kên hay đến làm tổ. Cũng có kẻ nói rằng đá núi nơi đây có hình chim kên kên, thuyết này xem ra đứng vững hơn cả.

Như ta đã biết, trong hơn bốn mươi năm giáo hóa, Đức Thích-ca đã giảng nhiều bài kinh quan trọng tại Linh Thứu.

Cuối đời mình, nơi đây Ngài đã dùng Báo thân để giảng bộ *Kinh Diệu pháp liên hoa* cho thiên nhân cũng như cho loài người, bộ kinh Đại Thừa nổi tiếng mà Phật tử Việt Nam vẫn gọi là *Kinh Pháp Hoa*.

Cũng trên đỉnh Linh Thứu này, ngày nọ, Đức Thích-ca không nói gì, lặng lẽ đưa một cành hoa lên cao. Hội chúng chẳng ai hiểu gì cả, chỉ có một đại đệ tử của ngài là Đại Ca-diếp mỉm cười, cũng chẳng nói năng gì. Hành động “niêm hoa vi tiếu” này là đầu nguồn của Thiền tông, một tông phái chủ trương “tâm truyền tâm”, đạt giác ngộ không cần và không thể sử dụng ngôn ngữ văn tự mà dùng tuệ giác vốn có sẵn nơi tâm mà tiếp cận với thực tại. Linh Thứu là quê hương của Thiền tông, đây cũng là suối nguồn của nhiều tông phái quan trọng khác. Đại Ca-diếp được xem như Tổ thứ nhất của Thiền tông Ấn Độ. Về sau Đại Ca-diếp truyền cho A-nan, rồi cứ thế mà dòng truyền thừa Thiền tông tiếp diễn liên tục đến gần ba mươi đời sau, trong đó có Long Thụ là truyền nhân đời thứ 14 mà ta đã biết. Khoảng tám trăm năm sau khi Đức Thích-ca nhập diệt có một lữ khách từ Trung Quốc đến thăm Linh Thứu. Người đó là một vị tăng sĩ, tên gọi là Pháp Hiển, sinh khoảng cuối thế kỷ thứ tư. Năm 399, Pháp Hiển lên đường thăm Ấn Độ, thăm các thánh tích quan trọng của Đức Thích-ca và mười lăm năm sau mới về nước, mang theo vô số kinh điển. Theo tập ký sự còn lưu lại, Pháp Hiển mang nhang đèn đến Linh Thứu, vừa dâng hương, thì “đèn tự cháy sáng”. Pháp Hiển, “buồn đến phát khóc”, ở lại trong núi một đêm và tụng đọc kinh Lăng Nghiêm để nhớ lại vị đạo sư đã giảng kinh này tại đây. Sau Pháp Hiển hơn hai trăm năm, một đại sư Trung Quốc lừng danh khác là Huyền Trang, biệt danh Đường Tam Tạng cũng đến chiêm bái Linh Thứu. Trên đỉnh núi Linh Thứu ngày nay còn một nền đá ghi lại ngày xưa Đức Thích-ca đã trú nơi đây và ngàn năm sau Huyền Trang đã nghỉ lại qua đêm. Vị tăng sĩ Việt Nam đầu tiên đi Linh Thứu có lẽ là Đại Thặng Thăng, sinh vào thế kỷ thứ bảy. Đại Thặng Thăng với ba vị tăng sĩ Việt Nam khác cùng đi với nhà sư Trung Quốc

Nghĩa Tịnh (635-713) bằng đường biển đến Ấn Độ, đến tham bái Linh Thứu và các thánh tích khác, cuối cùng chẳng may bỏ mình tại xứ người.

Không phải chỉ có lữ khách từ xa đến Ấn Độ, ngược lại tăng sĩ Ấn Độ đi các nước khác cũng rất nhiều mà con người đây huyền thoại nhất thời đó là một tăng sĩ mặt đen, râu rậm, tướng mạo như một võ sư. Đó là Bồ-đề Đạt-ma, có lẽ sinh năm 470. Bồ-đề Đạt-ma chính là truyền nhân đời thứ 28 và là đời cuối cùng của Thiền tông Ấn Độ, bắt đầu với Đại Ca-diếp và A-nan. Năm 520 Bồ-đề Đạt-ma lên đường đi Trung Quốc bằng đường biển, theo một tài liệu thì có ghé Việt Nam trước khi đến Nam Kinh gặp vua Trung Quốc là Lương Vũ Đế. Gặp Vũ đế, Bồ-đề Đạt-ma khai thị yếu tính Thiền tông rất rõ ràng nhưng vua không lĩnh hội vì lòng còn bị các quan niệm thiện ác, tốt xấu chi phối. Bồ-đề Đạt-ma thấy cơ duyên chưa tới, bèn đi về hướng Bắc Trung Quốc, vượt dòng Trường giang đến Lạc Dương, lên ngọn Tung sơn, ở chùa Thiếu Lâm, chín năm tọa thiền quay mặt vào vách.

Tường Thiền tông như thế là đứt đoạn, tổ Thiền thứ 28 đã rời Ấn Độ đi Trung Quốc, ở Trung Quốc thì quay mặt vào vách không nói năng gì. Nhưng không phải, trong một ngày đây tuyết nọ, có người rút dao tự chặt cánh tay để tỏ lòng thành khẩn, xin Bồ-đề Đạt-ma khai thị. Người đó là Huệ Khả (487-593). Chỉ nghe một câu “an tâm”, Huệ Khả đại ngộ, trở thành truyền nhân của Bồ-đề Đạt-ma, đời sau gọi là nhị tổ của Thiền tông Trung Quốc. Huệ Khả truyền cho Tăng Xán. Người ta không rõ họ tên cũng như năm sinh của vị tam tổ này, chỉ biết Ngài tịch năm 606. Tăng Xán sau đó truyền cho Đạo Tín (580-651), rồi vị này truyền lại cho Hoàng Nhãn (601-674). Các vị truyền nhân này đều sống một cuộc đời kỳ dị, giác ngộ qua những câu vấn đáp xem ra ngộ ngẩn, mỗi người mỗi khác nhưng giống nhau ở chỗ lấy “tâm truyền tâm, thấy tánh thành Phật” làm gốc. Đến đời thứ sáu, với Lục tổ Huệ Năng (638-713) thì tính cách “bất lập văn tự” mới đạt tột đỉnh, vì Huệ Năng lúc đầu chỉ là một anh chàng tiểu phu mù chữ. Về sau, Huệ Năng không có truyền nhân chính thức, thiền Trung Quốc được xem là có sáu vị tổ, như thiền Ấn Độ có 28 vị. Thế nhưng Huệ Năng là người khai sáng dòng Thiền Trung Quốc rực rỡ hơn ai hết, để lại cho hậu thế vô số thiên sư xuất chúng và một dòng truyền thừa mãnh liệt đến thế kỷ thứ 11 và cả đến ngày nay.

Thiền tông không dừng ở Trung Quốc. Tổ thứ ba Tăng Xán vốn có ít học trò, trong đó có một vị tên là Tì-ni-đa Lưu-chi<sup>(1)</sup>. Vị này sinh năm nào không rõ, chỉ biết ông tịch năm 594. Sau khi ngộ pháp xong, Tì-ni-đa Lưu-chi đi về phương Nam, đến Giao Chỉ, ngụ ở chùa Dâu ngày nay, thuộc tỉnh Hà Bắc Việt Nam. Tại đây Tì-ni-đa Lưu-chi khai sáng dòng Thiền Việt Nam, truyền 19 đời, đến thế kỷ thứ 13, có ảnh hưởng mạnh đến các vua thời Lý.

Song song, trong số học trò sau mấy đời của Huệ Năng có một vị nói năng rất ít, được đặt tên là Vô Ngôn Thông. Năm 820, Vô Ngôn Thông về phương nam đến tỉnh Bắc Ninh Việt Nam ngày nay, khai sáng một dòng Thiền mới, truyền 17 đời, cũng đến thế kỷ 13.

Trong thế kỷ thứ 11, một vị thiền sư Trung Quốc tên gọi là

Thảo Đường, không rõ vì duyên cớ gì đi lưu lạc tận Chiêm Thành. Thảo Đường bị vua Việt Nam là Lý Thánh Tông bắt làm tù binh trong một trận chinh phạt nước này năm 1069. May thay cho Thảo Đường, Lý Thánh Tông là một nhà vua trọng đạo lý. Biết Thảo Đường là môn đệ của thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiển, Lý Thánh Tông phong làm Quốc Sư, tự nhận mình làm học trò. Cũng lại là một điều mà chỉ ngày xưa mới có. Sau đó, Thảo Đường khai sáng dòng Thiền thứ ba của Việt Nam, truyền được sáu đời, kéo dài đến cuối nhà Lý.

Khác với Thiền Trung Quốc chia thành “ ngũ gia thất tông ”, hầu như ba thiền phái Việt Nam chỉ đợi ngày hợp nhất. Qua đầu thế kỷ thứ 13, ba dòng Tì-ni-đa Lưu-chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường nhập lại thành một dòng duy nhất. Không rõ cơ duyên nào mà lịch sử Việt Nam lại sản sinh nhiều nhân vật lỗi lạc trong các thế kỷ 12, 13 của đời Lý Trần. Dưới ảnh hưởng của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ, ba dòng Thiền đó tập hợp thành một, xuất phát từ núi Yên Tử, hiện nay là thuộc tỉnh Quảng Ninh, gọi là phái Thiền Yên Tử. Tại Việt Nam núi Yên Tử trở thành đỉnh cao vọi vọi của một dòng Thiền vừa rất quý tộc vừa rất nghệ sĩ.

Giữa thế kỷ thứ 13, một nhân vật kiệt xuất ra đời, đó là Trần Nhân Tông (1258-1308). Vừa làm vua chăm lo bảo vệ bờ cõi, vừa là thiền sư đạt đạo, Trần Nhân Tông trở thành tổ thứ sáu của dòng Thiền Yên Tử. Nhưng vì nhân cách của Trần Nhân Tông quá rực rỡ, đời sau tôn ông làm sư tổ, lấy hiệu Trúc Lâm của ông đặt tên làm phái Thiền Trúc Lâm, một dòng Thiền có tính cách nhập thế. Năm 1304, Trần Nhân Tông đích thân đi cả nước tìm truyền nhân, gặp ngay một thiếu niên “ có đạo nhân ”, liền truyền pháp cho, người đó là Pháp Loa (1284-1330), tổ thứ hai của Trúc Lâm. Đến năm 23 tuổi, Pháp Loa gặp một nhân vật kỳ dị, lúc đó đã 51 tuổi, tên gọi là Huyền Quang. Huyền sử chép rằng, mẹ của Huyền Quang là Lê Thị, ba mươi tuổi mà chưa có con, thường đến chùa cầu nguyện. Đầu năm 1254, trụ trì chùa là sư Tuệ Nghĩa mơ thấy trong chùa “ đèn đuốc sáng choang, Đức Thích-ca chỉ tôn giả A-nan mà bảo, người hãy tái sinh làm pháp khí Đông Độ và nhớ lại duyên xưa ”. Năm đó Lê Thị sinh Huyền Quang. Gặp Pháp Loa, Huyền Quang tôn làm thầy mặc dù thầy trẻ hơn mình gần ba mươi tuổi.

“ Duyên xưa ” là duyên gì ? Đông Độ Việt Nam thật ra là có duyên với đạo Phật, Việt Nam đến với đạo Phật sớm hơn cả Trung Quốc. Trong thế kỷ thứ nhất công nguyên, tại Việt Nam đã hình thành ,một trung tâm đạo Phật là Luy Lâu, thuộc Bắc Ninh ngày nay. Luy Lâu phát triển song song với hai trung tâm của Trung Quốc là Lạc Dương và Bình Thành<sup>(2)</sup>. Thiền Việt Nam đã xuất phát cả trước khi Bồ-đề Đạt-ma đến Trung Quốc. Trong thế kỷ thứ ba, tăng sĩ Khương Tăng Hội người Giao Chỉ đã viết luận giải về Đại Thừa và Thiền tông cho nên nhiều người cho rằng Khương Tăng Hội chính là người sáng lập Thiền Việt Nam, không phải đợi đến lúc Thiền Trung Quốc du nhập.

Người đời sau tôn ba vị Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang là “ tam tổ ” Thiền Việt Nam, xứng danh ngang hàng với sáu vị Tổ Thiền Trung Quốc và 28 vị Tổ Thiền Ấn Độ. Núi Yên Tử của Việt Nam, Tung Sơn của Trung Quốc và Linh

Thú của Ấn Độ là nơi sản sinh các dòng Thiền đó.

Suốt bảy thế kỷ sau Trần Nhân Tông, trong vô số những người đã đến thăm Linh Thú, có một đứa con cháu lạc loài của ông đứng ngẩn ngơ trên núi chiều nay. Ôi, con người đích thực của bao vị thánh nhân hầu như chìm trong bóng tối của lịch sử. Thường người ta chỉ biết Trần Nhân Tông là một nhà vua giỏi bảo vệ bờ cõi, nào ngờ là một đại sư đạt đạo mà học thuật và nhân cách của ông đã truyền cho các thế hệ đến ngày nay. Tưởng Huyền Trang chỉ là một nhân vật huyền thoại, sư phụ hiền lành của Tôn Hành Giả, nào ngờ là một nhà dịch kinh trác tuyệt về văn chương và nội dung, sáng lập cả một tông phái đại thừa tại Trung Quốc. Tưởng Bồ-đề Đạt-ma chỉ là tổ sư võ công Thiếu Lâm, nào ngờ là kẻ đã khai sáng Thiền tông miền Đông Á, mở đường cho vô số người cầu hiểu biết.

Rời Linh Thú với lòng u hoài chiều hôm đó, tôi chỉ có thể nhắc lại đây lời của Schumann : “ *Chuyến hành trình theo dấu chân Đức Phật là một niềm vui, đồng thời là một cảm hoài xao xuyến, vì phần lớn những nơi Ngài đã đặt chân đến, ngày nay người ta chỉ còn tìm thấy sự đổ nát và hiu quạnh. Nhưng tính vô thường của vạn sự há chẳng phải là thông điệp của Ngài ư ? Ngài chẳng đã nói rằng Pháp sẽ có ngày bị quên lãng, nhưng sẽ được khám phá lại một cách mới mẻ ư ? Có thể Ấn Độ đã quên người con trai vĩ đại của mình, nhưng tại các nơi khác ở châu Á, mà cũng trong các tâm hồn tại châu Âu và Mỹ thì thông điệp của Ngài vẫn còn sinh động. Chúng ta hãy mừng vui rằng, có một đầu óc ưu việt đã thấu hiểu cái Khổ và nguyên nhân của nó và đã chỉ rõ cách giải thoát khỏi nó nằm ngay nơi chúng ta ”.*

**Nguyễn Tường Bách**

Trích : *Mùi Hương Trầm*, ký sự du hành tại Ấn Độ, Trung quốc, Tây Tạng. nxb Trẻ, tp HCM 2001.

(\*) Linh Thú : Griddhaguta, một ngọn đồi gần kinh thành Vương Xá (Rajagaha), Ấn Độ, nơi Đức Phật thuyết Pháp đợt thứ hai, chú thích của ĐĐ.

1 *Vinitaruci*

2: Ngày nay là Đại Đồng thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc.

**Tìm đọc**

**HỢP LƯU**

**tập san văn học nghệ thuật biên khảo**

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA  
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước*

♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện  
15 place Souham, F-75013 PARIS  
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

# MƯA TRÊN SÔNG

Thật Nhiên

Mưa tạnh chưa trên con sông trôi ngang thành phố đó ?

Ngọc khóc. Quì khóc. Châu khóc. Anh Quang cũng khóc, mắt đỏ hoe. Những tiếng khóc nén lại, ngậm chặt. Ánh nắng chiều rực vàng trên giàn bông giấy ngoài hiên. Sao không cảm thấy trọng lượng nải chuối đặt trên bụng nhỉ ? Màu vàng mặt trên vỏ óng ả quá. Mình chưa bao giờ vẽ chuối. Thèm có cái cảm giác chiếc cọ tròn trịa cầm trong tay, nhớ mùi thơm gắt của chất sơn quá.

Mọi người đi lại khẽ khàng. Không ai hát. Hôm nay chưa nghe ai hát. Quì cúi xuống vuốt má, tay rịn mồ hôi, Phương ơi, không thương em sao bỏ em mà đi ? Gọng kính trễ xuống bây giờ có vẻ to quá khổ với gương mặt vốn đã nhô xương của mình.

Mưa tạnh chưa nhỉ, trên bến đò nhìn từ ngôi trường sẫm màu ngói cũ. Và trên mái tóc rũ rượi nước mưa đêm ?

Khánh đã biết tin mình chết, và cũng hỏi, có yêu em không Phương ơi ? Ở mặt bên kia trái đất. Còn những ai sẽ hỏi mình có yêu họ không ? Nhiều.

Mình yêu chưa ? Yêu người đàn bà nào nhất ?

Rồi, mình yêu rồi. Mưa ơi !

\*

Thằng Hoàng ném cái ly không xuống con sông sau vườn. Mặt nước vỡ ra, vài giọt bắn lên trong nắng chiều. Mỗi năm nó ném hai cái ly xuống chỗ sông này, một cho nó, một cho tôi, sau khi dốc cạn chai rượu trong mỗi ngày sinh nhật của hai đứa. Có khi không có tôi, nó uống thay một ly, và vẫn ném. Tôi đã cười khẩy vào cái trò phường tuồng đó. Nó giận.

Mưa lại từ lúc trưa, dầm dề thấm đất. Số tiền mạ cho đủ cho chiếc vé xe đò và ăn tiêu tằn tiện trong nửa tháng. Thằng Côn viết thư nói vẫn sẵn lòng cho trọ lại căn gác trên đường Trương Minh Giảng. Tôi đã chán thành phố này, thời gian ở đây trì trệ và nặng nề. Thành phố nhỏ quá, ai cũng biết nhau. Đi đâu cũng có cảm giác nhột nhột của những ánh mắt nhìn soi mói từ phía sau lưng. Lại còn ba cái chuyện hội họp đấu tranh của chúng nó không phải là thế giới của tôi. Như chiều này chỉ muốn ôm đàn hát cho thằng Hoàng nghe bài mới viết, mà óc hấn đặc lại như óc bò những chuyện xuống đường với mũ báo đả đảo, hoan hô. Máu chảy nhiều quá, chảy vô lý quá. Tôi không hiểu. Có những lúc ngó nhau mà không biết nói gì. Không có gì nhiều để nói. Không ai hiểu chi ai. Về thôi.

Hoàng bảo, lấy xe đạp của tau mà về. Không, không cần,

tau muốn đi bộ. Mưa, mi điên à ? Ủ, điên. Mẹ nội mi, chết mặc xác. Ủ, mặc xác tau.

Xác. Chiếc xe tăng kéo lê ba cái xác rách tươm quần áo trên con đường đất dưới chân núi. Vệt máu thấm nhanh vào đất sẫm màu, mấy con chó lười thè dài chạy loanh quanh theo sau. Những người đàn bà, những đứa bé nằm xếp hàng sấp ngửa, mặt phủ giấy báo, dọc vệ đường bên chiếc xe đồ cháy đen vì mìn. Xác bó poncho trên thùng xe GMC sau trận đánh. Đầu người thúi hoăng bêu trên cọc tre phơi mưa nắng. Xác thai nhi chưa ra đời trong bụng mẹ. Xác dạt tấp vào bờ biển sinh chương như những con bò mộng. Thằng Nguyễn chết chưa mà không có xác mang về, mày còn làm thơ tình chép trong sổ tay không Nguyễn ?

Còn bảo, mày phải chọn. Hoàng bảo, mi phải chọn. Thế nói, mày không thể sống còn nếu không chọn. Lữ khuyên, cậu phải chọn và dành lấy cho cá nhân mình, cho cả dân tộc, một định mệnh mà tự mình phải quyết định lấy.

Đêm qua lại pháo kích. Cả nhà chen chúc dưới hầm chìm lấp xấp nước. Ba đứa con gái nhỏ run rẩy khấn nguyện. Mỗi khi nghe tiếng đạn bay xé gió trên thình không, mạ lại né người sang một bên, khi bên phải, khi bên trái. Mạ né người đi như thể làm thế có thể tránh được tai họa đến từ những miếng đạn sắc lêm. Phải tính làm sao ra sự cách biệt giữa tốc độ miếng bom và tốc độ những cái né người ? Tiếng nổ dội tức lồng ngực. Con chó nhỏ khiếp đảm, tuyệt vọng cào chân vào cánh cửa đóng. Nhìn qua cửa sổ, lửa cháy làng chài bên kia sông. Hai vệt sáng từ hai chiếc phản lực vùn vụt lên xuống bỏ bom. Có lần Thanh nói cô ấy có nhiều học trò đi học bằng đò từ những làng chài đó, không biết có đứa nào chết không ?

Thanh hay khóc lắm từ khi nhận tin Nguyễn mất tích. Chiều kho đạn nổ phía trại gia binh, Thanh kể, cả lớp cô dạy nhón nháo, có mấy đứa học trò con lính ở khu đó. Một con bé ôm cặp tất tả chạy vấp ngã ngoài sân, vạt áo dài vướng vào dây thép gai toạc một đường. Thanh phải ngồi khâu lại cho nó. Suốt tuần con bé không đến trường. Khi nó trở lại lớp, vạt áo vẫn vá còn có thêm vành khăn tang mới trên đầu. Thanh lại kể về ánh mắt lì lợm đầy cảm uất của thằng học trò giỏi nhất lớp. Nó vùng hất khi Thanh vuốt tóc nó thương cảm. Cảnh sát mở cặp lôi ra từng cuộn truyền đơn phía bên kia, rồi còng tay dẫn đi. Thanh lại khóc, mình không hiểu chi cả, Phương ơi. Thanh à, khóc đi. Tôi cũng không hiểu, không hiểu cả điều gì đã giữ chân Thanh lại với lũ học trò khốn khổ và ngôi trường xiêu vẹo buồn thảm đó. Khóc đi, khóc đi Thanh !

Khê nói, anh phải chọn. Hoặc em với đời sống giáo chức bình dị tỉnh lẻ, hoặc những nông nổi và ánh đèn phù hoa. Khánh bảo, em sẽ bỏ hát, mở tiệm buôn bán hoặc làm ăn chi đó với lính Mỹ, nhiều kẻ thâu rác mà giàu, anh không thể lòng bông mã. Mạ không khuyên, chỉ lo lắng cho thân thể từng đứa con, trong nhẩn nhục.

Mọi người đều khuyên mình chọn họ, chọn phía họ. Tôi chọn điều chi đây ?

Con người làm sao hoạch định cho hết tất cả những chi tiết cho cuộc đời mình? Thật ra, tôi đã chọn, làm tôi. Chính tôi. Cố gắng vượt thoát mọi kềm tỏa và để lại dấu vết trên cuộc đời này bằng những gì mình sáng tạo. Hát về những dự cảm và cho

những ước mơ. Họ không hiểu hoặc giả vờ không hiểu. Chỉ có mẹ là chấp nhận con bà như hẳn phải là. Dù mẹ không hiểu, mẹ chẳng cần hiểu. Mình thương mẹ quá. Làm sao cho mẹ bớt lo khổ ?

Bữa kia Linh mang về lon thịt hộp cho cả nhà ăn cơm chiều, khuya về tôi tò mò đọc hàng chữ tiếng Anh in ngoài lon, thức ăn dành cho chó, quân khuyển.

Trời sụp tối. Giá mà không giới nghiêm thì mình sẽ đi dưới cơn mưa bụi này cho đến hết đêm. Hay ghé lại Hạ, xin ly cà phê, nghe nàng hát và đốt thuốc nhìn nàng qua khói. Nhìn con gái hát thích hơn nghe.

Mình đã yêu chưa nhỉ ? Yêu rồi. Mình đã yêu Nga, yêu Dung, yêu Hạ, yêu Thùy. Chắc mình yêu tất cả mọi người nữ đã gặp trong đời. Ai cũng đẹp một nét nào đó, trong một khoảng thời gian nào đó. Có người mình đã ôm ấp trong tay. Có người chỉ thoáng qua tâm tưởng một ngày, một giờ, một phút. Có người cả hàng mười năm vẫn còn hiện diện trong những ca khúc mình viết. Mình chỉ không có đủ thời gian để khám phá tất cả mà thôi. Đời sống sao có lúc ngọt ngào quá, mình sẽ làm gì cho những ngày sắp đến ?

Hỏa châu rớt trên mặt sông sau khi soi rạn nó. Đoạn sông này trôi nhiều rong bèo. Những chiếc đò neo dọc theo bờ mờ nhòa dưới màu nước bạc.

Cô gái bước ra từ những mái nhà tôn ven đường. Anh cho em xin thuốc. Tôi chỉ có thuốc Basto thôi, cô hút được không ? Dạ, chi cũng được. Ánh lửa diêm lờ lờ soi mặt. Không có gì đặc biệt. Như tất cả mọi cô gái ăn sương khác ở mọi nơi trên đất nước này. Sao cô không ngồi trong lòng một thằng Mỹ nào đó trong một bar rượu nào đó ở Đà Nẵng trong lúc này ?

Mưa lạnh, anh về với em tối nay nghe ?

Cô gái đó không biết mình là ai. Có lẽ cô là một trong những người hiếm hoi không biết mình là ai. Thậm chí, có lẽ cô không biết cả trên trần gian này có cái tên Trần Duy Phương. Có vô vàn những người đàn bà yêu nhạc sĩ Trần Duy Phương nhưng không một ai yêu gã đàn ông có linh hồn yếu đuối mang tên đó trong suốt bấy nhiêu năm gã sống.

Tôi tỏa hào quang, vòng hào quang khốn nạn của danh vọng.

Đêm đó, tôi là gã đàn ông vô danh, gầy gò, cô độc lủi thủi dưới mưa. Gã có vẻ đáng thương. Ướt lèm nhèm, cầu thả.

Vào Sài Gòn hay ở lại Huế chẳng còn ý nghĩa gì.

Ba mươi năm trước giờ này chắc mẹ đang đau đớn. Mình quên hỏi cha có mặt bên mẹ lúc đó không. Ba mươi năm trước chắc giờ này mẹ đang hạnh phúc. Con chào đời mẹ có khóc vì vui ? Mỗi năm chỉ có mẹ nhớ và nhắc ngày sinh từng đứa con. Những đứa con nấu chè, cắt bánh, rót rượu cho niềm vui có mặt trên đời mà không mấy khi nhớ từng cơn đau sinh tử xé mở thịt da của mẹ mình.

Tôi theo cô gái bước xuống một khoang đò.

Anh đưa em mượn cái bi-kê (\*). Tôi đưa cô hộp diêm. Những que diêm Mỹ ầm trong túi quần loét xoẹt cháy, bắt lửa ngọn đèn măng-xông. Khoang đò được ngăn ra hai phần bằng tấm màn ni-lông hoa sặc sỡ. Bên kia một đứa bé quần mền hoa

dù Mỹ viện trợ, ngủ say như con mèo con trong mùng cùng màu xanh nhà binh. Cuộc chiến mang lòng nhân đạo của nước Mỹ hiện diện khắp nơi trên quê hương này.

Tôi nằm xuống. Cô gái chịu đựng, dẫn dắt tôi đến những đỉnh cao. Chưa bao giờ trong đời, kể cả về sau, có người đàn bà nào mang tôi đến những cảm giác cao ngất, rồi thả chìm sâu sặc sụa như vậy. Tôi cong lên từng đợt động tình. Vỡ bùng, hoang dại. Vỡ bùng tất cả khát khao, phần nộ, hoang mang, đắng cay, đau đớn, căm ghét, yêu thương... mà năm tháng đã tích lũy trong tôi. Tôi đã như một con người. Một gã đàn ông tìm hoa trong đêm cô đơn buồn ruồng. Tôi không là thiên tài, là hiền giả như được xưng tụng. Tôi không là Trần Duy Phương tài hoa dưới mắt người này, Trần Duy Phương tráo trở, xấu xa dưới mắt kẻ kia. Tôi vô danh và yếu đuối. Em là cô gái điểm vô danh trong đêm ế khách tình cờ. Mưa đều giọt mệ lả trên mũi đò.

Tôi thức dậy cùng tiếng kêu mẹ của đứa bé. Mẹ nó đã sang nằm võ về con. Đứa bé mút vú mẹ khó khăn, bầu vú mà tôi đã mút cạn giòng sữa lẽ ra dành cho nó.

Tôi khóc lặng lẽ. Ba mươi năm trước, giờ này chắc mẹ đang cho tôi ngậm mút những giọt sữa đầu đời. Giờ này chắc mẹ đã dậy đun ấm nước đầu ngày cho các con. Đêm nay chắc mẹ không ngủ, thức chờ cửa cho con.

Tôi dần tất cả số tiền ít ỏi mẹ cho làm lộ phí dưới đế ngọn đèn như một người lương thiện. Và trở về nhà.

Hôm sau, và nhiều hôm sau nữa tôi lên mọi người lần ra bến sông.

Mọi con đò đều xơ xác, nghèo nàn, bản thủ như nhau. Những đứa con gái đều vào nội thành ngồi trong lòng lính Mỹ, những đứa còn lại đều đáng thương và dĩ thoa như nhau. Tôi lạc mất. Mưa ơi !

Người nữ ấy chẳng bao giờ hiện diện trong bất cứ ca khúc nào tôi đã viết. Chẳng hiểu vì sao. Phải chăng chẳng có từ ngữ nào, kỹ thuật dụng ngôn nào diễn đạt được mùi vị những giọt sữa con người tôi mút bú trong đêm mưa đó. Những giọt sữa dành cho, hoặc cướp lấy, nhân danh hoặc không, bất cứ điều gì lớn lao cũng chẳng thể nào đền trả. Tôi không hiểu. Tôi viết nhiều về máu và nước mắt. Tôi bay la đà trên phận mệnh mình và phận mệnh mọi người, nhìn xuống những lâm than. Tôi chưa viết về sữa. Và chẳng thể nào viết được. Mọi chuyện đều đã muộn màng sau cái chết cho kẻ chết, nhưng có khi lại là khởi đầu cho kẻ sống.

\*

Tiếng còi xe và mở cổng sắt nặng nề. Chắc Linh hoặc Quyên về từ Canada.

Làm sao pha được màu vàng óng mặt trên vỏ chuối nhỉ ?

Mạ ơi, con đang lần về với mẹ, mạ ơi...

**THẬN NHIÊN**

Phục sinh 15/4/2001

(\*) bi-kê : briquet, bật lửa

Nguyễn Văn Thọ

## Không dung bàn một chữ PHÒ

Lênh đênh lên của Thân Phù  
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm

Tôi ra xứ người, tính tới hôm nay đã hơn mười hai năm. Nhiều người bạn của tôi được đi học hơn tôi thường tỏ ý than phiền khi thấy tiếng Việt Nam ta thiếu nhiều từ, phải vay mượn. Đây là một sự thật, khi tiếng ta rất khó diễn đạt một sự vật nào đó một cách chính xác. Ví như chuyện tán dóc, thấy một cô gái mà thoát trông, lòng mình đã dậy yêu phùng phịch... Bảo cô ấy *đẹp* thì không đúng. Vì thiếu gì khuôn dáng khả ái mà chẳng gọi điều gì ; *xinh* thì càng không phải. Gọi cô ấy *đa tình* thì cũng trật. *Gọi tình* thì gần sát nhưng hơi sợ các **cụ** giận và chính có ấy chau mày. Thôi thì đủ thứ chữ mà chưa từ nào vừa gọn vừa nêu chính xác cái tên đúng tình trạng của cô gái ăn mặc rất kín đáo mà khơi đủ trong mình cái độc tính của tuổi còn chưa già, đã hết trẻ. Mấy đứa biết tiếng Anh võ vẽ nói lớn một từ vào tai tôi : *Sexy girl* !

Từ ví dụ nhỏ có thể chưa chuẩn trên gọi cho tôi, tiếng Việt của ta khá nhiều từ, phong phú nhưng nghĩa khó chính xác. Nhưng cũng có những từ trong tiếng Việt rất đa nghĩa và chân xác khi phản ánh tên đúng của sự vật.

**Phù** là một từ như thế.

Nguyên gốc từ này có lẽ vay mượn từ chữ Hán.

Tra tự điển Hán Việt thấy gốc gác nó, chữ *Phù*. Viết gồm hai thành phần đứng bên nhau tôi nom như hai cái cây dựa vào nhau với sự lãng mạn tưởng tượng của mình (chữ Thủ và Phu). Cho nên chữ *phù* trước hết có nghĩa đen nói như hai vật một chỗ, nương nhờ nhau. Về ý lý nó chỉ sự giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau.

Chữ ấy về nhà ta biến thoát thành khá nhiều từ ghép mang bao nhiêu ý đẹp. Thống kê tạm trong trí nhớ là : *phù dưỡng, phù hộ, phù nghĩa, phù nguy, phù trì, phù tá*.

Còn một chữ *Phù* nữa không gốc từ chữ *Phù* trên ; ấy là *phù lạm* viết khác hẳn và ý nghĩa khác hẳn, chỉ sự quá mức thường ; *phù bạc* chỉ xa xỉ và mỏng, nông nổi ; *phù bào* lại là bọt nước. *Phù dân* là người không làm ăn gì cả. *Phù ngôn* là lời nói không thiết thực. *Phù phí* chỉ sự hao phí. *Phù phiếm* chỉ sự trôi nổi không cần thiết. *Phù sa* chỉ cát non lẫn trong nước sông. *Phù sinh* chỉ đời người trôi nổi trong chốc lát. *Phù trầm* lại chỉ nổi và chìm. Ai viết hư văn chẳng ra gì, không nên côm cháo gì, các cố gắng là *phù văn*.

Cái chàng *Phù Vân* xem ra chơi chữ. *Phù vân* là đám mây nổi, nhưng cũng chỉ của cải đó mà mất rồi. *Phù vân* xưa thường cặp kè với anh *Phù Vinh* chỉ hư danh, vẻ vang hão ! Chắc là có ý tứ gì chẳng mà lấy bút danh như vậy ? Hay là anh thân vận bèo dạt mây trôi, chốn xa xôi ngựa tay làm bài luận, chứ cái tên *Phù Vân* cho một người đàn ông thì thực ề ợt quá chừng.

Còn một chữ *Phù* thứ ba viết khác nữa, cũng vay từ chữ Hán. Chỉ cái thể tre của mây quan lại ngày xưa. Phết chữ ấy vào mấy tờ giấy, dán đại lên góc nhà là thành cái bùa chú dọa ma cà rồng. Đi với chữ *thủy* thành ông có phép thuật. Đi với chữ *ứng* tạo mệnh trời hạp với ý đời : *phù ứng*.

Chữ *Phù* thứ tư (viết khác) đẹp nhất, ta cũng lấy luôn của

ông Trung Hoa. *Phù dung* là tên một loài hoa rất đẹp, song sớm nở tối tàn. Đi tán *em*, hạ một câu rẻ tiền : Em như đoá *phù dung* ! Có ngày, một là cô ấy chết sủ, hai là mình bị ăn liền một cái tát mà lên cơn dở hơi !

Còn một từ viết khác nữa, chỉ một loài vật lờm khờ, nhỏ bé ; cứ tối tối là lao vào đèn bay quanh rồi chết bất đắc kỳ tử. Đã thế ta *mượn đẹp* của ông Trung Hoa và có từ *phù du*, khối thi sĩ mang vào thi ca, chuyện kể cho đủ lớp người.

Nhớ ngày nào, nằm bên cha nghe gió hè kéo kẹt bên lưỵ tre làng. Nắng hè xói qua bóng lá và con trâu buộc bên phành phạch quạt tai đuổi ruồi muỗi, soàn soạt nhai lại những gì nó ăn từ sớm. Ông lấy cái quạt giấy hoa lên không khí một vòng, vẽ chữ *mã* chạy song hành bên chữ *phu* : Người giữ ngựa đấy con ạ ! A, cái chữ ấy ta thường có thêm cái tên rất mơ mộng là *phò mã* chỉ rể của vua. Tôi khi ấy rất thắc mắc vì sao có chuyện chuyển đổi sinh thành lạ như thế ? Từ anh chăn ngựa, địa vị rất thường thành anh *phò mã* cao sang. Hay là cái anh chăn ngựa thì cũng rửa như cái thứ ngoại tộc lẫn vào nhà mình ? Ấy là theo quan niệm xưa. Nhưng vẫn còn là đẹp.

Chẳng thế ước mơ lấy vợ đẹp từ khi còn sáu tuổi làm *phò mã* của tôi sao mà thơ ngây thế. Công chúa thì phải đẹp là cái chắc ! *Phò mã* ! Đây là một giấc mơ êm đềm cổ tích của tuổi thơ tôi.

Một ngày sau chiến tranh, tôi *lang bạt* nơi núi thẳm rừng xanh hơn mười năm trở về Hà Nội. Tối ngõ Huế tối mù tắt điện chợt nghe tiếng ai quát : “ *Mấy con phò đi đâu mà mắt như mù đập thế ?* ”

Tôi giật mình vọt nhảy bên đường. Thì ra cách tôi sải tay, có mấy cô đi qua vỉa hè đụng phải một ông trẻ nằm khểnh trên một cái chiếu bên hè.

Nhà tôi cuối phố Huế rẽ vào. Xưa im lặng như một vùng xa khuất hương thôn. Sau có hơn chục năm xa cách nơi đây đã thành chợ, ồn ào tụ họp kẻ tứ xứ giữa trời.

Suốt mấy ngày tôi phát hiện ra nhiều cô gái, thành cu bầy giờ tên là *Phò* thế. Này *con phò* kia. *Thằng phò* kia ! Tất tần tật đều là *Phò*. Tôi đem chuyện đó ra hỏi mấy đứa bạn không đi bộ đội ở nhà. Chúng cười ồ lên và bảo : Cái thằng ngỗng ơi là ngỗng (dốt ơi là dốt). Nó bảo : “ *Phò tức là con phò phạch, con gái làm tiên, đũa điểm !* ”

Hà Nội sau chiến tranh bắt đầu sinh ra ở đâu mấy cô điểm mà Hoàng Hưng đã có lần đưa vào thơ :

*Tuổi ba mươi như con trẻ / Mất tâm vì cô điểm ế...*

(Mưa Đêm, Thơ Hoàng Hưng)

Cái từ *phò phạch* chỉ gái điểm tôi biết từ ngày đó và không biết ngọn nguồn tự đâu ra ?

Sau này học viết văn, tôi cũng chú ý tìm hỏi cội nguồn mà chưa thấy, nay vẫn chưa thấy. Đồ ơi, có ai sang sông chỉ cho tôi nguồn cội của nó không ?

Cứ như thế, cả khi chỉ ra những giá trị giả như một cô gái mất trinh, một cô gái điểm, người ta dùng từ *phò* với một cái nghĩa mới. *Đồ phò* đấy mà – chỉ đồ giả. *Thằng phò*, chỉ một gã đàn ông không ra gì.

Lại tệ hơn khi họ nói : *Con điểm phò* !

Khốn nạn con người, khốn nạn cho một thân phận, một kiếp bèo dạt mây trôi, đã *điểm* lại còn *phò* !

Và Hà Nội khi đó tràn đầy những cái lẩn lộn như vậy : xe *phò*, vải *phò*, thuốc *phò*... từ thế giới ngôn ngữ đường phố thoát nhiên chen vào cuộc sống đầy dẫy chân giả, lẩn lộn yêu

## GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

**Nguyễn Quang Thân, *Con ngựa Mãn Châu***  
*tiểu thuyết*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội, 2001, 704 trang.

Không phải ngẫu nhiên mà hình ảnh con ngựa Mãn châu lại xuất hiện ngay từ lúc mở đầu, cũng như lúc kết thúc cuốn truyện. Đọc theo truyện, bóng dáng của nó dường như vẫn ẩn hiện đâu đó. Phải chăng vì nó là một trong những kỷ niệm đã in sâu vào trí nhớ của Quang, cậu bé mới lên 9, lên 10 tuổi, chứng nhân của những sự cố đã xảy ra ở Trại Ông Đốc ? Nhưng con ngựa Mãn châu không chỉ là một kỷ niệm. Nó còn là một biểu tượng. Trước hết, đó là biểu tượng của thời kỳ Nhật chiếm đóng Đông Dương vào những năm 40. Hình ảnh con ngựa Mãn châu lang thang, vô chủ, (lúc Nhật đã đầu hàng), ngày một rạc đi, để rồi cuối cùng kiệt lực, rơi xuống vực thẳm (cùng với nhân vật ông Tham Chinh, ở cuối truyện), có thể còn là biểu tượng của sự cáo chung của một xã hội - cái xã hội Việt Nam nửa phong kiến, nửa thuộc địa, bước vào Cách mạng tháng Tám...

Cái tựa *Con Ngựa Mãn Châu* có một ý nghĩa biểu tượng là như thế. Nó có nói lên được hết cái nội dung phong phú của cuốn sách không, điều đó có lẽ cũng không quan trọng lắm. Chỉ biết rằng *Con Ngựa Mãn Châu* là một thiên tiểu thuyết viết về một thời kỳ lịch sử đầy những biến động to lớn và dữ dội trên đất nước ta. Một thời kỳ ngắn ngủi, nhưng đã đem lại biết bao nhiêu đổi thay ! Một thời kỳ tuy đã xa cách chúng ta đến hơn nửa thế kỷ mà vẫn như gần gũi và gần bó mật thiết với chúng ta. Đó là thời điểm năm 45, với nạn đói khủng khiếp, với những ngày Cách mạng tháng Tám sôi sục, và những ngày đầu Nam bộ kháng chiến. Thời gian của truyện (tôi không kể đoạn kết) chỉ vồn vện có thể, chưa đầy hai năm, vậy mà đã có biết bao nhiêu điều đã xảy ra trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó !.. Không gian của truyện là một không gian khá chật hẹp, gần như khép kín. Đó là một nông trại nhỏ, gần như cô lập, ở một vùng nông thôn hẻo lánh miền Trung, không xa thành phố Vinh, nơi có gió Lào thổi, có dãy núi Thiên Nhẫn, có rặng Giăng Màn, có con sông Phó, có bến phà Linh Cảm, có thị trấn Châu Phó, lại có nhà thờ Cầu Râm... Ở đó, người dân quê quen dùng một thứ tiếng địa phương rất khó nghe và rất bí hiểm, phải có tự điển riêng tra mới hiểu nổi (tự điển của Mẹ Vơn). Song, ngược lại, ở đó, và vào thời đó, giới trí thức, quan lại, phú hào, lại hay thích nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp !.. Đọc *Con ngựa Mãn châu*, người ta mới thấy hết cái cơ cực, thậm chí mọi rợ, của một vùng nông thôn nghèo ở nước ta ngày xưa, một nơi mà ngay đến cả mảnh lá chuối khô cũng không có để mà chùi đít, và người ta thường vẫn phải lấy những viên đá để làm cái việc đó !

Tác giả kể lại một giai đoạn lịch sử có thật, nhưng ông không viết tiểu thuyết lịch sử, và trong truyện chắc hẳn đã có rất nhiều điều hư cấu. Hư cấu là cái quyền của người viết tiểu thuyết, miễn là làm sao cho hay, cho lời cuốn được người đọc, và đem lại được cho họ những điều bổ ích.

Người đọc thiếu kiên nhẫn có thể không thích cái nhịp điệu hơi chậm trong cách kể chuyện của Nguyễn Quang Thân. Đây không phải là một cuốn tiểu thuyết dày đặc những thông tin, nhưng cũng không phải là thiếu sự cố. Cái tham vọng của tác giả có lẽ trước hết là nói lên được cái thân phận của những con người, trong bối cảnh lịch sử đặc biệt của một thời ly loạn.

quái và nhân thân. Sang tới Đức, xem những phim sau thế chiến, vì tồn tại, người ta cũng lộn xộn chẳng kém, cũng buồn lậu, đi điếm, trộm cắp... từ lóng. Lòng voi đi nổi buồn.

*Phò* với nghĩa xấu xa ấy, trở nên một từ thông dụng, không chính thống, nhưng ai cũng biết và hiểu, nhất là ở thế giới của sự nói lái, chơi chữ và đang hoàng bước vào một số ít truyện ngắn diễn tả các nhân vật dưới đáy xã hội.

*Phò mã* đâu rồi cái ý nghĩa tử tế và cao trọng của nó ?

Tôi vĩnh biệt ảo giác tuổi thơ chấp nhận một từ như thế, có trong sự thật phũ phàng của đời sống và sự mới mẻ của ngôn ngữ, từ đời sống bước ra.

Đó là một sự thật. Dù có cay đắng của giấc mơ cũ, nhưng phong phú khi nó thay đổi cho chữ *Phò* với hai nghĩa giản đơn từ nguyên thủy ; chỉ có vai trò một trợ động từ và một trợ danh từ.

Sự thật ấy đã có thêm một từ ở noãn ngữ của ta, không sang trọng nhưng thay đổi liên tục từ tính từ, trợ động từ, danh từ và... biểu tượng : “ *Anh cứ làm cho thật phò vào thì mới có lái !* ”, đây là một lời dặn của một người bảo tôi khi dự kiến chế khoá ở Hà Nội bán.

Ngày nay người ta ít dùng từ *Phò* để ghép vào một từ nào đó trong sử dụng ngôn ngữ nói về một vấn đề nghiêm chỉnh trong các cuộc họp, nghi lễ sang trọng. Đa số chữ *Phò* được nhắc tới như một sự thật xấu xa nào đó. Và sống chung với những tệ nạn khác của cuộc sống.

Vĩnh biệt mộng *Phò Mã* tôi ơi !

Vĩnh biệt một tiếng *Phù* đây nghĩa khí và tình người ai ơi !

Có nhắc đến sự giúp đỡ ai đó, người ta thường dùng tiếng thuần Việt. Còn chữ *Phò* và chữ *Phù* trên mấy cuốn sách truyện về lịch sử, giữ được vẻ đẹp trang trọng ngày nào.

Đã lâu lắm rồi. Hôm nay tôi lại nghe lại một từ *Phò* ở trên thế giới bao la tiếng chíp chíp vô thanh của làn sóng internet và con tim tôi chợt nhói buồn vô tận.

Làm sao tôi buồn ?

Đó là tiếng *Phò* được đặt trong ngoặc kép, nhắc đi nhắc lại trên một văn bản, trong một cuộc hội thảo do một nhà văn, người Việt Nam, ít nhiều có danh tiếng viết ra. Nó lại được thích thú nhắc đi nhắc lại, nhân danh trên một ý nghĩ tốt đẹp, mang khát vọng lớn, bàn tới một vấn đề không thể nói là nhỏ, một đề tài được khoát Đại Danh Từ, cài trong một chủ đề bàn về vai trò của Trí Thức Việt với cái tên rất mới người ta đưa ra : *Nhân cách “ phò ” chính thống của trí thức Việt Nam (!?)*

Tôi không thể bàn gì thêm được nữa.

Boong... Boong... Boong...

*Phò... Phò... Phành phạch...*

Cái chuông tre gió bên cửa đong đưa và tôi nghĩ tới người cha kính yêu của và bè bạn ông, những người dạy dỗ tôi, giúp đỡ tôi hôm qua và cả hôm nay để tôi có thể viết tiếp những dòng này.

Có thể, trong sự im lặng của căn phòng chỉ còn mình tôi, từ vô thức dội lên tiếng trâu thờ cạnh dãy tre làng, trong tiếng chuông của quá khứ, đã chỉ cho tôi, từ cuộc sống vất vả cạnh những mơ ước thơ ngây phải nhận tường mặt những những gì ghê tởm và hèn hạ.

Ai ơi, có ai biết từ *Phò* theo biến dạng của ngôn ngữ trần gian mà thả cho tôi không ?

Đức, 21.05.2001

**Nguyễn Văn Thọ**

Ông chú trọng đến khía cạnh nội tâm của các nhân vật, đến những khát vọng, những tình cảm sâu kín của họ, đến phản ứng của họ trước những biến động của xã hội, của lịch sử, hơn là chính những biến động đó. Song, để làm cái việc đó, không thể nào không phân tích, mà đi vào phân tích mỗi biến cố, mỗi nhân vật, thì đôi khi lại phải dài dòng, làm mất cái mạch truyện đi. Thời buổi sống vội ngày nay, dường như người đọc không còn mặn mà lắm với những đoạn văn độc thoại, những đoạn phân tích dài dòng về tâm lý nhân vật nữa. Người ta thích được tự mình phán đoán, suy luận, trước những hành động của các nhân vật, hơn là nghe những nhân vật triết lý, hay áp đặt những suy nghĩ của mình. Mặt khác, và điểm này tuy chỉ là về mặt thẩm mỹ thôi, nhưng cũng đi đôi với điểm trên, là người ta ngày càng chú ý hơn đến *nhịp điệu* của truyện, không phải chỉ vì nhịp độ của cuộc sống thật ở ngoài đời cũng khẩn trương hơn, con người ta sống cũng vội vã hơn, mà vì ý thức về vai trò của nhịp điệu trong một tác phẩm nghệ thuật ngày càng cao hơn, dù đó là một bài thơ, một truyện ngắn, truyện dài, một bộ phim, một bức họa, hay một công trình kiến trúc.

Tuy nhiên, truyện *Con ngựa Mãn châu* có cái bí quyết riêng của nó để hấp dẫn người đọc, bởi vì về thực chất, nó là một truyện viết về **tình yêu và lòng nhân ái**. Đó là hai thứ tình cảm đẹp mà ở đâu và ở thời nào người ta cũng đều có thể cảm nhận được. Tình yêu, với tất cả những diễn biến ma quái của nó, chính là cái cực thu hút mạnh nhất sự chú ý của người đọc. Qua ba chuyện tình của ba cặp nhân vật khác nhau ở trong truyện, người ta có thể nhận thấy rằng, ngay trong buổi loạn ly và trong những hoàn cảnh gian nan, tế nhị nhất, tình yêu và lòng nhân ái vẫn tồn tại được, và vẫn được coi như là cứu cánh, như là lẽ sống ở đời. Cả ba chuyện đều đẹp và cảm động, mỗi chuyện có những khía cạnh quyến rũ riêng, bởi mỗi chuyện là một cuộc phiêu lưu, một cuộc thách thức khác nhau.

Tình yêu, ở vào thời điểm những năm 44-45, hay trước nữa, không biết ngoài đời thật ra sao, nhưng dưới ngòi bút của những nhà văn Tự Lực Văn Đoàn, chẳng hạn, chắc hẳn sẽ không khi nào được miêu tả bằng những câu chữ táo bạo và thật như trong đoạn văn dưới đây của Nguyễn Quang Thân :

“...Y ôm Lua vào đôi cánh tay đã rã rời. “Em ơi, chúng mình sẽ xuống Vinh, chúng ta sẽ sống chứ không chết khổ chết sở thế này”. Trong giây lát, như ngọn đèn sắp tắt, một nguồn sinh lực được tình yêu dồn nén cổ vũ trời dậy, y lần tay vào lưng quần Lua. Một cái bụng lép kẹp, nhều nhều sôi âm ỉ vì cơn đói, lạnh băng. Bàn tay tìm xuống dưới nữa. Chỉ cảm thấy lạnh, cái lạnh của đói khát, chết chóc và ảm ức oán hờn. Y lần xuống phía dưới nữa. Một cái gì như túm lông con mèo, khô khốc đầu ngón tay y. Nuôi Tu bậm miệng lại cố lấy chút sức tàn xiết thân hình khô cứng của Lua vào lòng. Những đầu xương vai, xương đầu gối, những lóng xương sườn kêu lên rặng rặc. Nhưng y bị bắn ra, rơi xuống ổ rơm. Lua thét lên một tiếng kinh hoàng, tất cả sức sống còn lại của cô gái hai mươi tuổi ngày nào xinh xắn, khoẻ mạnh chỉ còn lại thế.” (CNMC, tr. 224)

Tác giả truyện *Con Ngựa Mãn Châu* có thành công hay không trong bức tranh phác họa cái vùng quê thân thiết của ông vào những ngày lịch sử của nạn đói năm 45, và của Cách mạng tháng Tám ? Điều này cũng khó mà biết được. Nhưng điều chắc chắn là, trên cái nền phông đó, ông đã xây dựng thành công một thiên tiểu thuyết tuyệt đẹp về tình yêu và lòng nhân ái.

Văn Ngọc

Như tên tử sách (*Hiện tình Châu Á*) và tên sách (*Việt Nam đứng trước tương lai*) cho thấy, đây là một cuốn sách viết về VN vào một thời điểm cụ thể, phân tích tình hình chính trị, xã hội, kinh tế của VN tại thời điểm ấy, nhằm vạch ra những khả năng chuyển biến trong một tương lai không xa lắm (trong phần lớn những dự đoán của mình, tác giả giới hạn ở khoảng thời gian một, hai thập kỷ). Tác giả là một nhà kinh tế, và từng là giám đốc Văn phòng Châu Á - Thái Bình Dương của Cơ quan liên chính phủ khối Pháp ngữ (*Agence intergouvernementale de la Francophonie*) ở Hà Nội từ năm 1994 đến cuối năm 1997.

Với cương vị ấy, ông đã cùng với chính phủ Việt Nam tổ chức hội nghị thượng đỉnh khối này ở Hà Nội năm 1997, và trực tiếp quản lý các chương trình hợp tác của khối với Việt Nam, trong những lãnh vực kinh tế, giáo dục, văn hoá và pháp luật. Sau đó, là một nhà tư vấn kinh tế trong các quan hệ với các nước Đông nam Á, ông đã thường xuyên có dịp trở lại Việt Nam.

Do đó, người ta không ngạc nhiên đọc ở nhiều trang trong cuốn sách (đặc biệt trong các chương IV và V) văn phong của một báo cáo chuyên đề, loại báo cáo tổng hợp, dự phóng, nhằm chuẩn bị chính sách đối với Việt Nam cho một chính phủ, một định chế quốc tế hoặc một nhà đầu tư, trong đó, để người đọc dễ theo dõi những luận cứ của tác giả, những bảng số và những trích dẫn nguồn tin cụ thể đã được lược bỏ tối đa (phần lớn những tin tức này không xa lạ với bạn đọc *Diễn Đàn*).

Mặt khác, để có thể đề ra những kịch bản có khả năng hiện thực nhất, dù chỉ cho một tương lai không xa, tác giả đã cố gắng vượt lên trên những thông tin kinh tế - chính trị ngắn hạn, đặt chủ đề nghiên cứu của mình trong một tổng thể lịch sử, địa dư, văn hoá rộng hơn. Với những trang tóm tắt về lịch sử quan hệ của Việt Nam với Trung Hoa, rồi với Pháp và Mỹ, và gần đây hơn, với các nước trong hiệp hội ASEAN, và với những trang viết về vai trò của đảng cộng sản trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, về hành trình hiện đại hoá của xã hội và con người Việt Nam (tuy rất ngắn, và dĩ nhiên không tránh khỏi một số sai lầm), cuốn sách mang lại một số thông tin cơ bản ngõ hầu tránh những nhận định vội vàng hoặc chủ quan mà người đọc không chuyên về Việt Nam dễ vấp phải.

Chẳng hạn trong chương III, với tựa đề *Liệu đảng cộng sản VN có đủ khả năng để dẫn dắt công cuộc phát triển (đất nước) ?*, tác giả đã phân tích khá sắc sảo những chủ bài và các hạn chế của đảng cộng sản Việt Nam. Trong số những chủ bài, tác giả không ngần ngại xếp lên hàng đầu cuộc cải cách ruộng đất, dù có những sai lầm, đã giải quyết được cơ bản nạn người cày không có ruộng, mang lại một vị thế chính trị khá vững cho đảng ở nông thôn, khác với tình hình ở các nước chung quanh như Indonesia, Bangladesh... Trong những hạn chế, ông nêu lên quá trình lấy quyết định trong bộ máy lãnh đạo đảng, sự chồng chéo và bất lực của các cấp nhà nước, với vai trò tiêu cực đáng kể của các cấp uỷ đảng ở các địa phương...

Chương VI, *Một cuộc khủng hoảng văn hoá, xã hội có thể tránh khỏi ?*, cũng là một chương có dụng công để nêu lên những nguy cơ có thể xảy ra do sự đào sâu những mâu thuẫn xã hội trong quá trình cải tổ kinh tế, những phản ứng có tính

văn hoá của xã hội Việt Nam... Tác giả đánh giá khá xác đáng về cuộc ‘đổi mới’ diễn ra từ đại hội 6 năm 1986 : dù là một thành công về kinh tế, nhược điểm lớn nhất của ‘đổi mới’ chính là ở chỗ đảng đã không đề ra được một hệ thống giá trị mới nào, mà vẫn cứ nhắc đi nhắc lại các giá trị của chủ nghĩa xã hội, “ *trong khi đồng tiền đã ngự trị ở khắp nơi* ”. Từ đó, dưới mắt của các thế hệ trẻ, dễ hiểu là “ *hình ảnh của hiện đại trùng lặp với sự quyến rũ của nước ngoài, của Tây phương, mà Tây phương đây là Mỹ chứ không phải châu Âu nữa* ”. Ông tỏ ra lạc quan khi nêu ra những hiện tượng chứng minh phản ứng tự vệ của một xã hội có những gốc rễ văn hoá lâu đời, cho phép phác thảo sự hình thành của một xã hội hiện đại giữ được tính chất Việt Nam. Những nỗ lực sáng tạo đó, theo tác giả, còn rất mỏng manh trước những đe dọa tăng cường kiểm soát của bộ máy chính trị, tuy đã nhiều lần buộc chính quyền phải lui bước... Bên cạnh đó, hố phân cách giàu - nghèo mỗi ngày một đào sâu, giáo dục và y tế xuống cấp, tăng thêm tính bất ổn xã hội...

Nhìn chung, tác giả thừa nhận những thành quả về kinh tế của cuộc đổi mới, và dựa trên những dữ kiện chính trị-kinh tế-xã hội được tổng hợp khá trung thực, đã đưa ra một cách khá thuyết phục một số kịch bản dự báo các bước chuyển biến của tình hình Việt Nam trong những năm sắp tới (đáng lưu ý, trang viết về kịch bản Đà Loan trong phần kết luận). Người đọc mang sẵn trong mình những tình cảm thiên kiến đối với sự việc dính líu tới Việt Nam có thể có nhiều bất đồng đối với những nhận định, gợi ý của tác giả. Bản thân ông, trong phần mở đầu, cũng đã đề cập thẳng tới khó khăn giữ được khách quan về vấn đề Việt Nam, hậu quả của cuộc chiến tranh giành độc lập kéo dài nhiều thập kỷ, với những chia rẽ, hận thù ngay trong lòng dân tộc, và những vang động khắp thế giới.

Song, như đã nói, cuốn sách nhắm nhiều hơn vào những nhà hoạt động chính trị, những tổ chức, nhà kinh doanh... cần một số thông tin có cơ sở nhằm tính toán các dự tính làm ăn, liên hệ của họ với Việt Nam. Trong mục tiêu đó, có thể nói, cuốn sách đáng được mua đọc...

**Hoà Văn**

## SÁCH MỠI SÁCH MỠI SÁCH MỠI

(tiếp theo trang 3)

đã tham chiến. Chương cuối (từ trang 217 đến trang 259) dành cho “ vụ án Boudarel ” nổ ra cách đây đúng 10 năm. Tác giả không những đã tường thuật tỉ mỉ diễn biến “ vụ án ” đã gây chấn động dư luận, mà còn phân tích một cách khách quan luận cứ của “ bên nguyên ” lẫn “ bên bị ”, và không những thế, ông còn lí giải được động cơ của những thế lực đã ngụy tạo ra “ vụ án ” và nêu rõ được thái độ thảm hại của chính giới Pháp qua vụ này. Nếu báo chí và các media Pháp dành cho cuốn sách này một phần ngàn câu chữ mà họ đã dành để nói về “ vụ án Boudarel ”, có lẽ dư luận Pháp sẽ hiểu hơn về thực chất cuộc chiến tranh thuộc địa, ở Đông Dương cũng như ở Algérie đang trở thành thời sự sau những lời thú nhận của tướng Aussaresses.

**Philippe Papin, *Histoire de Hanoi***, Fayard éd., Paris, 2001, 404 p, 150 F.

Philippe Papin (Viện Viễn Đông Bác cổ, Hà Nội) là tác giả một luận án tiến sĩ sử học rất có giá trị về lịch sử Hà Nội thế kỉ 19. *Histoire de Hanoi* (trong tủ sách *Histoire des grandes villes du monde*) không phải là cuốn sách tóm tắt công trình nghiên cứu nói trên, mặc dầu nó có đầy đủ tính nghiêm túc và khoa học. Nhưng không hề khô khan. Qua năm phần (17 chương), tác giả đưa ta đi thăm Hà Nội từ thời Âu Lạc đến ngày nay, qua thời kì Cao Biền, nhà Lý, Trần Lê... , Pháp thuộc. Cuốn sách ra đời đúng dịp kỉ niệm nghìn năm Thăng Long. Người đọc Việt Nam cũng như nước ngoài bây giờ có được một tác phẩm tốt về Hà Nội.

**Philippe Papin, *VIỆT NAM Hành trình một dân tộc***, Nguyễn Khánh Long dịch, Thời Mới, Toronto, 2001, 176 tr, giá bán tại Pháp 60 F (nhà sách Việt, 142 Bd Vincent Auriol, Paris 13)

Của cùng tác giả, một cuốn sách phổ thông về Việt Nam (nguyên tác tiếng Pháp : *VIETNAM Parcours d'une Nation*, Documentation française, Paris, 1999). Ngắn gọn, linh hoạt, chương cuối hơi yếu. Bản dịch tốt.

Địa chỉ nhà xuất bản : Thời Mới, , P.O. Box 266, Station C, Toronto, Ontario M6J 3P4, Canada ; điện thoại (416) 461-5538 (Email : [xbthoimoi\\_can@yahoo.com](mailto:xbthoimoi_can@yahoo.com)).

**Nguyễn Huy Thiệp, *Suối nhỏ êm dịu***, kịch, tựa của Thụy Khuê, Văn Nghệ (P. O. Box 2301, Westminster CA 92683), 2001, 168 tr, giá bán tại Mĩ 8 MK.

Kịch 3 hồi và một màn vĩ thanh. “ *Chuyện xảy ra ở một quốc gia phương đông đang phát triển, một quốc gia giả định (...). Ở đây (...) người ta chịu ảnh hưởng của nhiều tư tưởng và tôn giáo khác nhau : đạo Phật, đạo Nho, đạo Lão, đạo Kitô... Mặc dù ở thế kỉ XX nhưng những ảnh hưởng của văn minh đến quốc gia này còn hạn chế...*”

**Kiến Văn**

T.B. Trả lời bạn đọc hỏi mua cuốn sách ***Binh biến 11-11-1960*** ở đâu : có thể liên lạc với tác giả Vương Văn Đông, 32 Ave Marx Dormoy 95200 Sarcelles (giá sách : 150 F + cước phí bưu điện 20 F). ĐĐịa chỉ Email : [dong.vuong@wanadoo.fr](mailto:dong.vuong@wanadoo.fr)

### Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ \* Imprimé par nos soins  
Dépôt Légal : 178/91 \* Commission Paritaire : AS 73 324 \* Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

[diendan@wanadoo.fr](mailto:diendan@wanadoo.fr).

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg  
Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 3.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)